

807

ThS. HUỖNH VĂN THẮNG

Đ250K

ĐỀ KIỂM TRA

Ngũ vãn

7

(Tái bản
lần thứ hai)



- 15 phút
- 1 tiết
- Học kì



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ThS. HUỖNH VĂN THẮNG

ĐỀ KIỂM TRA
NGŨ VĂN

7

(15 PHÚT - 1 TIẾT - HỌC KÌ)

(Tái bản lần thứ hai)

THƯ VIỆN QUẢNG BÌNH

Đ. 000652

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập ĐINH VĂN VANG

Chịu trách nhiệm nội dung và bản quyền:
Nhà sách HỒNG ÂN

Biên tập nội dung:
NGUYỄN NGỌC HÀ

Sửa bản in:
THÁI VĂN

Trình bày bìa:
PHẠM VIỆT QUANG

Mã số: 02.02.930/1181.PT2012

ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN 7

In 1.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty TNHH MTV In Tín Lộc – TP. Hồ Chí Minh.

Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 78 – 2012/CXB/930-43/ĐHSP kí ngày 13/01/2012.

QĐXB số: 1520/QĐ-ĐHSP ngày 12/12/2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2013.

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tiếp theo cuốn “ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN 6 - 15 PHÚT, 1 TIẾT, HỌC KÌ” chúng tôi biên soạn cuốn “ĐỀ KIỂM TRA NGŨ VĂN 7 - 15 PHÚT, 1 TIẾT, HỌC KÌ” nhằm hỗ trợ tốt hơn cho quá trình học của các em.

Cuốn sách được xây dựng căn cứ vào nội dung chương trình Ngữ Văn 7, với các hình thức trắc nghiệm và tự luận hoặc toàn bộ là tự luận. Sau mỗi đề đều có hướng dẫn trả lời.

- Các đề kiểm tra, chúng tôi biên soạn và định hướng theo yêu cầu chung là:

+ Đề kiểm tra 15 phút là những bài tập nhỏ. Những câu hỏi đảm bảo tính vừa sức với các em, nội dung câu hỏi phù hợp với dung lượng thời gian.

+ Đề kiểm tra 1 tiết (45 phút), tuân thủ đúng phân phối chương trình mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2008-2009.

+ Đề kiểm tra học kì được vận dụng tích hợp cao ba phân môn: đọc văn, làm văn, tiếng Việt.

+ Câu hỏi trắc nghiệm chúng tôi chú ý đến khả năng suy luận, phán đoán, khái quát tổng hợp.

+ Câu hỏi tự luận, chúng tôi chú ý đến kĩ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn chương, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn nghị luận.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã có nhiều cố gắng, nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Tác giả

A. CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ I

I. ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: “Cổng trường mở ra” thuộc kiểu loại văn bản gì?

- A. Nhật dụng.
- B. Nghị luận.
- C. Thuyết minh.
- D. Đa dạng.

Câu 2: Chủ đề của văn bản “Cổng trường mở ra” là gì?

- A. Những tâm tư tình cảm của người mẹ trong đêm chuẩn bị cho con bước vào ngày khai trường đầu tiên.
- B. Là tâm trạng háo hức của cậu bé chuẩn bị cho ngày đầu tiên bước vào lớp một.
- C. Sự quan tâm của gia đình và xã hội đối với việc học của thế hệ trẻ.
- D. Ấn tượng đầu tiên về ngày khai trường của nhân vật người “con”.

Câu 3: Sau khi nghe mẹ nói “Ngày mai đi học, con là cậu học sinh lớp Một rồi”, cậu bé đã hành động như thế nào?

- A. Chạy đến ôm hôn mẹ và nói: Con cảm ơn mẹ.
- B. Hăng hái tranh với mẹ dọn dẹp đồ chơi.
- C. Ngoan ngoãn đi ngủ sớm.
- D. Chuẩn bị sách vở gọn gàng cho ngày mai.

Câu 4: Điền đáp án đúng vào chỗ trống trong câu sau:

“Mẹ nghe nói ở Nhật, ngày khai trường làcủa toàn xã hội”.

- A. Ngày lễ.
- B. Ngày vui.
- C. Ngày hội toàn dân.
- D. Ngày cả nước đưa con em đến trường.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Kết thúc bài văn, và cũng là kết thúc dòng tâm sự của người mẹ đối với đứa con yêu quý của mình, tác giả viết : “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”. Theo em, tác giả muốn gửi thông điệp gì qua câu nói ấy?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	A	B	A

2. TỰ LUẬN: Học sinh có thể viết thành đoạn văn hoặc bài văn ngắn. Yêu cầu phải hiểu được dụng ý của tác giả gửi vào câu nói là :

- Tác giả đề cập đến vai trò quan trọng, ý nghĩa to lớn của nhà trường đối với mỗi con người. Mỗi chúng ta bước qua cánh cổng trường sẽ thấy được một “thế giới kì diệu”. Đó là thế giới của tri thức của tương lai, của no ấm hạnh phúc, của văn minh tiến bộ. Thế giới kì diệu ấy là của tình bạn trong sáng, chân tình, tình thầy trò nồng ấm, thiết tha “Thế giới kì diệu” ấy luôn mở rộng vòng tay đón nhận những người ham hiểu biết, yêu lao động và yêu cuộc sống. Cánh cổng trường là thế giới kì diệu sẽ chấp cánh cho mỗi chúng ta bay cao, bay xa tới những chân trời của ước mơ và khát vọng.

ĐỀ SỐ 2

Đọc văn bản “Cổng trường mở ra” và hai câu thơ sau:

*“Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”.*

(Con cò - Chế Lan Viên)

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 8 đến 10 câu) nói lên cảm nhận của em về tấm lòng của mẹ.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Văn bản “Cổng trường mở ra” và hai câu thơ của nhà thơ Chế Lan Viên đều nói về tấm lòng của người mẹ dành cho mỗi người con.

- Tình mẫu tử là rất thiêng liêng. Mẹ mang nặng đẻ đau, nuôi dưỡng, dạy dỗ con nên người. Từng bước đi, suy nghĩ tâm trạng của con đều được mẹ diu dặt, sẻ chia, động viên, khích lệ. Mẹ chịu đựng những vất vả, nhọc nhằn cho con được đến trường, cho con cả tương lai và hạnh phúc. Mẹ là niềm tự hào, hạnh phúc của mỗi người con. Mẹ là hành trang cho con bước vào đời, là ngọn lửa thắp sáng mọi ước mơ.

- Nghĩ về mẹ với tấm lòng tri ân, tri công để có được đạo nghĩa làm người, làm con nên biết “Công cha, áo mẹ, chữ thầy”.

ĐỀ SỐ 3

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: Tác giả của văn bản "Mẹ tôi" là nhà văn của nước nào?

- A. Nhà văn I-ta-li-a (Ý). B. Nhà văn Tây-Ban-Nha.
C. Nhà văn Ca-na-đa. D. Nhà văn Áo.

Câu 2: Văn bản "Mẹ tôi" được trích trong tập truyện nào sau đây?

- A. Cuộc đời của các chiến binh. B. Cuốn truyện của người thầy.
C. Giữa trường và nhà. D. Những tấm lòng cao cả.

Câu 3: Tập truyện "Những tấm lòng cao cả" của nhà văn Ét-môn-đô A-mi-xi được viết dành cho đối tượng nào sau đây?

- A. Cho những người mẹ trên toàn thế giới.
B. Những người chiến binh dũng cảm.
C. Cho những bậc làm cha làm mẹ.
D. Truyện dành cho thiếu nhi.

Câu 4: "Con hãy cầu xin mẹ hôn con, để cho chiếc hôn ấy xóa đi cái dấu vết vong ân bội nghĩa trên trán con". Theo em, nghĩa của thành ngữ "Vong ân bội nghĩa" chỉ về phẩm chất đạo đức của những người muốn có ân mà không có nghĩa. Ý kiến này đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Tìm những chi tiết nói lên thái độ tức giận, kiên quyết và nghiêm khắc của người bố trong văn bản "Mẹ tôi". Hãy lí giải vì sao người bố lại có thái độ như vậy?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	D	D	B

2. TỰ LUẬN:

- a. Những chi tiết tiêu biểu thể hiện thái độ của người bố.
- Tức giận: "Nhớ lại điều ấy, bố không thể nén được cơn tức giận đối với con", "Con mà lại xúc phạm đến mẹ con ư?".
 - Kiên quyết: "Việc như thế không bao giờ con được tái phạm nữa".

- Nghiêm khắc: “Thà rằng bố không có con, còn hơn là thấy con bội bạc với mẹ”.

b. Lí do khiến người bố có thái độ ấy là.

- Vì ông không thể chấp nhận được lỗi lầm của đứa con. Ông coi đó là dấu vết vong ân bội nghĩa.

- Vì ông vô cùng đau xót trước lỗi lầm của đứa con: “Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy!”.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: Đề văn bản có tính liên kết, người viết (người nói) phải chú ý đến những yêu cầu nào?

Câu 2: Sắp xếp các câu văn sau đây thành một đoạn văn hoàn chỉnh .

1. Sự kết hợp khéo léo của hai phương thức này giúp cho văn bản có được giọng điệu truyền cảm, gợi lên nhiều nỗi xót xa trong tâm hồn người đọc.

2. Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản là tự sự.

3. “Cuộc chia tay của những con búp bê” (Khánh Hoài) là một văn bản nhật dụng.

4. Ngoài ba cuộc chia tay tạo thành ba yếu tố hạt nhân của văn bản, tác giả còn sử dụng phương thức biểu cảm qua cách kể chuyện, đồng thời bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật chính.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Đề văn bản có tính liên kết, người viết (người nói) phải làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau, đồng thời phải biết kết nối các câu, các đoạn đó bằng những phương tiện ngôn ngữ (từ, câu...) thích hợp.

Câu 2: Có thể sắp xếp theo trình tự là : câu 3 → câu 2 → câu 4 → câu 1.

Đoạn văn:

“Cuộc chia tay của những con búp bê” (Khánh Hoài) là một văn bản Nhật dụng. Phương thức biểu đạt chủ yếu của văn bản là tự sự. Ngoài cuộc chia tay thành ba yếu tố hạt nhân của văn bản, tác giả còn sử dụng phương thức biểu cảm qua cách kể chuyện, đồng thời bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật chính. Sự kết hợp khéo léo của hai phương thức này giúp cho văn bản có được giọng điệu truyền cảm, gợi nên nhiều nỗi xót xa trong tâm hồn người đọc.

ĐỀ SỐ 5

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: Văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê" được viết theo phương thức biểu đạt nào là chính?

- A. Miêu tả.
- B. Miêu tả, biểu cảm.
- C. Biểu cảm.
- D. Tự sự.

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê" là ai?

- A. Nhân vật người anh.
- B. Nhân vật người em.
- C. Nhân vật người mẹ.
- D. Hai anh em Thành và Thuỷ đều là nhân vật chính.

Câu 3: Hình ảnh hai con búp bê của anh em Thành và Thuỷ luôn đứng cạnh nhau mang ý nghĩa tượng trưng cho điều gì?

- A. Tình anh em bền chặt không gì có thể chia sẻ.
- B. Gia đình là tổ ấm không thể chia lìa.
- C. Tình cảm ngây thơ trong sáng của những đứa trẻ.
- D. Tuổi thơ bất hạnh của hai anh em Thành, Thuỷ.

Câu 4: Theo em, vì sao Thành, Thuỷ không thể mang búp bê chia ra?

- A. Vì búp bê gắn với gia đình sum họp, đầm ấm.
- B. Vì búp bê là kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.
- C. Vì búp bê là hình ảnh của anh em ruột thịt.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Trình bày những cảm nhận của em sau khi đọc xong văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê".

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	D	A	B

2. TỰ LUẬN: Câu hỏi theo hướng mở. Học sinh có thể cảm nhận theo cảm xúc, suy nghĩ khác nhau, song phải dựa vào nội dung, tư tưởng của văn bản.

Gợi ý:

- Văn bản “*Cuộc chia tay của những con búp bê*” là câu chuyện kể về những cuộc chia tay: chia tay búp bê, chia tay lớp học, chia tay giữa anh em Thành và Thủy. Đó là những cuộc chia tay không bình thường. Vì những người tham gia vào cuộc chia tay này đều không có lỗi, có thể xem những cuộc chia tay trên là không đáng có.

- Viết về những cuộc chia tay không đáng có, tác giả muốn chuyển đến người đọc một thông điệp về quyền trẻ em. Đó là không thể đẩy trẻ em vào tình cảnh bất hạnh. Người lớn và xã hội hãy dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất, chăm lo và bảo vệ hạnh phúc cho trẻ em. Trẻ em hôm nay được yêu thương được học hành và sẽ là chủ nhân tương lai của đất nước “trẻ em hôm nay thế giới ngày mai”.

- Tổ ấm gia đình là vô cùng quý giá và quan trọng. Mọi người phải biết giữ gìn, bảo vệ, nâng niu và trân trọng; đừng để khi mất đi mới thấy hối tiếc, ân hận.

- Và tác giả muốn gửi đến một thông điệp cuối cùng là: Hãy chấm dứt những cuộc chia tay đau đớn như cuộc chia tay của hai anh em Thành và Thủy trong truyện để bảo vệ và gìn giữ những tình cảm tự nhiên, trong sáng của gia đình. Bố mẹ phải là người chịu trách nhiệm với những gì mình gây ra, đặc biệt là đối với con cái.

ĐỀ SỐ 6

Câu 1. (3 điểm)

Trình bày những điều kiện cần và đủ để văn bản có bố cục chặt chẽ và có tính mạch lạc?

Câu 2. (7 điểm)

Dựa vào văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê”, em hãy xây dựng bố cục của truyện (bằng dàn ý đại cương).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

- Điều kiện cần và đủ để một văn bản có bố cục chặt chẽ, hợp lí:
 - + Nội dung các phần, các đoạn trong văn bản phải thống nhất chặt chẽ với nhau, giữa chúng phải có sự phân biệt rõ ràng.
 - + Các phần, đoạn trong văn bản phải có sự sắp xếp theo một trình tự hợp lí (ví dụ: trình tự thời gian, không gian, thấp đến cao, dễ đến khó...).

- Điều kiện để văn bản có tính mạch lạc là:

+ Các phần, các đoạn, câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung.

+ Các phần, các đoạn, câu trong văn bản phải được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhau nhằm làm cho chủ đề liên mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc.

Câu 2: Lập dàn ý đại cương (ý cơ bản).

Gợi ý:

- *Mở bài:* Giới thiệu văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê” Tác giả Khánh Hoài nói về cuộc chia tay đầy cảm động của hai anh em Thành và Thuỷ khi cha mẹ phải chia tay.

- *Thân bài:*

+ Hoàn cảnh sống của hai anh em Thành, Thuỷ và tình cảm của hai anh em dành cho búp bê.

+ Kể về ba sự việc trong cuộc chia tay:

- Chia tay búp bê.
- Chia tay lớp học.
- Chia tay anh em.

+ Lời nhắn của Thuỷ với anh trai về việc không để hai con búp bê xa nhau.

- *Kết bài:* Khẳng định lại tình cảm ngây thơ trong sáng và nỗi đau của hai anh em Thành, Thuỷ. Ý nghĩa của văn bản.

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. (2 điểm)

Phân biệt ca dao và dân ca?

Câu 2. (8 điểm)

Hãy chép thuộc lòng bài ca dao “Công cha như núi ngất trời”. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1

- Ca dao, dân ca là những khái niệm tương đương, chỉ các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc.

- Tuy nhiên, khái niệm ca dao, dân ca có những điểm khác nhau là: Khái niệm ca dao dùng để chỉ một loại thơ dân gian - thể ca dao.

Ngôn ngữ của ca dao là ngôn ngữ của lời thơ dân gian. Dân ca là những sáng tác kết hợp lời và nhạc, tức những câu hát dân gian trong diễn xướng. Dân ca được diễn xướng trên cơ sở lời thơ của ca dao kết hợp với yếu tố nhạc.

Câu 2

- Bài ca dao *Công cha như núi ngất trời*:

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi !*

- Phân tích tác dụng biện pháp tu từ. Bài ca dao sử dụng 2 phép tu từ.

+ So sánh *Công cha như núi ngất trời*

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông

Hình ảnh so sánh (núi, trời, biển, nước) biểu đạt công cha, nghĩa mẹ ngang tầm với sự vĩnh cửu của thiên nhiên để khẳng định công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

+ Ẩn dụ: Hình ảnh núi cao biển rộng mênh mông, cù lao chín chữ.. là hình ảnh mang tính ẩn dụ thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của con cái đối với cha mẹ.

+ Bài ca dao ngụ ý nhắc nhở mỗi con người hãy biết giữ gìn đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, không được vong ân bội nghĩa.

ĐỀ SỐ 8

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn đáp án đúng

Câu 1: Chủ đề bài ca dao sau là gì?

*"Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân
Yêu nhau như thể tay chân
Anh em hoà thuận, hai thân vui vầy"*

- A. Nhớ mẹ nơi quê nhà.
- B. Nhớ và lòng yêu kính ông bà.
- C. Ôn nghĩa, công lao cha mẹ.
- D. Tình anh em ruột thịt.

ĐỀ SỐ 9

Hãy chép lại bài ca dao số 1 trong chùm ca dao có chủ đề “Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người”, phân tích nội dung và ý nghĩa của bài ca dao ấy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Yêu cầu 1: Chép lại bài ca dao đúng hình thức và nội dung.

Gợi ý:

- **Hình thức:** Đủ câu, đúng thể loại, không sai từ ngữ, chính tả.
- **Nội dung:** Không được dùng bài ca dao có cùng chủ đề thay thế.

- Ở đâu năm cửa nàng ơi

Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?

Sông nào bên đục, bên trong?

Núi nào thất cổ bông mà có thánh sinh?

Đền nào thiêng nhất xứ Thanh

Ở đâu mà lại có thành tiên xây?

- Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi

Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng

Nước sông Thương bên đục bên trong

Núi Đúc Thánh Tản thất cổ bông lại có thánh sinh

Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.

Yêu cầu 2: Phân tích nội dung và ý nghĩa của bài ca dao.

- **Nghệ thuật:** Đây là bài ca dao được viết theo hình thức đối đáp; phần đầu là lời của người hỏi (chàng trai) và phần sau là lời của người đáp (cô gái). Người xưa hay dùng hình thức đối đáp để trao đổi, giải bày hoặc giao duyên cùng nhau.

- **Nội dung:** Trong bài ca dao, cô gái và chàng trai dùng hình thức hát đối đáp để thử tài nhau về kiến thức địa lí, lịch sử đồng thời cũng để bộc lộ lòng tự hào và tình yêu quê hương đất nước của mình. Chàng trai đã chọn được nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi và cô gái đã trả lời rất đúng các địa danh đó. Qua đó, ta thấy chàng trai và cô gái là những người lịch lãm, tế nhị.

- Nội dung đối đáp toát lên nhiều ý nghĩa :

+ Bày tỏ hiểu biết về lịch sử, văn hoá.

+ Tình cảm quê hương đất nước thường trực trong mỗi con người.

+ Niềm tự hào về vẻ đẹp lịch sử, văn hoá dân tộc.

ĐỀ SỐ 10

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: “Ngoài ý nghĩa than thân, đồng cảm với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến”, nhận định này nói về nội dung, ý nghĩa của những bài ca dao thuộc chủ đề nào?

- A. Tình cảm gia đình.
- B. Tình yêu quê hương, đất nước, con người.
- C. Những câu hát than thân.
- D. Những câu hát châm biếm.

Câu 2: Theo em, những câu hát than thân thuộc kiểu văn bản gì?

- A. Văn bản tự sự.
- B. Văn bản miêu tả.
- C. Văn bản biểu cảm.
- D. Văn bản tự sự, biểu cảm.

Câu 3: Điền từ đúng vào bài ca dao sau :

*“Thân em như trái bần trôi,
Gió dập sóng dồi... vào đâu”.*

- A. Biết tập.
- B. Biết trôi.
- C. Biết chảy.
- D. Trôi nổi.

Câu 4: Nghĩa của thành ngữ “Gió dập sóng dồi” được hiểu là:

- A. Gió to, sóng lớn dồn dập xô đẩy.
- B. Gió to, tạo những con sóng to.
- C. Gió tạo ra sóng dồn dập.
- D. Cuộc đời chìm nổi.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Hãy nêu những đặc điểm chung về nội dung và nghệ thuật của chùm ca dao than thân.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM : (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	C	A	A

2. TỰ LUẬN: Trên cơ sở những bài ca dao đã học, các em hãy khái quát lại những đặc điểm chung về nội dung và nghệ thuật.

- **Nội dung:** Các bài ca dao than thân đều diễn tả cuộc đời, thân phận con người trong xã hội cũ. Ngoài ý nghĩa than thân còn có ý nghĩa phản kháng.

- **Nghệ thuật:** Ca dao than thân sử dụng thể thơ phổ biến của ca dao là thể lục bát có âm điệu truyền cảm, sâu lắng, dễ đọc, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ truyền miệng và dễ đi vào lòng người. Tác giả dân gian sử dụng cách nói so sánh, ẩn dụ quen thuộc của ca dao. Ngôn ngữ ca dao là ngôn ngữ bình dị, mộc mạc gắn gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày. Những hình thức nghệ thuật ấy đã thể hiện được tâm hồn phong phú đa dạng của người dân.

ĐỀ SỐ 11

Hãy chép lại từ ba đến bốn bài ca dao có hình thức mở đầu “Thân em như ...”, phân tích biện pháp so sánh của các bài ca dao đó .

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- **Yêu cầu 1.** Chép đúng nội dung, đủ số câu cho từng bài, không sai chính tả. Các em có thể lựa chọn và chép những bài ca dao có hình thức mở đầu giống nhau nhưng nội dung khác nhau.

Gợi ý một số bài sau :

- Bài 1: *Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.*
- Bài 2: *Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?*
- Bài 3: *Thân em như cá rô thia,
Ra sông mắc lưới, vào đìa mắc câu*
- Bài 4: *Thân em như miếng cau khô
Kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày*

Yêu cầu 2. Phân tích biện pháp tu từ so sánh.

- Mô hình so sánh chung của các bài ca dao trên là: Thân em - như và hình ảnh được dùng để so sánh.

- Những hình ảnh so sánh: “hạt mưa sa, tấm lụa đào, cá rô thia, miếng cau khô” đều là những sự vật, đồ vật gắn gũi với cuộc sống sinh hoạt của người bình dân. Mượn những hình ảnh ấy, người dân muốn gửi gắm tâm sự về cuộc sống phụ thuộc, mất tự do, tự chủ, đồng thời thể hiện ước mơ, khát vọng về cuộc sống hạnh phúc và quyền bình đẳng.

- Những tiếng “Thân em như” đã trở thành công thức mở đầu quen thuộc của hàng trăm bài ca dao than thân độc đáo khác nhau của người phụ nữ Việt Nam dưới thời phong kiến.

- Diễn đạt bằng hình ảnh so sánh là thủ pháp diễn đạt đem lại cho ca dao tính hàm súc, cô đọng, lời ít ý nhiều.

ĐỀ SỐ 12

Hãy nêu cảm nhận của em về thân phận người phụ nữ trong những bài ca dao than thân đã học, đã đọc.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Gợi ý:

Học sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng về cơ bản phải làm nổi bật các trọng tâm sau đây:

- Cảm nhận được thân phận bé nhỏ, cay đắng tủi cực của người phụ nữ trong xã hội cũ.
- Hiểu và cảm thương cho những số phận bất hạnh ấy.
- Ta cảm thấy oán ghét xã hội vô nhân đạo, đầy đọa người lương thiện. Oán trách xã hội rẻ rúng người phụ nữ, vùi dập họ, không cho họ cơ hội có hạnh phúc.
- Tiếng nói của người phụ nữ trong những bài ca dao than thân không chỉ là lời than thân trách phận mà còn là tiếng nói đấu tranh cho tự do, công bằng trong xã hội và hạnh phúc của con người.

ĐỀ SỐ 13

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn đáp án đúng

Câu 1: "Bài thơ "Nam quốc sơn hà" (Sông núi nước Nam) được xem là tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc viết bằng thơ ra đời ở thế kỉ XI". Nhận định này đúng hay sai?

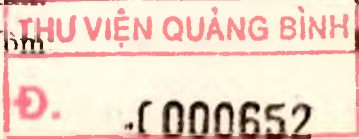
- A. Sai. B. Đúng.

Câu 2: Bài thơ "Nam quốc sơn hà" được viết bằng thể thơ gì?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt. B. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
C. Thất ngôn bát cú. D. Thất ngôn Đường thi.

Câu 3: Nguyên văn bài thơ "Nam quốc sơn hà" được biết bằng

- A. Chữ Hán. C. Chữ Quốc ngữ.
B. Chữ Nôm. D. Cả A, B, C đều sai.



HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Trong lịch sử dân tộc ta, ngoài “Nam quốc sơn hà”, những văn bản sau đây được gọi là tuyên ngôn độc lập của nước ta.

- Bình ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).
- Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh).

Những văn bản trên ra đời trong thời gian và hoàn cảnh khác nhau nhưng đều giống nhau là khẳng định chủ quyền và độc lập dân tộc, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng và ngọn cờ chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Câu 2: Giọng điệu của bài thơ

- Nhịp điệu phổ biến 4/3 chắc chắn, dứt khoát.
- Văn “ư” ở cuối câu thơ như là một thách thức vừa là sự khẳng định ý chí, quyết tâm và sức mạnh của dân tộc.
- Ngôn ngữ thơ: Tác giả dùng những cụm từ “tiệt nhiên” (rõ ràng, dứt khoát như thế, không thể khác), “định phận tại thiên thư”, “hành khan thủ bại hư” (chắc chắn sẽ nhận lấy thất bại).

Tóm lại Những yếu tố nghệ thuật tạo nên giọng điệu bài thơ vừa hùng hồn đong dạc, vừa trang nghiêm, đanh thép, khẳng định tuyệt đối chủ quyền độc lập của đất nước.

ĐỀ SỐ 15

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: *Những thể loại văn bản nào sau đây thuộc kiểu văn bản biểu cảm?*

- A. Kịch, tiểu thuyết.
- B. Thơ trữ tình, ca dao trữ tình, tùy bút..
- C. Truyện ngắn, truyện dài.
- D. Tiểu thuyết và truyện ngắn.

Câu 2: *Ngoài cách biểu cảm trực tiếp như tiếng kêu, lời than, văn biểu cảm còn sử dụng những biện pháp nào để khơi gợi tình cảm?*

- A. Biện pháp miêu tả.
- B. Biện pháp tự sự.
- C. Biện pháp thuyết minh.
- D. Biện pháp miêu tả và tự sự.

Câu 3: *Thế nào là một văn bản biểu cảm?*

- A. Kể lại một câu chuyện cảm động.
- B. Thể hiện tình cảm, cảm xúc trong thơ.

C. Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống.

D. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.

Câu 4: *“Tình cảm trong văn biểu cảm thường là những tình cảm đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn như yêu thương con người, yêu thiên nhiên, yêu Tổ quốc, ghét những thói tầm thường, độc ác...”. Nhận định này đúng hay sai?*

A. Sai

B. Đúng

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 8 đến 10 câu) phát biểu cảm nghĩ về nụ cười của mẹ.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	D	D	B

2. TỰ LUẬN

Bài viết đảm bảo yêu cầu của một đoạn văn biểu cảm .

Gợi ý:

- *Mở đoạn:* giới thiệu về mẹ (nụ cười là niềm hạnh phúc của mẹ)

- *Thân đoạn:*

+ Nụ cười là niềm vui của mẹ khi nhìn thấy con ngoan, chăm học.

+ Nụ cười là niềm hạnh phúc của mẹ khi gia đình đầm ấm, yên vui.

+ Nụ cười cũng là niềm hạnh phúc của mẹ khi những gian khó cuộc đời được thay bằng quả ngọt của niềm vui.

- *Đoạn kết:* Hiểu được “nụ cười” của mẹ, ta càng yêu thương, kính trọng và biết ơn mẹ.

ĐỀ SỐ 16

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn đáp án đúng

Câu 1: *Tác giả của bài thơ “Bánh trôi nước” là ai?*

A. Hồ Xuân Hương.

C. Bà Huyện Thanh Quan.

B. Đoàn Thị Điểm.

D. Nguyễn Khuyến.

Câu 2: Nhận định nào sau đây đúng với tài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương?

- A. Hồ Xuân Hương được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm.
- B. Hồ Xuân Hương là người đa tình nhưng hăm hiu đường duyên phận.
- C. Hồ Xuân Hương là nữ sĩ đầu tiên của thơ ca trung đại.
- D. Thơ Hồ Xuân Hương thường bênh vực quyền sống của người phụ nữ.

Câu 3: Hình thức mở đầu "Thân em" trong bài thơ Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương giống với hình thức mở đầu của những câu hát ca dao dân ca nào đã học?

- A. Những câu hát châm biếm.
- B. Những câu hát về tình cảm gia đình.
- C. Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước, con người.
- D. Những câu hát than thân.

Câu 4: Nhan đề "Bánh trôi nước" gắn với một tục lệ nào ở miền Bắc nước ta?

- A. Tục lệ cưới hỏi.
- B. Tục lệ cúng bánh trôi.
- C. Tục lệ ma chay.
- D. Tục lệ dâng lễ cho thần linh.

2. TỰ LUẬN

Chép lại và phân tích hai câu thơ cuối trong bài thơ "Bánh trôi nước" của Hồ Xuân Hương.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	A	D	B

2. TỰ LUẬN

Yêu cầu 1. Chép lại hai câu thơ cuối:

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

Yêu cầu 2.

- Nghĩa đen, nghĩa bóng của những từ ngữ "Rắn nát, tay kẻ nặn, tấm lòng son", từ "mà, vẫn".

- Cách sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh như vậy, tác giả muốn nói lên số phận phụ thuộc, đáng thương của người phụ nữ. Sinh ra xấu hay đẹp, giàu hay nghèo, gặp người chồng tốt hay xấu... đều do một

“tay kẻ nặn” quyết định. Tác giả cho ta hiểu thêm về xã hội phong kiến lạc hậu, bất công với những quan niệm trọng nam khinh nữ “Nhất nam viết hữu, Thập nữ viết vô”. Cho nên, người phụ nữ trong xã hội cũ không có được cuộc sống may mắn, hạnh phúc. Hiểu được như vậy ta càng cảm thông cho tiếng kêu ai oán của người phụ nữ trong bài thơ.

- Tuy sống trong xã hội bất công, phi lí nhưng người phụ nữ vẫn giữ lòng thủy chung, trinh bạch.

"Mà em vẫn giữ tấm lòng son"

Từ “mà... vẫn” là sự khẳng định không thay đổi trước hoàn cảnh. Người phụ nữ vẫn giữ niềm thủy chung, son sắt.

- Viết về người phụ nữ, Hồ Xuân Hương ngợi ca phẩm chất trong trắng, thủy chung, cảm thông, chia sẻ với số phận bất hạnh của họ. Tác giả cũng kín đáo lên án xã hội phong kiến bất công, tàn bạo đã vùi dập, tước đoạt quyền sống của con người nói chung và người phụ nữ nói riêng.

ĐỀ SỐ 17

Đọc những câu thơ sau:

- *"Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Khách đến chơi đây, ta với ta".*

(Nguyễn Khuyến)

- *"Dùng chân đứng lại, trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta".*

(Bà Huyện Thanh Quan)

Em có nhận xét gì về cách dùng cụm từ “ta với ta” của hai nhà thơ Nguyễn Khuyến và Bà Huyện Thanh Quan?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Hai nhà thơ Nguyễn Khuyến và Bà Huyện Thanh Quan đều dùng hình thức ngôn ngữ giống nhau “ta với ta”, nhưng do ở hai bài thơ có nội dung khác nhau, đặc biệt trong hai văn cảnh khác nhau nên sắc thái biểu cảm và có ý nghĩa của chúng cũng khác nhau.

Muốn hiểu hết hàm nghĩa của cụm từ “ta với ta” cần đặt nó trong toàn bài thơ, đặc biệt ở hai câu cuối.

- Trong bài “Qua Đèo Ngang”, khi đứng trước cảnh trời, non, nước mênh mông, cao rộng nhà thơ lại cảm thấy cô quạnh, buồn thương cho chính mình. Vì vậy, cụm từ “ta với ta” bộc lộ sự cô đơn tuyệt đối của

tác giả. Có lẽ, đó là nỗi buồn cô đơn của một tấm lòng trắc ẩn trước cảnh non sông biến đổi, triều đại hưng phế... Phải chăng, tâm sự yêu nước của nhà thơ được bộc lộ kín đáo qua tình thương nhà, nỗi nhớ nước da diết, âm thầm lặng lẽ.

- Trường hợp Nguyễn Khuyến dùng “ta với ta” trong bài “Bạn đến chơi nhà” lại có một tác dụng, ý nghĩa khác. Đón bạn, quý bạn, muốn tiếp đãi bạn bằng những “đặc sản” của cây nhà lá vườn nhưng đến ngay cả cái nghi lễ tối thiểu tiếp khách là trầu cũng “không có”. Nhà thơ đã dí dỏm nói “khách đến chơi đây, ta với ta”. Từ “ta” trong hai bài dùng chỉ hai đối tượng khác nhau.

+ “Ta” là chủ nhân (tác giả).

+ “Ta” là khách (bạn).

- Qua cách nói ấy, ta thấy chủ nhân là người thật thà, chất phác, là người trọng tình nghĩa hơn vật chất, tin ở sự cao cả của tình bạn. Bạn hiểu, cảm thông cho “ta” và ta cũng yêu quý và trân trọng bạn.

- Xét về ý nghĩa biểu đạt, cách dùng “ta với ta” của bà Huyện Thanh Quan chỉ sự hoà hợp trong một nội tâm buồn. Cách dùng “ta với ta” của Nguyễn Khuyến chỉ sự hoà hợp của hai con người trong một tình bạn chan hoà vui vẻ.

ĐỀ SỐ 18

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn đáp án đúng

Câu 1: Hai bài thơ “Cảnh khuya” và “Rằm tháng giêng” (Nguyên tiêu) ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954).
- B. Khi Bác bị Tưởng Giới Thạch bắt giam (1942-1943).
- C. Khi quân và dân ta đánh thắng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (7/5/1954).
- D. Khi Bác Hồ được Tưởng Giới Thạch trả tự do (1943).

Câu 2: Bản dịch thơ “Rằm tháng giêng” trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 7, tập 1 là của dịch giả nào?

- A. Xuân Thủy.
- B. Phạm Sĩ Vi.
- C. Trần Trọng San.
- D. Tương Như.

Câu 3: Bản dịch thơ “Rằm tháng giêng” được dịch theo thể loại nào?

A. Thất ngôn.

C. Lục bát.

B. Song thất lục bát.

D. Lục ngôn.

Câu 4: Khi đọc hiểu những văn bản dịch thơ từ tiếng Hán, ta cần chú ý đến đặc điểm cơ bản nào sau đây?

A. Chỉ đọc, hiểu trên cơ sở phiên âm của bài thơ.

B. Chỉ yêu cầu bám sát vào bản dịch thơ là đủ.

C. Căn cứ vào phần dịch nghĩa để hiểu dịch thơ.

D. Căn cứ, bám sát bản dịch thơ, nhưng phải đối chiếu, so sánh với phiên âm và dịch nghĩa.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Đọc hai câu thơ:

“Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”

Có ý kiến cho rằng: Hai câu thơ trên có sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển và tinh thần hiện đại. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	A	C	D

2. TỰ LUẬN

Gợi ý:

Em đồng ý với ý kiến trên. Vì:

- Thơ xưa hay dùng những hình ảnh dòng sông, con thuyền, trăng để miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (bút pháp ước lệ tượng trưng). Bài thơ “Rằm tháng giêng” hiện diện những hình ảnh này. Vì thế nói thơ Bác mang vẻ cổ điển.

- Thơ Bác, thiên nhiên không chỉ là hình ảnh lãng mạn, trữ tình mà còn có vai trò tái hiện bức tranh hiện thực. Giữa đêm trăng lồng lộng ấy xuất hiện hình ảnh con thuyền chở người chiến sĩ cách mạng. Chân dung của người sĩ cách mạng hiện lên thật rõ nét “bàn việc quân”. Đó là một người luôn lo toan công việc kháng chiến, việc sinh tử của đất nước (tinh thần hiện đại).

- Hai câu cuối của bài thơ “Rằm tháng giêng” là sự kết hợp hài hòa giữa ngoại cảnh và nội tâm. Sự hòa hợp ấy cho thấy tâm hồn yêu nước của Bác luôn rộng mở với thiên nhiên.

- Thơ Hồ Chí Minh luôn có sự kết hợp giữa con người chiến sĩ và thi sĩ, giữa lãng mạn và hiện thực, tự sự và trữ tình, cổ điển và hiện đại.

Trong bài “Cảm tưởng đọc thiên gia thi”, Bác viết:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông
Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

II. ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT (45 phút)

PHẦN VĂN

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: “Để tránh hiểm họa, vả lại cũng không được nhà vua tín nhiệm, năm 759, ông từ quan, đưa gia đình về vùng Tây Nam, một thời gian sống ở Thành Đô, Thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên”. Đây là một phần tiểu sử nói về cuộc đời của nhà thơ nào?

- A. Bạch Cư Dị. B. Lý Bạch. C. Đỗ Phủ. D. Hạ Tri Chương.

Câu 2: Nhà thơ Đỗ Phủ có hiệu là gì?

- A. Tử Mĩ. B. Thiếu Lăng. C. Tứ Minh. D. Hà Nam.

Câu 3: “Bài ca nhà tranh bị gió thu phá” (Mao ốc vị thu phong sở phá ca) là bài thơ “kết hợp nhiều phương thức biểu đạt”. Ý kiến này đúng hay sai?

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 4: Những nỗi khổ nào của nhà thơ được đề cập trong “ Bài ca nhà tranh bị gió thu phá” của nhà thơ Đỗ Phủ?

- A. Căn nhà tranh bị gió thu phá nát, ướt, lạnh.
B. Con quạ phá, lo lắng về loạn lạc.
C. Lều nát, nhà dột, kẻ sĩ nghèo.
D. Nhà dột, ướt, rét, con quạ phá, lo lắng vì loạn lạc.

Câu 5: Vì sao nhà thơ Lý Bạch được suy tôn là “thi tiên”?

- A. Bởi vì thơ Lý Bạch thường viết về đề tài “cõi tiên”.
- B. Bởi vì Lý Bạch là nhà thơ có phong cách phóng khoáng, lãng mạn.
- C. Bởi vì phong cách nghệ thuật thơ Lý Bạch mang tính ước lệ, tượng trưng.
- D. Bởi vì và thơ Lý Bạch thường lấy cảm hứng từ khách tiên.

Câu 6: “Tĩnh dạ tứ” là bài thơ chữ Hán theo thể thơ gì?

- A. Cổ thể - Ngũ ngôn.
- B. Luật thể - Ngũ ngôn.
- C. Phú thể - Thất ngôn.
- D. Đường thể - Thất ngôn.

Câu 7: Cách hiểu nào sau đây không đúng với tâm trạng của tác giả trong câu thơ “Đêm dài ướn át sao cho trót?”.

- A. Phản ánh nỗi cực khổ của Đỗ Phủ.
- B. Phê phán thực trạng bế tắc của xã hội đương thời.
- C. Mong muốn xã hội đổi thay.

Câu 8: Vì sao Đỗ Phủ ước có nhà cho kẻ sĩ nghèo khắp thiên hạ?

- A. Vì kẻ sĩ nghèo có tài đức mà phải chịu nghèo khổ?
- B. Vì xã hội đói khổ, không có công bằng.
- C. Đỗ Phủ từng là kẻ sĩ nghèo nên ông thấu hiểu nỗi khổ cực của họ.
- D. Ý A và C.

2. TỰ LUẬN (6 điểm)

Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo trong bài thơ “Bài ca nhà tranh bị gió thu phá” của Đỗ Phủ.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	A	D	B	A	D	D

2. TỰ LUẬN

a. Giá trị hiện thực của bài thơ là bức tranh về nỗi khốn khổ của người nghèo trong hoạn nạn. Cảnh nhà bị gió thu phá được tác giả miêu tả qua những chi tiết chân thực, sống động:

*“Tranh bay sang sông rải khắp bờ,
Mành cao treo sót ngọn rừng xa,
Mành thấp quay lộn vào mương sa”.*

Hình ảnh ấy gợi sự tan tác tiêu điều, tâm trạng của tác giả hiện lên với nỗi lo, tiếc và bất lực.

Bất lực trước cái nghèo, trước cảnh đăm trẻ con tranh nhau cướp giật:

*"Nữ nhè trước mặt xô cướp giật,
Cấp tranh đi tuốt vào lũy tre"*

Cảnh tượng này cho thấy cuộc sống khốn khổ đáng thương của con người xã hội thời Đỗ Phủ sống. Tác giả vừa ảm ức vừa đau đớn khi nhận ra:

*"Môi khô miệng cháy gào chẳng được
Quay về, chống gậy lòng ảm ức!"*

Đỗ Phủ vừa nói lên nỗi cay đắng cho thân phận nghèo khổ của mình và cũng là cho những người nghèo như mình.

b. Trái tim nhân đạo Đỗ Phủ không chỉ cảm thông chia sẻ với cảnh nghèo của bao kiếp người, mà còn mong ước đem lại niềm vui, hạnh phúc cho họ "Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo đều hân hoan" và "Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng được!. Còn ta "Than ôi! Bao giờ nhà ấy sừng sững dựng trước mắt". Nhà thơ có lòng nhân đạo cao cả, có thể quên đi nỗi cơ cực của bản thân để nghĩ về nỗi cực khổ của đồng loại. Đó là ước vọng cao cả giàu tính nhân văn.

Tóm lại: Có thể nói "Bài ca nhà tranh bị gió thu phá" vừa mang giá trị hiện thực, vừa có giá trị nhân đạo sâu sắc.

ĐỀ SỐ 2

Câu 1. (5 điểm)

Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ "Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê" nhà thơ Hạ Tri Chương.

Câu 2. (5 điểm)

Phân tích ý nghĩa hình tượng "ánh trăng" trong bài thơ "Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh" của nhà thơ Lý Bạch.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Các em có thể phát biểu cảm nhận theo cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân song phải bám vào văn bản. Cụ thể phải làm rõ trọng tâm sau:

1. Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ba lời thơ.

Ở dòng thơ thứ nhất, tác giả đã nhìn nhận cuộc đời mình ở phía gia đình quê hương. Tác giả viết "Khi đi trẻ, lúc về già" là để tri ân với quê hương gia đình.

Ở dòng thơ thứ hai, tác giả nhắc đến giọng quê của mình. Thời gian có thể thay đổi. Con người từ trẻ đến già nhưng giọng quê vẫn vẹn nguyên không hề thay đổi. Giọng quê là chất quê, hồn quê. Giọng nói mang bản sắc quê hương.

Dòng thơ thứ ba, tác giả sử dụng nghệ thuật đối lập. Đó là sự đối lập giữa sự không thay đổi của giọng quê với sự thay đổi của mái tóc. Tác giả muốn khẳng định sự bền bỉ của tình cảm con người với quê hương.

2. Bài thơ này do ngẫu nhiên mà viết (hồi hương ngẫu thư) nhưng lại có sức gợi bao điều sâu xa thấm thía về tình quê của con người. Ta trân trọng vẻ đẹp tâm hồn thủy chung với quê hương. Hạ Tri Chương đã từng làm quan to, được vua nể trọng, nhưng ông không lúc nào là không nhớ đến quê hương. Cuối cùng, giữa “làm quan” và “quê hương”, ông đã lựa chọn: xin từ quan về quê. Tấm lòng quê bền bỉ ấy đáng được quý trọng.

3. Bài thơ là lời nhắc nhở mỗi người chúng ta phải biết yêu quý quê hương. Yêu quý quê hương đồng nghĩa với sống xứng đáng là người công dân có ích. Học tập, lao động miệt mài để góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Câu 2: Bài thơ “Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” của nhà thơ Lý Bạch thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình yêu quê hương của một người sống xa nhà trong đêm trăng thanh tĩnh. Chủ đề của bài thơ rất quen thuộc: “Vọng nguyệt hoài hương” (trông trăng nhớ quê). Thuở nhỏ Lý Bạch thường lên núi Nga Mi ở quê nhà ngắm trăng. Từ hai mươi lăm tuổi, Lý Bạch đã xa quê và xa mãi. Bởi vậy cứ mỗi lần thấy trăng là nhà thơ lại nhớ nhà, nhớ quê hương.

ĐỀ SỐ 3

1. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1: “Thuở nhỏ nhà nghèo, thông minh, học giỏi sau đó đi thi, đỗ đầu cả ba kì thi : Hương, Hội, Đình” nhận định này nói về nhà thơ nào?

A. Nguyễn Bình Khiêm.

C. Bà Huyện Thanh Quan.

B. Nguyễn Khuyến.

D. Trần Tế Xương.

Câu 2: Vì sao Nguyễn Khuyến được mệnh danh là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” theo nhận định của Xuân Diệu)?

- A. Bởi vì Nguyễn Khuyến viết nhiều, viết hay, viết sâu sắc về làng cảnh quê hương Việt Nam.
- B. Bởi vì Nguyễn Khuyến vốn sinh ra và lớn lên ở vùng quê Bình Lục nghèo khó.
- C. Bởi quê hương là phần máu thịt của thi sĩ Nguyễn Khuyến.
- D. Bởi vì Nguyễn Khuyến luôn đấu tranh cho quyền lợi của quê hương.

Câu 3: Bài thơ “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến được viết bằng thể thơ nào sau đây?

- A. Thất ngôn bát cú.
- B. Thất ngôn tứ tuyệt.
- C. Thất ngôn cổ phong.
- D. Song thất lục bát.

Câu 4: Nguyễn Thị Hình là tên thật nhà thơ nào sau đây?

- A. Hồ Xuân Hương.
- B. Bà Huyện Thanh Quan.
- C. Đoàn Thị Điểm.
- D. Xuân Quỳnh.

Câu 5: Điền từ đúng vào hai câu thơ sau:

*“Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen.....chen hoa”*

- A. đá, lá.
- C. chúc, lúc.
- B. lá, đá.
- D. lúa, cúc.

Câu 6: Phong cảnh Đèo Ngang được miêu tả ở thời điểm nào trong ngày?

- A. Bình minh.
- C. Lúc xế tà, trời đã về chiều.
- B. Cảnh hoàng hôn.
- D. Buổi trưa nắng gắt.

Câu 7: Bài thơ “Qua đèo ngang” của Bà Huyện Thanh Quan sử dụng mấy từ láy.

- A. Năm từ.
- C. Bốn từ.
- B. Bảy từ.
- D. Ba từ.

Câu 8: Câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp tu từ gì nổi bật?

*“Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà”*

- A. Nhân hóa.
- C. Đảo ngữ.
- B. Hoán dụ.
- D. Điệp từ.

2. TỰ LUẬN (6 điểm)

Cảm nhận về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Qua Đèo Ngang”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	A	B	A	C	C	C

2. TỰ LUẬN: Vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình thể hiện qua các phương diện sau:

- Miêu tả bức tranh thiên nhiên đẹp, thi vị: Cỏ cây, hoa lá, dòng sông, chợ, làng xóm... và cuộc sống thanh bình yên ả. Thi nhân là người có tâm hồn lãng mạn, yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên.

- Tuy nhiên bức tranh thiên nhiên được nhìn bởi tâm trạng buồn, cô đơn. Vì thế mà cảnh Đèo Ngang không gợi cảm giác vui, mà buồn vắng lặng. Tiếng chim quốc nhớ nước, tiếng chim đa đa thương nhà, cũng chính là nỗi nhớ thiết tha, da diết của nhà thơ. Tác giả đã mượn cảnh để nói tình. Câu thơ cuối "Một mảnh tình riêng, ta với ta" là nỗi lòng khắc khoải, sâu kín của nhà thơ trước cảnh Đèo Ngang.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp người phụ nữ trong bài thơ "Bánh trôi nước" của Hồ Xuân Hương.

Câu 2. (5 điểm)

Cảm nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ "Bạn đến chơi nhà".

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Các em có thể cảm nhận và suy nghĩ khác nhau, nhưng phải rõ được các ý sau:

- Bài thơ mượn hình ảnh cái bánh trôi trong dân gian để nói lên vẻ đẹp trắng trong và phẩm chất son sắt thủy chung, tình nghĩa của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Ta hiểu được thân phận phụ thuộc chìm nổi bấp bênh của họ. Qua đó, tác giả thể hiện thái độ trân trọng, cảm thương trước số phận và khát vọng tự do, bình đẳng, khao khát hạnh phúc của người phụ nữ; lên án xã hội bất công, tàn ác đương thời tước đoạt quyền sống của con người nói chung và người phụ nữ nói riêng.

Câu 2: Về đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà”:

- Lời chào mừng bạn, nhà thơ gọi bạn bằng “bác” vừa thể hiện ý tôn xưng thân mật, gần gũi, vừa giới thiệu tình bạn thân tình tri kỉ. Không gian đón tiếp bạn là điền viên, thôn dã mà không phải là chốn vinh quan quý tộc. Nếu không thân tình, kính yêu, hiểu nhau sẽ không có cuộc viếng thăm “bình dân” như vậy. Vì vậy sau lời chào mừng bạn là tâm trạng vui tươi của tác giả khi có bạn đến thăm nhà.

- Cách tiếp đãi bạn của Nguyễn Khuyến cũng rất đặc biệt. Nói đặc biệt bởi vì tác giả muốn đãi bạn mình đầy đủ những thức ăn “cây nhà lá vườn” do tự bàn tay làm ra. Nhưng trở trêu thay, hoàn cảnh này thật khó khăn.

Ta thấy, một nổi băn khoăn, một thoáng bối rối của tác giả khi nhà thơ có khách. Mâm cơm đãi bạn đạm bạc, nào dưa cà, mướp, gà ấy bây giờ lại không thành hiện thực. Ngay cả điều tối thiểu “miếng trầu là đầu câu chuyện” cũng không có nốt. Ta cứ nghĩ tác giả áy ngại trước bạn. Nhưng không bằng sự hóm hỉnh mà rất chân tình “Bác đến chơi đây ta với ta” đã khiến tình bạn của hai người vượt khỏi những khuôn sáo, phép tắc, lễ nghi, khiến tình bạn trở lại căn nguyên đích thực: sự hòa đồng, thấu cảm giữa hai tâm hồn.

Thiết đãi bạn không bằng mâm cao, cỗ đầy, hay cao lương mỹ vị mà cốt ở cái tình - cái tình cảm chân thành, mộc mạc, giản dị. Phải chăng, cụ Tam Nguyên Yên Đỗ muốn thể hiện quan niệm tình bạn đẹp đẽ mà hậu thế luôn trân trọng và nhớ mãi. Tình bạn cốt là ở sự chân thành.

- Về đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến còn thể hiện ở lời thơ dung dị, mộc mạc hồn nhiên, và nụ cười hóm hỉnh, thuần phác chứa đựng tình bạn đậm đà, thắm thiết.

ĐỀ SỐ 5

Câu 1. (2 điểm)

Phân biệt điểm khác nhau cơ bản về ngôn ngữ thơ ở bài “Bạn đến chơi nhà” và ngôn ngữ thơ trong bản dịch “chinh phụ ngâm”?

Câu 2. (8 điểm)

Cảm xúc và suy nghĩ của em sau khi học xong bài thơ “Xa ngắm thác núi Lư” (Vọng Lư sơn bộc bố) của nhà thơ Lý Bạch.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. (2 điểm)

Điểm khác biệt cơ bản về ngôn ngữ của hai văn bản “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến và bản dịch thơ “Chinh phụ ngâm” là:

- “Chinh phụ ngâm” sử dụng ngôn ngữ bác học. Bài thơ dùng nhiều từ Hán Việt có sắc thái trang trọng, tao nhã, sử dụng nhiều điển tích, điển cố mang nét nghĩa chuẩn mực. Điều này phù hợp với tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.

- Khác với “Chinh phụ ngâm”, “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến tuy được viết theo thể thơ Đường luật nhưng tác giả lại sử dụng ngôn ngữ bình dân thể hiện ở cách nói dung dị, mộc mạc gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người dân.

Hai câu thơ, hai phong cách ngôn ngữ nhưng đều có điểm chung đã đạt đến độ kết tinh, hàm súc và hấp dẫn.

Câu 2:

Gợi ý:

Mỗi học sinh có thể có những cảm xúc, ấn tượng riêng về bài thơ. Tuy nhiên, cảm xúc và ấn tượng riêng phải dựa trên cái hay, cái đẹp của nhà thơ.

a. Ấn tượng trước bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, mạnh mẽ và đầy uy lực. Điểm trung tâm của bức tranh ấy là “thác nước Lư sơn”. Đó là dòng thác bạc chảy từ độ cao ba nghìn thước, nước đổ xuống biến thành những giọt li ti được ánh sáng soi rọi trở thành một bức tranh huyền ảo, đẹp một cách “thần kì”. Từ hình ảnh thực, nhà thơ đã liên tưởng mạnh biến dòng thác trở thành “Dải Ngân Hà tuột khỏi mây”. Không có một tâm hồn bay bổng, trí tưởng tượng phong phú, độc đáo, chắc chắn sẽ không có hình ảnh kì thú, lộng lẫy như vậy. Những động từ như “quải, phi, lưu, lạc” (treo, chảy, bay, rơi) được sử dụng chính xác góp phần làm nên bức tranh thiên nhiên sinh động. Lý Bạch đã phát huy hiệu lực của nghệ thuật “lấy tĩnh nói động” trong thơ Đường.

b. Vẻ đẹp của bài thơ còn được thể hiện ở tâm hồn và tính cách của nhà thơ. Đó là sự kết hợp giữa chất lãng mạn trí tuệ với tính tự do, phóng khoáng, một trí tưởng tượng phong phú lạ thường. Lý Bạch đúng là nhà họa sĩ, nhà thơ tài hoa. Bài thơ là nét vẽ truyền thần về một công trình tráng lệ và kì vĩ của tạo hóa. Ấn sau bức tranh phong cảnh là tâm hồn say đắm thiên nhiên, say đắm cảnh trời một cách nồng nàn, tha thiết.

ĐỀ SỐ 6

Câu 1. (2 điểm)

Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ “Bài ca Côn Sơn” của nhà thơ Nguyễn Trãi?

Câu 2. (4 điểm)

So sánh nghệ thuật miêu tả “tiếng suối” trong những câu thơ sau:

“Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai”

(Nguyễn Trãi)

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

(Hồ Chí Minh)

Câu 3. (4 điểm)

Phân tích tâm trạng người chinh phụ trong bốn câu thơ cuối:

“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”

(Trích Chinh phụ ngâm khúc)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: “Bài ca Côn Sơn” được Nguyễn Trãi viết trong khoảng thời gian bị chèn ép, đàn áp quan về ở ẩn tại Côn Sơn. Theo một số tài liệu nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi cho biết, Nguyễn Trãi đã sống ở Côn Sơn từ khoảng cuối năm 1428 cho đến ngày bị hại (1442), dù là năm 1434 đã được vua Lê Thái Tông xuống chiếu vời ra giữ chức cũ.

Câu 2: So sánh :

a. Điểm giống nhau: vẻ đẹp của non sông Việt Nam. Hai thi phẩm, hai tâm hồn thi sĩ có nét tương đồng: giao cảm, hòa nhập với thiên nhiên. Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh lắng nghe và miêu tả tiếng suối như tiếng nhạc, lời-ca. Đồng thời hai tác giả sử dụng biện pháp so sánh để miêu tả tiếng suối như một giai điệu du dương trầm bổng tuyệt vời. Tiếng suối không chỉ là lời thơ mà còn là lời của âm nhạc.

b. Điểm khác nhau

Nguyễn Trãi nghe tiếng suối ở Côn Sơn (một thanh âm tự nhiên) gợi nhớ tiếng đàn cầm. Nguyễn Trãi là một ẩn sĩ.

Bác Hồ nghe tiếng suối ở chiến khu (căn cứ địa kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc), nghĩ đến những con người đang chiến đấu cho Tổ quốc. Bác không phải là một ẩn sĩ.

Sự khác nhau trong miêu tả cảnh thiên nhiên còn được quy định bởi đặc trưng thi pháp.

Thơ ca trung đại dùng bút pháp ước lệ, tượng trưng. Thiên nhiên là hình tượng trung tâm của cuộc sống. Thơ Bác vẫn mang vẻ đẹp cổ điển nhưng con người mới là hình tượng trung tâm của bức tranh thiên nhiên.

Câu 3: Tâm trạng của người chinh phụ ở bốn câu thơ cuối là:

- Tâm trạng của người chinh phụ được miêu tả theo cấp độ tăng tiến. Bốn câu đầu là dấu hiệu của chia li “Chàng đi - thiếp về”, đã có nỗi cô đơn, buồn tủi. Bốn câu cuối tâm trạng sầu chia li càng dâng lên khi khoảng cách thời gian, không gian được nhân đôi “cùng trông lại, cùng chẳng thấy”. Nỗi sầu chia li day dứt, dai dẳng, khôn nguôi.

- Điệp từ “cùng”, “thấy” từ láy “xanh xanh” và cách dùng điệp từ, điệp ngữ sóng đôi tài tình cho thấy nỗi sầu chia li triền miên, quạnh hiu.

- Nghệ thuật sử dụng gam màu “xanh” liên tiếp “xanh xanh”, “xanh ngắt” không gian như trải rộng ra, nỗi lòng nhớ nhung, khắc khoải nỗi buồn đau càng tăng lên.

- Nghệ thuật mượn cảnh ngụ tình được phát huy tác dụng. Ngoại cảnh tác động nội tâm. Cảnh ngàn dâu xanh là hình ảnh ước lệ để miêu tả sự sầu úa của tâm trạng người chinh phụ sau phút chia li.

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. (3 điểm)

Chép lại những câu thơ có từ “xanh” trong đoạn trích “Sau phút chia li”. Nêu tác dụng của việc sử dụng màu xanh trong việc diễn tả nỗi sầu chia li của người chinh phụ.

Câu 2. (2 điểm)

Thơ xưa hay dùng: Tùng, cúc, trúc, mai để miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên và cũng để nói nhân cách của con người. Từ hình ảnh

“trúc”, “thông” trong “Bài ca Côn Sơn” em hiểu gì về con người Nguyễn Trãi?

Câu 3: Bài thơ “Phò giá về kinh” là biểu tượng sáng ngời của hào khí Đông A trong thời đại nhà Trần, em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- Những câu thơ có từ “xanh”

+ Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.

+ Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

+ Ngàn dâu xanh ngắt một màu?

- Từ “xanh” trong đoạn thơ chỉ về những sắc độ khác nhau:

+ “Xanh” chỉ màu xanh bình thường, “xanh xanh” chỉ màu xanh nhạt, “xanh ngắt” chỉ màu xanh đậm.

+ Hai lần dùng “xanh xanh” và “xanh ngắt” gợi màu xanh thăm thẳm, mênh mông. Không gian như được nới rộng ra. Như vậy tác giả mượn màu xanh để tô đậm nỗi buồn chia li của người chinh phụ. Thiên nhiên là phong nền của tâm trạng. Ngoại cảnh tác động nội tâm. Tác giả đã thành công ở nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

Câu 2:

- Thơ xưa hay dùng bút pháp ước lệ như:

+ Nói cảnh hay dùng: Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông

+ Nói vật hay dùng: Tùng, cúc, trúc, mai.

+ Nói động vật: Long, li, quy, phụng.

+ Nói người hay dùng: Ngư, tiều, canh, mục.

+ Nói nghề hay dùng: Sĩ, nông, công, thương.

- “Bài ca Côn Sơn” của Nguyễn Trãi cũng không là trường hợp ngoại lệ. Bài thơ được viết khi ông từ quan về ở ẩn, không màng danh lợi, thoát khỏi chốn đố kỵ, bon chen, cốt là để giữ tâm hồn thanh cao, trong sáng. Hình ảnh “thông”, “trúc” được tác giả nhắc đến trong bài thơ không đơn thuần là vẻ đẹp Côn Sơn mà chính là nhân cách trung thực, thẳng thắn, liêm chính của ông. Nguyễn Trãi xứng đáng với danh hiệu là bậc đại nhân, đại trí, đại dũng; suốt đời vì dân vì nước.

Câu 3:

Gợi ý:

Trả lời câu hỏi này, các em phải hiểu được hào khí Đông A là gì?

Hào khí Đông A được hiểu là tinh thần quyết chiến, quyết thắng và khát vọng thái bình của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần. Vậy có thể khẳng định bài thơ “Phò giá về kinh” là biểu tượng cho tinh thần hào khí Đông A.

Hai câu đầu, hào khí chiến thắng vang lên với hai địa danh gắn liền với những chiến công hiển hách của lịch sử “Chương Dương, Hàm Tử”. Hai địa danh ấy thành biểu tượng cho tinh thần chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta. Hai địa danh ấy gợi nhắc những âm mưu xâm lược, bành trướng của các thế lực phương bắc và những thất bại thảm hại của chúng.

Hai câu cuối thể hiện khát vọng hòa bình thịnh trị của dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với hạnh phúc của nhân dân, “Non nước ấy ngàn thu” thể hiện niềm tin về sự bền vững muôn đời của đất nước.

Bài thơ ca ngợi tinh thần chiến đấu, chiến thắng của dân tộc, còn là niềm tự hào về truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

ĐỀ SỐ 8

Câu 1. (2 điểm)

Trình bày hoàn cảnh ra đời bài thơ “Phò giá về kinh” của Trần Quang Khải.

Câu 2. (3 điểm)

Phân tích ý nghĩa từ “nhàn” trong câu thơ: Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn” (Bài ca Côn Sơn) của Nguyễn Trãi.

Câu 3. (5 điểm)

Phân tích tư tưởng nhân đạo trong đoạn trích “Sau phút chia li” (Chinh phụ ngâm khúc).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

Bài thơ “Phò giá về kinh” được sáng tác lúc Trần Quang Khải đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285.

Câu 2:

Muốn hiểu được ý nghĩa của từ nhàn, các em phải đặt nó vào bài thơ và hoàn cảnh sống của tác giả.

“Nhàn” được hiểu theo nghĩa thứ nhất là có ít hoặc không có việc gì phải làm, phải lo nghĩ đến. Nghĩa thứ hai được hiểu là tinh thần thoải mái, không lo âu, trăn trở. Chữ “nhàn” của Nguyễn Trãi dùng có thể hiểu nghiêng về nghĩa thứ hai vì như vậy ta có thể hiểu hết được cách nói đầy ngụ ý của tác giả.

Về Côn Sơn ở ẩn nhưng Nguyễn Trãi không phải là con người vị kỉ, hưởng lạc cho riêng mình. Ông chỉ tìm cách thoát khỏi chốn “danh lợi, tiền bạc” làm cho con người, xã hội điên đảo. Ở ẩn cốt là để chờ cơ hội ra phò vua giúp đời bởi Nguyễn Trãi một con người suốt đời vì nước vì dân thì không thể sống “nhàn khi đất nước còn loạn lạc, nhân dân còn lầm than. Sống ẩn dật nhưng luôn lo nghĩ đến thế sự, đến sự đời. Ta hiểu chữ “nhàn” của Nguyễn Trãi trong bài “Côn Sơn ca” là nhàn thân mà không nhàn tâm.

Câu 3: Tư tưởng nhân đạo của tác giả thể hiện qua tâm trạng của hình tượng trung tâm người chinh phụ. Vì sao người chinh phụ phải sống cô đơn, vì sao lại có cảnh vợ xa chồng, con xa cha, gia đình li tán? Điều này, tác giả không trực tiếp phản ánh trong tác phẩm. Đặt bài thơ vào hoàn cảnh xã hội phong kiến (TK XVII), ta hiểu được là do chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh đã cướp đi tình yêu, hạnh phúc, khát vọng làm vợ, làm mẹ chính đáng của người phụ nữ. Nỗi sầu của người chinh phụ cũng là lời bi ca tố cáo chiến tranh phi nghĩa.

“Chinh phụ ngâm khúc” vừa lên án những thế lực tàn bạo vùi dập số phận con người, vừa thể hiện tiếng nói cảm thông, bênh vực cho quyền sống của họ. Tác giả đề cao, trân trọng khát vọng hạnh phúc lứa đôi. Không có chiến tranh sẽ không có cảnh chia li, xa cách. Không có chiến tranh sẽ không có đau thương mất mát, không có cảnh mẹ góa con côi. Và sẽ không có tiếng khóc đốn đau.

Tác phẩm thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc và mới mẻ.

ĐỀ SỐ 9

Câu 1. (2 điểm)

Nghệ thuật trào lộng dân gian và ý nghĩa tiếng cười qua những câu hát châm biếm là gì.

Câu 2. (3 điểm)

So sánh nghệ thuật trào lộng trong những câu hát châm biếm với truyện cười dân gian Việt Nam.

Câu 3. (5 điểm)

Phân tích một bài ca dao có nội dung châm biếm mà em yêu thích (chú ý nghệ thuật gây cười và ý nghĩa của tiếng cười trong bài ca dao đó).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

- Phương thức gây cười:
- Những bài ca dao châm biếm thường sử dụng các biện pháp như ẩn dụ, tượng trưng, biện pháp nói ngược và phóng đại hoặc xây dựng những mâu thuẫn ngược đời, phi lí để tạo nên tiếng cười châm biếm.

- Ý nghĩa tiếng cười

Những bài ca dao châm biếm được nhân dân sử dụng để phơi bày các sự việc mâu thuẫn, phê phán thói hư tật xấu của nhiều hạng người và sự việc đáng cười trong xã hội.

Câu 2: So sánh

a. Giống nhau

- Tiếng cười trong ca dao và tiếng cười trong truyện cười dân gian cùng xuất phát từ nhu cầu thẩm mĩ và tâm hồn lạc quan yêu đời của người Việt Nam.

- Đều sử dụng các phương thức gây cười như phóng đại, tương phản, chơi chữ, lối nói ẩn dụ, so sánh...

- Tiếng cười mang giá trị nhân văn; phơi bày những mâu thuẫn xã hội, phê phán những thói hư tật xấu.

b. Khác nhau:

- Ca dao dùng hình ảnh nghệ thuật, ngôn ngữ hàm súc, giọng điệu.

- Truyện cười dân gian: cốt truyện, nhân vật, tình huống, lời kể... biến hóa đa dạng.

Câu 3: Gợi ý:

- Nghệ thuật gây cười.
- Ý nghĩa của tiếng cười trong bài ca dao đó.
- Liên hệ với bản thân và cuộc sống hôm nay.

PHẦN TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: *Dòng nào sau đây diễn đạt đúng khái niệm từ láy?*

- A. Từ có các tiếng giống nhau về phụ âm đầu.
- B. Từ có sự hòa phối âm thanh dựa trên một tiếng có nghĩa.
- C. Từ được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- D. Từ có nhiều tiếng có nghĩa.

Câu 2: *Đại từ nào sau đây không dùng để hỏi về không gian.*

- A. Nơi đâu.
- B. Chỗ nào.
- C. Khi nào.
- D. Ở đâu.

Câu 3: *Trong các câu thơ sau đây, câu nào sử dụng quan hệ từ?*

- A. Thân em vừa trắng lại vừa tròn.
- B. Bấy nổi ba chìm với nước non.
- C. Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn.
- D. Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Câu 4: *Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “thi nhân”.*

- A. Nhà báo.
- B. Nhà văn.
- C. Nhà thơ.
- D. Họa sĩ.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm): Phân biệt từ ghép chính phụ với từ ghép đẳng lập, cho ví dụ?

Câu 2. (6 điểm): Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh, trong đó có sử dụng từ ghép, từ láy và quan hệ từ.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0.5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	C	A	C

2. TỰ LUẬN

Câu 1:

- Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính.

- Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

Ví dụ: - Từ ghép đẳng lập: quần áo, sách vở, bàn ghế, trầm bồng, ẩm ướt, cây cỏ, chài lưới, đi đứng, ham thích...

- Từ ghép chính phụ: ao cá, mưa phùn, bút chì, làm quen, đẹp mắt.

Câu 2: Gợi ý:

- Nội dung

- *Mở đoạn:* Giới thiệu khái quát về cảnh đẹp mà các em miêu tả (ví dụ: Cảnh bình minh, hoàng hôn hoặc một cảnh đẹp em yêu thích).

- *Thân đoạn:* Sử dụng quan sát và liên tưởng để miêu tả đặc điểm của cảnh ấy.

+ Quan cảnh chung.

+ Màu sắc, đường nét, hình khối.

+ Bức tranh cảnh vật đã để lại cho em ấn tượng tốt đẹp như thế nào? (gợi tình cảm yêu mến, trân trọng vẻ đẹp của quê hương, xứ sở).

- *Kết đoạn:* Nhận thức được giá trị về tình yêu quê hương đất nước.

- Hình thức

- Đoạn văn sử dụng phương thức miêu tả có thể kết hợp với tự sự và biểu cảm để gia tăng tính truyền cảm, hấp dẫn.

- Bố cục đoạn văn đầy đủ ba phần chặt chẽ, mạch lạc.

- Trình bày gãy gọn, rõ ràng, chữ viết sạch đẹp, đúng chính tả; viết câu đúng ngữ pháp.

- Có sử dụng từ ghép (chính phụ hoặc đẳng lập), từ láy, quan hệ từ... đúng với văn cảnh.

ĐỀ SỐ 2

Câu 1. (2 điểm)

Nối cột A với cột B để tạo thành các từ láy toàn bộ hoặc láy bộ phận:

Cột A	Cột B
1. mềm	a. đỏ
2. xanh	b. rúng
3. mất	c. thắm
4. tích	d. xanh
5. rời	đ. ti
6. đo	e. mại
7. thắm	g. rạc
8. rẻ	h. mát
9. li	i. bão
10. bạc	l. tắc

Câu 2. (8 điểm): Phân tích giá trị của từ láy trong hai ví dụ sau:

"Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác ven sông, chợ mấy nhà".

(Bà Huyện Thanh Quan)

"Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát.

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, bát ngát mênh mông.

Thân em như chèn lúa dòng dòng

Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai".

(Ca dao)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Nối cột A với cột B, để có được đáp án đúng sau đây:

1. Từ láy toàn bộ có các từ sau.

Đo đỏ, thăm thẳm, xanh xanh, mát mát.

2. Từ láy bộ phận có các từ sau:

Mềm mại, tích tắc, rời rạc, li ti, bạc bèo, rẻ rúng.

Câu 2: Phân tích nghệ thuật sử dụng từ láy trong hai ví dụ.

1. Bức tranh thiên nhiên ở Đèo Ngang được Bà Huyện Thanh Quan miêu tả với đầy đủ đường nét, màu sắc, hình khối. Tác giả sử dụng hai từ láy tượng hình "lom khom, lác đác" để miêu tả con người và cảnh vật. *Lom khom* gợi tả hình ảnh vất vả, nhỏ nhoi của người tiều phu giữa núi rừng hoang sơ. *Lác đác* gợi sự ít ỏi, thưa thớt của những quán chợ nghèo. Sự sống nơi Đèo Ngang thưa thớt, hoang sơ. Trước cảnh, người mang tâm trạng buồn - nỗi buồn man mác của lòng người trước cảnh hoang sơ, xa lạ.

2. Dùng từ láy "*mênh mông, bát ngát*" và láy đảo "*bát ngát, mênh mông*" miêu tả không gian bao la bát tận, những cánh đồng lúa bạt ngàn xanh tốt. Cách dùng từ láy như vậy có tác dụng gợi hình, gợi cảm cho bài ca. Nhân vật trữ tình biểu hiện cảm xúc phấn chấn, yêu quê hương, yêu cuộc sống người lao động.

Hình ảnh "*chèn lúa dòng dòng, phất phơ*" gợi vẻ đẹp thon thả và sức sống thanh xuân đầy hứa hẹn của người thôn nữ giữa cánh đồng lúa bát ngát trong buổi sáng đẹp trời.

⇒ Những từ láy tượng hình được sử dụng như những nét vẽ để người nghệ sĩ vẽ nên cảnh đẹp của bức tranh và con người đồng quê. Ngôn ngữ chứa đựng cảm xúc, tâm trạng vui tươi, phấn chấn của con người trước cuộc sống đang đơm hoa kết trái.

ĐỀ SỐ 3

Câu 1. (2 điểm)

Chỉ ra những điểm giống và khác nhau về âm thanh và nghĩa của các từ sau: nhấp nhô, phập phồng, bập bênh, lí nhí, ti hí.

Câu 2. (2 điểm)

Chỉ ra cách dùng từ sai, nêu nguyên nhân và cách sửa.

- A. Thi học kì xong, tôi thở phào nhẹ nhàng như trút xong một gánh nợ.
- B. Đã sửa nhiều lần nhưng chữ viết của em tôi vẫn xấu xa.
- C. Cu Tí đánh rơi cốc thủy tinh xuống nền gạch, vỡ tan tác.
- D. Tập thể dục nhiều sẽ giữ được thân hình nhỏ nhoi.

Câu 3: *Hãy viết một đoạn văn đối thoại (chủ đề tự chọn) sử dụng đại từ (trong đó có đại từ để chỉ người, sự vật, chỉ số lượng, chỉ hoạt động, tính chất, sự việc).*

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

- Các từ láy nhấp nhô, phập phồng, bập bênh có các khuôn vần [ấp-ô], [ấp-ông], [ấp-ênh], gọi tả một trạng thái không ổn định.

+ Nhấp nhô: nhô lên thụp xuống liên tiếp, không đều nhau.

+ Phập phồng: phồng lên, xẹp xuống một cách liên tiếp.

+ Bập bênh: gọi tả dáng chuyển động lên xuống nhấp nhô theo làn sóng, làn gió.

- Từ láy lí nhí, ti hí, có khuôn vần giống nhau [i].

+ Lí nhí: bé quá, khế quá, nghe không rõ (dùng để chỉ tiếng nói).

+ Ti hí: quá nhỏ, không mở ra to được (dùng để chỉ đôi mắt).

Câu 2:

- Cách dùng từ sai:

A. Từ sai nhẹ nhàng - từ đúng nhẹ nhõm.

B. Từ sai xấu xa - từ đúng xấu.

C. Từ sai tan tác - từ đúng tan tành.

D. Từ sai nhỏ nhoi - từ đúng nhỏ nhắn.

- Nguyên nhân: Người viết (nói) vi phạm các lỗi sau đây:

+ Chưa hiểu nghĩa của từ được dùng.

+ Chưa gắn nghĩa của từ với nội dung, mục đích, hoàn cảnh giao tiếp.

Câu 3:

Gợi ý:

Các em có thể lựa chọn chủ đề, đối tượng giao tiếp tùy ý nhưng phải đảm bảo các yêu cầu!

- Có chủ đề rõ ràng, nhất quán.
- Chọn đối tượng giao tiếp phù hợp.
- Sử dụng các đại từ để chỉ.

Ví dụ:

Bình: Thứ bảy tuần này, bạn có bận không?

An: Để làm gì vậy?

Bình: Mình muốn rủ bạn đi xem phim "Cô bé lọ lem".

An: Được, nhưng mình không có tiền mua vé.

Bình: Không sao, mình vừa được bố mẹ thưởng cho hai vé xem phim.

An: Cảm ơn bạn. Thế mấy giờ phim chiếu.

Bình: Bảy giờ. Hẹn gặp lại.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. (2 điểm):

Phân biệt các đại từ sau: ai, gì, bao nhiêu, mấy, ở đâu, bao giờ, sao, thế nào? Cho ví dụ.

Câu 2. (2 điểm)

Sắp xếp các đại từ sau đây phù hợp với ngôi xưng hô: tôi, tớ, tao, chúng mày, nó, họ, hắn, cậu, mày, bọn hắn, chúng tao, chúng tôi, chúng tớ.

Câu 3. (6 điểm)

Xác định những từ gần nghĩa hoặc nghĩa tương đương với các từ sau:

- Đàn bà.
- Vợ.

Cho biết vai trò của từ Hán - Việt trong giao tiếp?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

1. Đại từ "ai", gì dùng để hỏi về người và vật.

Ví dụ: - Ai đã làm vỡ bóng đèn này?

- Những thứ đựng trong chiếc thùng này là gì?

2. Đại từ "bao nhiêu, mấy", hỏi về số lượng.

Ví dụ: - Năm nay, cháu lên lớp mấy?

- Lớp em có bao nhiêu bạn đạt danh hiệu Học sinh giỏi?

3. Đại từ "ở đâu, bao giờ" dùng để hỏi về không gian, thời gian.

Ví dụ: - Quê của bạn ở đâu?

- Bao giờ thì mình được nghỉ hè?

4. Đại từ "từ sao, thế nào" dùng để hỏi về tính chất, sự việc.

Ví dụ: - Cuối năm lớp 7, kết quả học tập của bạn như thế nào?

- Sao Bình không ra sân tập thể dục?

Câu 2: Các em sắp xếp các đại từ đã cho vào bảng sau:

Số ngôi	Số ít	Số nhiều
1	Tôi, tớ, tao	Chúng tôi, chúng tao, chúng tớ
2	Mày, cậu	Chúng mày
3	Nó, hắn	Chúng nó, bọn hắn

Câu 3: Xác định các từ gần nghĩa, đồng nghĩa sau:

- Đàn bà: phụ nữ, giới nữ, phái nữ.

- Vợ: phu nhân, bà xã, má thằng cu, mình...

- Chết: hi sinh, tử, toi mạng, khuất núi, qua đời, băng hà, đi đời, quy tiên, châu trời...

- Sử dụng từ Hán - Việt tạo nên sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính, sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ đôi khi tạo sắc thái cổ khi nói về truyền thống.

ĐỀ SỐ 5

Câu 1. (2 điểm)

Đọc bài thơ sau:

- "Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư"

(Nam quốc sơn hà)

- "hái bình tu trí lực,

Vạn cổ thử giang san".

(Tụng giá hoàn kinh sư)

Hãy nhận diện và xác định từ ghép Hán - Việt đẳng lập và từ ghép Hán - Việt chính phụ.

Câu 2. (2 điểm):

Tìm mười từ ghép Hán - Việt có yếu tố chính và yếu tố phụ đều đứng trước.

Câu 3. (6 điểm)

- Hãy phân biệt các từ Hán - Việt sau:

+ Tái giá, tái hôn

+ Tái hồi, tái hợp

- Đặt câu với các từ ấy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- Các từ "sơn hà, xâm phạm" (Nam quốc sơn hà), "gian nan" (Tụng giá hoàn kinh sư) là từ ghép đẳng lập.

- Các từ "thiên thư" (Nam quốc sơn hà), "thái bình" (Tụng giá hoàn kinh sư) là từ ghép chính phụ.

Câu 2.

- Từ ghép Hán - Việt có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau: bảo mật, phóng hỏa, phát thanh, định chiến, điện báo, đính hôn, tham chiến, tuyệt vọng.

- Từ ghép Hán - Việt có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau: đại thắng, hậu đãi, thi nhân, tân binh,...

Câu 3: Phân biệt nghĩa các từ Hán - Việt sau:

- Tái giá: (tái: lại một lần nữa, giá: đi lấy chồng), tái giá là người đàn bà góa lấy chồng lần nữa.

- Tái hôn: (tái: lại một lần nữa, hôn: lấy vợ, cưới vợ), tái hôn là cưới vợ một lần nữa.

Ví dụ:

1. Mẹ Tấm chết, người cha tái hôn với một người đàn bà khác, sinh ra Cám.

2. Sau khi chồng mất được mười năm, bạn của mẹ tôi tái giá.

- Tái hồi (Tái: lại một lần nữa, hồi: trở lại, trở về): trở về nơi cũ, chỗ cũ sau thời gian cách biệt hoặc tan vỡ.

- Tái hợp: Sum họp, đoàn tụ trở lại sau thời gian xa cách.

Ví dụ:

Sau mười lăm năm lưu lạc, Kim Trọng và Thuý Kiều được tái hợp.

ĐỀ SỐ 6

Câu 1. (3 điểm)

Chọn những từ thích hợp (đến cả, bởi vì, mà, có, có thể, nhưng, cái này) điền vào đoạn văn dưới đây để các câu có liên kết chặt chẽ với nhau.

Cái thú của mấy câu này.....tỏ cho thấy cái gì cũng có.....không có gì, không có gì mà vẫn.....gì,cá,.....cải,.....cà, có mướp, có ao, có vườn,nói là nhà cũng phong lưu, khá giả đấy chứ! Có người nhận xét các thứ có ấy gọi lên một không khí diễn viên, què kiểng rất thân thiết, đầm ấm..... có mà chẳng có gì,không đúng lúc, đúng thời vụ,miếng trâu là đầu câu chuyện, nhà thơ cũng không có.....thì tác giả lại thừa nhận là không có, kể cũng lạ.

Câu 2. (2 điểm)

Chức năng của quan hệ từ trong khi nói và viết là gì? Hãy đặt câu với các cặp quan hệ từ sau đây.

- Nhờ.....mà/cho nên.....
- Vì.....nên; Bởi.....cho nên.....
- Tuy.....nhưng
- Sở dĩ.....là vì.....

Câu 3. (5 điểm)

Đọc hai câu thơ sau:

*"Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà"*

(Bà Huyện Thanh Quan)

Hãy viết một đoạn văn phân tích vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên trong hai câu thơ đó. Lưu ý có sử dụng các quan hệ từ (nhưng, và, như), các đại từ (đó là, ở đây, này, nơi này).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1:

Gợi ý:

Các em phải đọc kĩ đoạn văn chọn các từ ngữ sau đây và nối vào khoảng trống thích hợp để đoạn văn lô-gíc về nội dung và hình thức.

Lần lượt các từ sẽ là: là, mà, có, có, có, có, có thể, nhưng, bởi vì đến cả, cái này.

Câu 2:

- Quan hệ từ trong tiếng Việt không có chức năng tạo nghĩa mới. Nó được dùng để biểu thị hoặc bổ sung ý nghĩa trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

- Quan hệ từ dùng để nối kết nội dung ý nghĩa của câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn.

Tuy nhiên, không phải lúc nào nói và viết đều phải dùng quan hệ từ. Thực tế giao tiếp cho thấy, có khi bắt buộc phải sử dụng quan hệ từ nhưng đôi khi lại không nhất thiết phải sử dụng.

- Đặt câu:

1. Nhờ bác sĩ tận tình cứu chữa mà anh tôi đã qua khỏi cơn nguy kịch.
2. Bởi vì trời mưa to kéo dài nên đã gây ra lũ lụt.
3. Bởi Thanh quá lười biếng cho nên cuối năm, bạn ấy có kết quả thấp nhất lớp.
4. Tuy nhà Hiền ở xa trường nhưng chưa bao giờ bạn ấy đi trễ.
5. Sỡ dĩ Anh học giỏi là vì bạn ấy rất chăm.

Câu 3:

Gợi ý:

Câu hỏi này mang tính tích hợp cao giữa đọc văn, làm văn Tiếng Việt. Các em vận dụng kĩ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm trữ tình để viết đoạn văn và sử dụng kiến thức về đại từ, quan hệ từ nhằm hoàn thành yêu cầu.

Có nhiều cách viết, sau đây là đoạn văn tham khảo.

Trong cái không gian lạnh lẽo của buổi chiều tà xuất hiện một sự sống, đó là mấy chú tiêu phu đang đốn củi, mấy quán chợ liêu xiêu trong gió chiều. Nhưng sự sống ở đây chỉ là một chút sinh khí. Và chính sự sống này càng làm cho cảnh vật héo hon, buồn bã hơn, xa vắng hơn. Đặc biệt là nghệ thuật đảo từ “lom khom”, “lác đác” đã nhấn mạnh thêm sự u hoài. Sự đối lập của hai câu thực khiến cho cảnh bên sông, dưới núi thêm rời rạc, thưa thớt. Từ “mấy”, “vài” càng nêu rõ sự vắng vẻ ở nơi này.

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. (2 điểm)

Thế nào là từ đồng nghĩa? Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn?

Câu 2. (3 điểm)

Nhận xét cách dùng từ trong các ví dụ sau:

1. Mẹ tôi được Sở Giáo dục biểu kỉ niệm chương Vì Sự nghiệp Giáo dục.
2. Hôm nay, con mời cả nhà đi đánh chén một bữa cho no nê.

3. Cụ ấy ốm nặng đã băng hà hôm qua rồi.

4. Tội nghiệp. Qua một trận đau, trông thằng bé yếu đuối quá!

Câu 3. (5 điểm)

Dùng kiến thức từ đồng âm, trả lời các câu hỏi:

1. Phân biệt nghĩa của từ đồng âm trong các trường hợp sau đây:

A. Ruồi đậu âm xôi đậu.

B. Kiến bò đĩa thịt bò.

C. Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn; Tào Khê nước chảy hãy còn tro trơ.

2. Từ thực tế nói và viết, muốn sử dụng đúng từ đồng âm, các em phải đặc biệt lưu ý điều gì?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

a. Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.

Ví dụ: hi sinh, tử trận, băng hà, bỏ mạng.

b. Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn.

- Từ đồng nghĩa hoàn toàn là những từ đồng nghĩa về nghĩa biểu vật, biểu niệm, biểu thái có thể thay thế cho nhau.

Ví dụ: - xe lửa, xe hoả, tàu hoả, heo, lợn.

- Từ đồng nghĩa không hoàn toàn gồm những từ có một số nét nghĩa trùng nhau có một số nét nghĩa khác.

Ví dụ: + Hi sinh, tử trận.

+ Vui mừng, hí hửng, phấn khởi.

Câu 2:

1. Không dùng “biểu” mà dùng “tặng” vì tặng mang sắc thái nghĩa ghi nhận công sức công hiến của người được tặng.

2. Không dùng “đánh chén” mà “dùng cơm” hoặc “ăn cơm” vì từ “đánh chén” mang sắc thái nghĩa suông sã, không phù hợp với đối tượng được mời, lời mời.

3. Không dùng “băng hà” mà dùng “qua đời” hoặc “mất, đi”.

4. Không dùng “yếu đuối” mà dùng “yếu ớt”.

Câu 3:

1. Phân biệt các từ đồng âm

- “Đậu”⁽¹⁾ là động từ mang nét nghĩa chỉ trạng thái đứng yên một chỗ tạm thời không di chuyển.

- “Đậu”⁽²⁾ một loài hạt dùng làm thức ăn.

Hai nghĩa trên không có liên hệ gì với nhau, nên chúng là hai từ đồng âm.

- “Bò”⁽¹⁾ di chuyển ở tư thế nằm sấp (bụng áp xuống đất) bằng cử động của toàn thân hoặc của những chân ngắn.

- “Bò”⁽²⁾ động vật nhai lại, bốn chân, sừng rỗng và ngắn, nuôi để lấy sức kéo, ăn thịt hay lấy sữa.

Như vậy “bò”⁽¹⁾ và “bò”⁽²⁾ cũng là hai từ đồng âm.

- “Mòn”⁽¹⁾ chỉ sự hao hụt trên bề mặt do sự cọ xát

- “Mòn”⁽²⁾ mang nét nghĩa bền bỉ, kiên trung (sự chung thủy)

Hai từ “mòn”⁽¹⁾ và “mòn”⁽²⁾ là từ đồng âm.

* Từ thực tế sử dụng từ đồng âm, các em phải lưu ý đặt từ vào ngữ cảnh, tình huống và đối tượng giao tiếp để hiểu đúng nghĩa của từ.

ĐỀ SỐ 8

Câu 1. (5 điểm)

Hãy xác định xem từ “say sưa” trong hai lần dùng sau đây có phải là từ đồng âm hay không?

- “Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa

Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày”

- “Còn trời còn nước còn non

Còn cô bán rượu anh còn say sưa”.

Câu 2. (5 điểm)

Đọc bài hát đố sau và trả lời các câu hỏi.

Trăm thứ dầu, dầu gì không thấp?

Trăm thứ bắp, bắp gì không rang?

Trăm thứ than, than gì không quạt?

Trăm thứ bạc, bạc gì không mua?

Trai nam nhi đối tặng, gái bốn mùa theo không”.

1. Hãy xác định xem chìa khoá để giải những câu đố trên là ở chỗ nào?

2. Điều lí thú trong mỗi câu đố trên là gì?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Gợi ý

Muốn xác định được từ đồng âm hay từ đa nghĩa, ta phải tìm hiểu nghĩa của hai lần dùng.

- “Say sưa”⁽¹⁾: Chỉ trạng thái bị ngây ngất vì rượu.

- “Say sưa”⁽²⁾: Chỉ trạng thái ngây ngất vì bị cuốn hút. Như vậy, ở đây không có hiện tượng đồng âm mà là hiện tượng nhiều nghĩa của từ.

Câu 2:

1. Chia khoá để giải những câu đố trên là phải tìm những từ đồng âm hoặc những nghĩa khác nhau với phần hỏi trong câu đố.

- Dầu không thấp? (giàu không)
- Bấp gì không rang? (bấp chân)
- Than gì không quạt? (than thở)
- Bạc gì không mua? (bạc tình, bạc nghĩa)

2. Cái hay của mỗi câu hát đố là ở cách dùng sự đối lập tính chất của sự vật ở phần trên (nghĩa gốc) với sự thiếu vắng tính chất ở phần đố để tạo nên cách lí giải mới mẻ, bất ngờ mà ngộ nghĩnh trong trò chơi đố chữ.

Dầu thấp/ dầu không thấp
Bấp rang/ bấp không rang
Than quạt/ than không quạt
Bạc mua/ bạc không mua

ĐỀ SỐ 9

Câu 1. (5 điểm)

Đọc câu văn đây và trả lời câu hỏi:

Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết lại thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước.

(Hồ Chí Minh)

Hãy tìm những từ cùng trường nghĩa trong câu văn trên; cho biết tác dụng của cách sử dụng ấy?

Câu 2. (5 điểm):

Hãy tìm những từ đồng nghĩa với các từ trong câu thơ sau:

"Cây em em có chịu lời
Ngồi lên cho chị lay rồi sẽ thưa"

(Nguyễn Du)

Giải thích vì sao tác giả lại dùng từ "cây", "chịu" mà không dùng từ đồng nghĩa khác?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

- Tác giả đã so sánh tinh thần yêu nước như một làn sóng thì các từ ngữ sau cũng nằm trong cùng một trường nghĩa với nó như: nhấn chìm, lướt qua, sôi nổi, mạnh mẽ, to lớn.

- Cách dùng hệ thống từ ngữ cùng trường nghĩa có tác dụng biểu đạt nội dung ý nghĩa sâu sắc, tăng sức biểu cảm của lời nói.

Câu 2:

- Các em có thể tìm những từ đồng nghĩa với từ “cậy”, “chịu” phân tích hiệu quả của những lần dùng ấy.

Có thể thay từ “cậy” bằng từ “nhờ”

“chịu” bằng từ “nhận”

Câu thơ nghĩa là: Nhờ em em có nhận lời

Ta thấy từ “cậy” ngoài nét nghĩa của từ “nhờ” còn có ý nghĩa trông cậy, tin tưởng như là chỗ bầu vùi duy nhất.

“Chịu” ngoài nét nghĩa của “nhận” còn có ý van nài, ép buộc.

Vì vậy tác giả không dùng “nhờ”, “nhận” mà dùng “cậy”, “chịu” để diễn tả một cách hiệu quả thái độ, tâm trạng, hoàn cảnh của nhân vật, nhờ thế mà giá trị thẩm mỹ được phát huy.

ĐỀ SỐ 10

Câu 1. (5 điểm)

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

Em hiểu "lựa lời" là gì? Vì sao khi nói chúng ta phải lựa lời, khi viết phải lựa chọn từ ngữ.

Câu 2. (5 điểm)

Diền từ (loáng thoáng, lốm đốm, lê thê, lỏ lộ, thỉnh thoảng) vào chỗ trống thích hợp. Phân tích giá trị biểu cảm của những từ ngữ ấy.

Đám mây....., xám như đuôi con sóc nối đuôi nhau bay quần sát ngọn cây,đi mãi, bây giờ cứnhạt dần,..... đứt quãng, đã.....đăng xa một bức vách trắng toát.

(Tô Hoài)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: “Lựa lời” được hiểu là lựa chọn âm thanh, từ ngữ, câu văn, cách thức diễn đạt. Khi nói và viết, chúng ta phải “lựa lời” để đạt hiệu quả giao tiếp. Quá trình giao tiếp chỉ đạt hiệu quả khi nội dung giao tiếp phù hợp đối tượng, mục đích và hoàn cảnh giao tiếp.

Câu 2:

- Lần lượt điền các từ lấy theo trình tự sau: lổm đổm, lê thê, loáng thoáng, thỉnh thoảng, lơ lửng.

Các từ lấy trên có tính gợi hình rất rõ.

- Lổm đổm (đám mây): gợi sự phân bố chỗ đậm chỗ nhạt.

- Lê thê: sự lên kéo dài, chậm chạp.

- Loáng thoáng: xuất hiện ít, không rõ.

- Thỉnh thoảng: gợi lên sự thưa thớt về thời gian.

- Lờ lửng: hiện ra một cách rõ ràng.

Cách sử dụng những từ lấy như vậy tạo cho câu văn hài hòa, nhịp nhàng, gợi hình, gợi cảm.

III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 10: Phương thức biểu đạt chính của văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê” là gì?

- A. Miêu tả. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2: Nhận định dưới đây đúng hay sai?

Cảnh tượng được miêu tả trong bài thơ “Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” là cảnh tượng vùng quê trầm lặng và đìu hiu, không có sự xuất hiện hình ảnh cuộc sống của con người.

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 3: Tác giả của “Bài ca Côn Sơn” là ai?

- A. Nguyễn Trãi. B. Nguyễn Khuyên.
C. Nguyễn Du. D. Nguyễn Khoa Điềm.

Câu 4: Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật chủ yếu nào để miêu tả cảnh vật Côn Sơn?

- A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

Câu 5: Có nên sử dụng từ Hán Việt trong câu sau không?

“Ngoài cánh đồng làng, nhi đồng đang bắt cá”

- A. Có. B. Không.

Câu 6: Từ “Đàn bà” và “Phụ nữ” là hai từ đồng nghĩa, trong trường hợp sau, hai từ này có thể thay thế cho nhau được không?

“Tạp chí Phụ Nữ”

- A. Có thể thay thế được. B. Không thể thay thế được.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Cảm nghĩ của em về bài thơ “Rằm tháng giêng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	A	A	B	B

2. TỰ LUẬN

Gợi ý:

a. Mở bài : (1 điểm)

- Giới thiệu tác phẩm văn học: *Rằm tháng giêng*
- Tác giả: Chủ tịch Hồ Chí Minh
- Hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm: Trong giờ học văn.

b. Thân bài: (5 điểm)

Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.

- Yêu thích cảnh thiên nhiên → Cảnh đêm trăng được miêu tả sinh động qua từ ngữ gợi tả
- Trân trọng sự hi sinh cao cả của Bác ... → Hiểu được Bác luôn lo nghĩ cho đất nước, cho nhân dân ...

c. Kết bài (1 điểm)

- Ấn tượng chung về tác phẩm: *Rằm tháng giêng*.

ĐỀ SỐ 2

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Bài thơ “Phò giá về kinh” của tác giả nào? Được viết theo thể thơ gì?

- A. Trần Nhân Tông - Ngũ ngôn tứ tuyệt.
- B. Trần Nhân Tông - Thất ngôn tứ tuyệt.
- C. Trần Quang Khải - Ngũ ngôn tứ tuyệt.
- D. Trần Quang Khải - Thất ngôn tứ tuyệt.

Câu 2. Tình cảm, cảm xúc nào được thể hiện trong bài thơ "Tiếng gà trưa" của Xuân Quỳnh?

- A. Hoài niệm tuổi thơ. B. Tình bà cháu.
C. Tình yêu quê hương đất nước. D. Cả A, B, C.

Câu 3. Câu văn nào thể hiện đúng nhất những giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cốm?

- A. Cốm là thứ quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của quê đồng nội cỏ An Nam.
B. Không còn gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi.
C. Và không bao giờ có hai màu lại hoà hợp hơn được nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già.
D. Một thứ thanh đậm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền.

Câu 4. Thành ngữ nào sau đây có nghĩa "Phải thường xuyên ôn luyện, rèn giũa thì mới nắm chắc được kiến thức và thành thạo công việc"?

- A. Tận tâm tận lực. B. Trí dũng song toàn.
C. Văn ôn võ luyện. D. Tâm đầu ý hợp.

Câu 5. Câu văn "Mùa xuân của tôi - mùa xuân của Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh..." có sử dụng dạng điệp ngữ nào?

- A. Điệp ngữ cách quãng B. Điệp ngữ nối tiếp
C. Điệp ngữ chuyển tiếp D. Cả a, b, c đều đúng

Câu 6. Nếu viết "Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng xoá, man mác hương vị ngàn hoa cỏ" thì từ nào dùng không đúng nghĩa?

- A. Hương vị. B. Giọt sữa. C. Man mác. D. Trắng xoá.

2. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ **Cảnh khuya** của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu đúng 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	A	C	C	D

2. TỰ LUẬN

Gợi ý:

*** Hình thức (1 điểm):**

Bài viết đầy đủ các phần, không sai lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ.

*** Nội dung (6 điểm):**

a. Mở bài : (1 điểm).

- Giới thiệu bài thơ *Cảnh khuya* (tác giả, thể thơ, hoàn cảnh sáng tác...).

- Hoàn cảnh tiếp xúc với bài thơ.

- Cảm nhận khái quát về bài thơ.

b. Thân bài (4 điểm):

- Hai câu đầu tả cảnh khuya nơi núi rừng ở chiến khu Việt Bắc.

+ Tác giả dùng phép so sánh (câu 1), điệp từ “lông”, hai vế tiểu đối (câu 2).

+ Cảnh thiên nhiên rất đẹp và đầy chất thơ, có âm thanh trong trẻo, có ánh sáng lung linh, huyền ảo .

- Hai câu cuối diễn tả tâm tình của Bác.

+ Điệp ngữ chuyển tiếp làm cho âm điệu vẫn thơ nhịp nhàng, triển miên như dòng chảy của cảm xúc.

+ Tình yêu thiên nhiên hoà quyện cùng tình yêu nước trong tâm hồn Bác.

c. Kết bài (1 điểm):

- *Cảnh khuya* là bài thất ngôn tứ tuyệt kiệt tác.

- Đọc thơ Bác, ta càng yêu kính và biết ơn Bác hơn.

ĐỀ SỐ 3

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: *Thông điệp nào được gửi gắm qua văn bản “Cuộc chia tay của những con búp bê”?*

A. Hãy tôn trọng những ý thích của trẻ em

B. Hãy để trẻ em sống trong một mái ấm gia đình.

C. Hãy hành động vì trẻ em

D. Hãy tạo điều kiện để trẻ em phát triển tài năng có sẵn.

Câu 2: *Cách tả cảnh của bốn bài ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người có đặc điểm chung gì?*

A. Gọi nhiều hơn tả.

B. Tả chi tiết những đặc điểm tiêu biểu nhất.

C. Tả rất chi tiết những hình ảnh thiên nhiên.

D. Chỉ liệt kê tên địa danh chứ không miêu tả.

Câu 3: Hình ảnh nổi bật nhất xuyên suốt bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là:

A. Quả trứng hồng.

B. Tiếng gà trưa.

C. Người chiến sĩ.

D. Người bà.

Câu 4: Chọn từ đồng nghĩa với từ “trong” trong câu thơ:

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa”

A. Trong sáng.

B. Trong trẻo.

C. Trong trắng.

D. Tinh khiết.

Câu 5: Thế nào là một văn bản biểu cảm?

A. Kể lại một câu chuyện cảm động.

B. Bàn luận về một hiện tượng đời sống.

C. Bộc lộ tình cảm, cảm xúc, đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh để khơi gợi sự đồng cảm của người đọc.

D. Được viết bằng thơ.

2. TỰ LUẬN

Phát biểu cảm nghĩ của em về bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	B	B	C

2. TỰ LUẬN

Gợi ý:

Yêu cầu của đề :

- Viết đúng thể loại văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

Dàn bài:

1. Mở bài: (1 điểm).

- Hoàn cảnh sáng tác: Viết trong những năm đầu của thời kì kháng chiến chống Mĩ.

- Tác giả Xuân Quỳnh: một nhà thơ nữ xuất sắc của thơ ca Việt Nam hiện đại.

2. Thân bài: (4 điểm).

a. Những nhận định chung (1 điểm).

- “Tiếng gà trưa” là bài thơ hay, có giọng kể và tả ngọt ngào.

- Bài thơ diễn tả những cảm xúc tràn đầy của nhà thơ qua tiếng gà gáy buổi trưa.

b. Những suy nghĩ, cảm xúc cụ thể dựa trên giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của bài thơ:

- Từ âm thanh của “Tiếng gà trưa” mà tác giả cảm thấy xôn xao trong lòng, gợi nhớ biết bao kỉ niệm: ổ rơm hồng những quả trứng, con gà mái mơ, con gà mái vàng; đặc biệt là hình ảnh người bà yêu thương cháu hết mực, tần tảo, vất vả chăm sóc cháu “cho con gà mái ấp” (1 điểm).

- Mạch cảm xúc của bài thơ diễn biến theo quy luật hồi tưởng tự nhiên của tâm lí: Hiện tại (tiếng gà trưa bên xóm nhỏ) - Quá khứ (kỉ niệm hiện lên theo âm thanh của tiếng gà trưa); Hiện tại - Tương lai (tiếng gà trưa giục anh cầm chắc tay súng để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, quê hương) (1 điểm).

- Bài thơ làm theo thể năm tiếng nhưng biến đổi linh hoạt. Ba chữ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần, là sợi dây kết nối các hình ảnh và cũng là điểm nhịp cho cảm xúc (1 điểm).

3. Kết bài (1 điểm):

- Ấn tượng về nhà thơ: Bài thơ thể hiện rất chân tình mộc mạc, bình dị nhưng sâu lắng về hồi ức tuổi thơ giữa bà và cháu. Tình cảm trong sáng đẹp đẽ của tuổi thơ đã trở thành động cơ để người chiến sĩ an tâm chiến đấu vì Tổ quốc.

ĐỀ SỐ 4

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1. Tác phẩm trữ tình là:

- A. Những văn bản viết bằng thơ.
- B. Những tác phẩm kể lại một câu chuyện cảm động.
- C. Thơ và tùy bút.
- D. Những văn bản thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả.

Câu 2: Bài thơ nào sau đây không thuộc thể thơ thất ngôn tứ tuyệt?

- A. Bạn đến chơi nhà.
- B. Bánh trôi nước.
- C. Cảnh khuya.
- D. Xa ngắm thác núi Lư.

Câu 3: Ý nào sau đây nêu đúng vẻ đẹp của mùa xuân ở miền Bắc?

- A. Tươi tắn và sôi động.
- B. Lạnh lẽo và u buồn.
- C. Không gian trong sáng và ấm áp.
- D. Thời tiết se lạnh nhưng lòng người ấp áp tình thương.

Câu 4: Từ “và” trong câu “Và không bao giờ có hai màu hoà hợp hơn được nữa” là quan hệ từ dùng để làm gì?

- A. Làm chủ ngữ.
- B. Nối hai thành phần của chủ ngữ.
- C. Liên kết câu đó với câu trước đó.
- D. Không có tác dụng liên kết câu.

Câu 5: Vẻ đẹp trong hai câu đầu bài thơ “Cảnh khuya” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gì?

- A. Sử dụng có hiệu quả phép so sánh và nhân hoá.
- B. Miêu tả âm thanh tinh tế và hình ảnh sinh động.
- C. Vận dụng sáng tạo những hình ảnh quen thuộc của Đường thi.
- D. Kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm trực tiếp.

Câu 6: Hãy chọn cách viết đúng về câu thành ngữ sau:

- A. Lên ghềnh, xuống thác.
- B. Xuống ghềnh, lên thác.
- C. Lên thác xuống ghềnh.
- D. Lên núi xuống ghềnh.

2. TỰ LUẬN

1. Tìm một ví dụ về phép điệp ngữ trong bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh và nêu tác dụng của phép điệp ngữ đó? (2 điểm).

2. Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan (5 điểm).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	D	C	B	C

2. TỰ LUẬN

Bài viết cần đạt những yêu cầu sau:

***Nội dung:**

a. Tìm được ví dụ về phép điệp ngữ trong bài thơ “*Tiếng gà trưa*” của Xuân Quỳnh (1 điểm), nêu tác dụng của phép điệp ngữ vừa tìm được (1 điểm).

b. Bài có thể có nhiều cách trình bày, song phải đảm bảo các yêu cầu và nội dung cơ bản sau:

1. Mở bài:

Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và hoàn cảnh tiếp xúc bài thơ.

2. Thân bài: Những cảm xúc, suy nghĩ do bài thơ gợi lên.

- Đây là một bài thơ hay của Bà Huyện Thanh Quan.

- Bốn câu thơ đầu tả cảnh Đèo Ngang vào lúc chiều tà bóng xế, cảnh đẹp nhưng buồn.

+ Thiên nhiên hoang vu hiểm trở.

+ Con người bé nhỏ thưa thớt.

Cảnh vật ấy đủ để nhà thơ cảm nhận một cách sâu lắng sự buồn vắng, quạnh hiu của buổi chiều tà ở miền sơn cước.

- Bốn câu thơ sau mượn cảnh để tả tình.

+ Nói lên tâm sự của tác giả: nỗi niềm nhớ nước, nhớ quê hương trong niềm cô quạnh, buồn thương man mác của tâm hồn.

+ Khép lại bài thơ là hình ảnh bé nhỏ của nữ sĩ trước một khung cảnh mở rộng đến vô tận “*trời, non, nước*” khiến nhà thơ càng thấy cô đơn quạnh quẽ “*ta với ta*” nhưng chỉ có “*một mảnh tình riêng*”.

3. Kết bài

Thể hiện tình cảm, ấn tượng chung về bài thơ.

***Hình thức:**

Bài viết đầy đủ các phần, không sai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, chữ viết rõ, trình bày sạch sẽ.

ĐỀ SỐ 5

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích rồi chọn câu trả lời các câu hỏi.

“*Tôi yêu Sài Gòn da diết, như người đàn ông vẫn ôm ấp bóng dáng mỗi tình đầu chứa nhiều ngang trái. Tôi yêu trong nắng sớm, một thứ nắng ngọt ngào, vào buổi chiều lộng gió nhớ thương, dưới những cây mưa nhiệt đới bất ngờ. Tôi yêu thời tiết trái chùng với trời đang ui ui buồn bã, bỗng nhiên trong vắt lại như thủy tinh. Tôi yêu cả đêm*”

khuya thưa thốt tiếng ồn. Tôi yêu phố phường náo động, dập dìu xe cộ vào những giờ cao điểm...”

(Ngữ văn 7 - Tập một).

Câu 1: Đoạn văn trích từ văn bản nào?

- A. Mùa xuân của tôi. B. Một thứ quà của lúa non: Cốm
C. Sài Gòn tôi yêu. D. Tiếng gà trưa

Câu 2: Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận

Câu 3: Nội dung của đoạn văn trên là gì?

- A. Miêu tả những vẻ đẹp riêng của thành phố Sài Gòn.
B. Bình luận về những nét riêng của Sài Gòn.
C. Bộc lộ trực tiếp tình yêu của tác giả với Sài Gòn.
D. Nêu những nhận xét về thiên nhiên khí hậu Sài Gòn.

Câu 4: Đoạn văn trên tác giả sử dụng bao nhiêu từ láy?

- A. bốn từ. B. năm từ. C. sáu từ. D. bảy từ.

Câu 5: Cặp từ nào sau đây không phải là cặp từ trái nghĩa?

- A. Trẻ - Già. C. Sang - Hèn.
B. Sáng - Tối. D. Chạy - Nhảy.

Câu 6: Hãy giải thích nghĩa của các từ Hán Việt sau :

- A. Tiều phu..... B. Du khách.....
C. Thủy chung..... D. Hùng vĩ.....

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	C	A	D

6. Học sinh tự giải thích.

2. TỰ LUẬN

Gợi ý:

1. Mở bài (1 điểm):

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Khuyến: Một nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

- Cảm nghĩ chung về bài thơ “Bạn đến chơi nhà” là niềm vui bất ngờ và thông minh, dí dỏm của cụ Tam Nguyên Yên Đổ.

2. Thân bài (5 điểm)

a. Cảm nhận về câu thơ đầu

- Lời thơ giản dị tự nhiên như lời chào hỏi thân tình của người bạn thân lâu lắm mới gặp lại. Gọi bạn bằng bác là cách gọi dân dã gợi sự nể trọng. Câu thơ giống như lời chào quen thuộc hằng ngày ấy sẽ làm tiền đề cho sự giải bày tiếp theo.

b. Cảm nhận về sáu câu thơ tiếp

Nhà thơ phân trần với bạn về sự tiếp đãi bạn không chu đáo của mình: Mọi thứ đều có, song chưa thể ăn được (có cà, có cải, có bầu, có mướp...).

Xem kĩ lời phân trần của Nguyễn Khuyến ta thấy ông đâu có nghèo. Ngược lại ông là người giàu có. Cái nghèo vật chất trong hiện tại được thi vị hoá như là sự giàu có trong tương lai. Có phải chăng đây là cách giới thiệu độc đáo về cuộc sống thanh đạm với bạn bè của cụ Tam Nguyên khi cụ mới từ quan?

c. *Cảm nghĩ về câu kết*: Cách sử dụng từ ngữ tài tình của nhà thơ qua cụm từ "ta với ta" → Cảm nhận chung về bài thơ: Đây là một bức tranh phong cảnh nông thôn bình dị tràn đầy sức sống, làm xốn xang lòng người đồng thời bày tỏ một tình bạn thân thiết, tri kỉ, vượt qua mọi khuôn phép, lễ giáo, sáng lên một chữ "tình".

3. Kết bài. (1 điểm): Tình cảm của em đối với nhà thơ và bài thơ.

ĐỀ SỐ 6

1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Bài thơ "Sông núi nước Nam" của tác giả nào?

A. Lý Thường Kiệt.

B. Trần Quang Khải.

C. Nguyễn Trãi.

D. Trần Quốc Tuấn.

Câu 2. Bài thơ "Sông núi nước Nam" ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

B. Lý Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt.

C. Trần Quang Khải chống quân Nguyên ở bến Chương Dương.

D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

Câu 3. Phân thực (3+4) của bài thơ "Qua Đèo Ngang" tả cuộc sống như thế nào?

A. Ít ỏi, thưa thớt.

B. Ít ỏi, thưa thớt, hoang sơ.

C. Thưa thớt, buồn.

D. Vui tươi, tấp nập.

Câu 4. Trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà” cảm xúc về gia cảnh được thể hiện ở những câu thơ nào?

A. 1, 2, 3, 4, 5, 6 B. 2, 3, 4, 5, 6, 7 C. 3, 4, 5, 6, 7 D. 3, 4, 5, 6.

Câu 5. Bài thơ “Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” ghi lại sự việc gì?

- A. Ghi lại sự việc và tâm trạng của tác giả lúc về thăm quê sau bao năm xa cách.
- B. Ghi lại sự việc của tác giả vào lúc đặt chân về thăm quê sau bao năm làm việc xa quê.
- C. Ghi lại tâm trạng của tác giả vào lúc đặt chân về thăm quê sau bao năm làm việc xa quê.
- D. Ghi lại cảm xúc của tác giả khi nhớ về quê mình.

Câu 6. Trong các phương án sau, phương án nào là thành ngữ?

- A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- B. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
- C. Lữ đừ như ông từ vào đền.
- D. Bán chị em xa, mua láng giềng gần.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài thơ “Cảnh khuya”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	B	B	A	A

2. TỰ LUẬN

Gợi ý

1. Mở bài

- Giới thiệu tác phẩm: Cảnh khuya; tác giả: Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Hoàn cảnh sáng tác: tại Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Nội dung: Miêu tả cảnh đẹp đêm trăng, thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước sâu nặng.
- Nghệ thuật: Bài thơ trữ tình chan chứa tình cảm, tạo cảm xúc cho người đọc, người nghe.
- Chép bài thơ: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

2. Thân bài

Những cảm xúc, suy nghĩ do tác phẩm gợi lên.

- Cảm nhận chung về phong cảnh và tâm hồn (tình cảm) của Bác.
- Nêu cảm nghĩ về từng câu thơ bằng các biện pháp liên tưởng, tưởng tượng, so sánh,...

a. Khung cảnh thiên nhiên

- Có âm vang tiếng suối từ xa vọng lại như tiếng hát trong trẻo, du dương...

- Bóng trắng lồng vào bóng cây cổ thụ, tạo nên những bóng hoa quần quýt, hòa quyện lung linh trong ánh sáng huyền ảo dệt nên một bức tranh tuyệt đẹp.

b. Tâm hồn (tình cảm) của Bác

- Yêu cảnh đẹp, yêu đời, say sưa trước cảnh đẹp của thiên nhiên.
- Bác luôn luôn lo lắng cho vận mệnh của dân tộc, đất nước, nhân dân “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”.

3. Kết bài

Ấn tượng chung về bài thơ “Cảnh khuya”.

- Bài thơ “Cảnh khuya” của Bác là một bài thơ hay.
- Nghệ thuật độc đáo của thơ hiện đại nhưng rất đậm màu sắc cổ điển.
- Trong Bác có sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ và cốt cách của người chiến sĩ, vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại.
- Đọc bài thơ ta càng khâm phục và kính yêu Bác hơn, sẽ học tập tốt hơn nữa để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

ĐỀ SỐ 7

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu đúng được 0,5 điểm).

*“Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.”*

(Ngữ văn 7 - tập 1)

Câu 1: Nhan đề của bài thơ trên là:

- A. Sông núi nước Nam.
- B. Tĩnh dạ tứ.
- C. Hồi hương ngẫu thư.
- D. Phò giá về kinh.

Câu 2: Tác giả của bài thơ trên là:

- A. Phạm Ngũ Lão.
- B. Lý Thường Kiệt.
- C. Trần Quang Khải.
- D. Lý Bạch.

Câu 3: “Về kinh” ở đây là về đâu?

- A. Về Hoa Lư. B. Về kinh đô Huế.
C. Về Thăng Long. D. Về Gia Định.

Câu 4: Ý nào dưới đây diễn đạt chính xác nội dung định nghĩa “ca dao, dân ca”?

- A. Đó là những tác phẩm văn học truyền miệng.
B. Đó là những bài thơ được truyền tụng từ xưa đến nay.
C. Đó là những bài thơ - bài hát trữ tình dân gian.
D. Đó là những bản nhạc do nhân dân lao động sáng tạo nên.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Cảm nghĩ của em về bài thơ “*Bạn đến chơi nhà*” của Nguyễn Khuyến.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	C	C	C

II. TỰ LUẬN

Gợi ý:

Đây là kiểu bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học. Học sinh tùy ý thể hiện nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài: Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh tiếp xúc với tác phẩm.

2. Thân bài:

- *Nội dung:* Bạn đến thăm Nguyễn Khuyến trong tình huống như thế nào? Tình bạn của hai người ra sao? Em có suy nghĩ gì về tình bạn của tác giả? Có thể liên hệ quan niệm của bản thân về tình bạn.

- *Hình thức:* Đây là một bài thơ Nôm Đường luật được đánh giá là một trong những bài thơ hay nhất, có một vẻ đẹp dung dị với những lời thơ thuần Việt, mộc mạc, nhuần nhị, hồn nhiên. Ngoài ra, Nguyễn Khuyến cũng sử dụng rất khéo léo cách nói thậm xưng, hóm hỉnh nhưng ẩn sau đó là một tấm lòng chân thành, đôn hậu.

(Có thể liên hệ với nhiều bài thơ khác để thấy tài sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Khuyến).

c. Kết luận: Ấn tượng chung về bài thơ

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Hãy nối các dữ kiện ở cột A tương ứng với các dữ kiện ở cột B

A	B
1- Bài ca Côn Sơn	a- Ngũ ngôn tứ tuyệt
2- Sông núi nước Nam	b- Thất ngôn bát cú
3- Qua Đèo Ngang	c- Thất ngôn tứ tuyệt
4- Sau phút chia li	d- Lục bát
5- Phò giá về kinh	e- Song thất lục bát

Câu 2: Trong số những tác phẩm sau, tác phẩm nào do một vị vua sáng tác?

- A: Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra.
- B: Phò giá về kinh.
- C: Sông núi nước Nam.
- D: Qua Đèo Ngang.

Câu 3: Ca dao thuộc kiểu văn bản gì?

- A: Tự sự.
- B: Biểu cảm.
- C: Nghị luận.
- D: Miêu tả.

Câu 4: Quá trình tạo lập văn bản được sắp xếp theo thứ tự như thế nào?

- A: Tìm ý, định hướng, kiểm tra, viết bài.
- B: Viết bài, tìm ý, kiểm tra, định hướng.
- C: Định hướng, tìm ý, viết bài, kiểm tra.
- D: Định hướng, viết bài, kiểm tra, tìm ý.

Câu 5: Điền các từ thích hợp vào các thành ngữ Hán - Việt sau:

- A. Tiến.....lưỡng nan
- B. Ôn.....tri tân
- C. Khẩu phật tâm.....
- D. Sinh li.....biệt

Câu 6: Tìm quan hệ từ có thể dùng thành cặp với quan hệ từ sau:

- Nếu.....
- Vì.....
- Tuy.....
- Sở dĩ.....

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Phân biệt ý nghĩa của hai câu có quan hệ từ "nhưng" sau đây:

- Nó gây nhưng khỏe.
- Nó khỏe nhưng gây.

Câu 2. (5 điểm): Phát biểu cảm nghĩ của em về một mùa mà em yêu thích nhất trong năm.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	1- d ; 2-c; 3-b; 4-e; 5-a	A	B	C	A. thoái, B. cố; C. xà; D. tử	thì, nên, nhưng, vì

2. TỰ LUẬN

Câu 1.

- "Nhưng"⁽¹⁾ biểu thị ý khen.
- "Nhưng"⁽²⁾ biểu thị ý chê.

Câu 2.

Gợi ý:

1. Mở bài: (0,5 điểm)

- Giới thiệu và nêu cảm nghĩ chung về mùa mà em thích nhất trong năm.

2. Thân bài: (3 điểm): Đây là kiểu bài văn biểu cảm về sự vật, cách trình bày có thể tùy chọn song bài làm cần thể hiện nội dung:

- Cảnh sắc của mùa mà em thích có những nét nổi bật nào? (miêu tả, tái hiện)

- Cảnh sắc ấy gợi cho em về suy nghĩ và cảm nhận gì?

3. Kết bài: (0,5 điểm)

- Nêu cảm nghĩ, mong ước của em về mùa mà em thích.

* **Lưu ý:** Hình thức trình bày, chữ viết, chính tả, ngữ pháp, diễn đạt (1 điểm).

B. CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ II

I. ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Chọn đáp án đúng

Câu 1: *Câu tục ngữ nào sau đây nói về kinh nghiệm dự báo thời tiết?*

- A. Nhất thì, nhì thục.
- B. Tất đất, tất vàng.
- C. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.
- D. Ráng vàng thì gió, ráng đỏ thì mưa.

Câu 2: *Nhận định nào sau đây không đúng với nội dung của những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất?*

- A. Đúc kết những kinh nghiệm sống giữa thiên nhiên và con người.
- B. Sự nhọc nhằn vất vả của những người nông dân lao động.
- C. Đúc kết những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.
- D. Ước muốn chinh phục thiên nhiên và tăng năng suất lao động.

Câu 3: *Những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất có vai trò, ý nghĩa gì trong đời sống của người lao động?*

- A. Người lao động chủ động dự báo thời tiết để sản xuất có hiệu quả
- B. Người lao động yêu quý thiên nhiên, lạc quan yêu đời.
- C. Khát vọng chinh phục thiên nhiên, làm chủ cuộc sống.
- D. Giữ mối quan hệ tốt đẹp với thiên nhiên, con người sẽ có cuộc sống no đủ.

Câu 4: *Nhận xét nào sau đây không đúng với đặc điểm về hình thức của tục ngữ?*

- A. Tính chất ngắn gọn, súc tích.
- B. Tục ngữ thường có vần, điệu, nhịp điệu.
- C. Tục ngữ xây dựng các vẻ đối xứng nhau cả về hình thức và nội dung.
- D. Ngôn ngữ của tục ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm.

2. TỰ LUẬN: (8 điểm)

Vì sao nói tục ngữ thường dễ đọc, dễ nhớ và có tính thực tiễn rất cao? Hãy phân tích câu tục ngữ:

*"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối".*

Để chứng minh cho đặc điểm nêu trên.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	D	B	A	C

2. TỰ LUẬN

- Tục ngữ Việt Nam thường dễ đọc, dễ thuộc dễ nhớ vì tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, hàm súc, có kết cấu bền vững, có hình ảnh, nhịp điệu, vần điệu.

- Tục ngữ có tính thực tiễn cao bởi vì: tục ngữ là những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội,...) được đúc kết từ quá trình đấu tranh với thiên nhiên trong cuộc sống lao động, sinh hoạt lại được vận dụng trong cuộc sống lao động, sinh hoạt chinh phục thiên nhiên. Vì vậy, tục ngữ thường có tính thực tiễn rất cao.

- Phân tích câu tục ngữ:

+ Câu tục ngữ có hai vế: Vế thứ nhất có thông tin đêm tháng năm ngắn, vế thứ hai có thông tin ngày tháng mười ngắn. Các vế đều sử dụng cách gieo cùng vần, cùng thanh. Vế thứ nhất gieo vần "ăm", thanh bằng, và vế thứ hai gieo vần "ười" và thanh bằng.

Sử dụng hai vế đối xứng để nhấn mạnh đặc điểm ngắn của đêm tháng năm và ngày tháng mười, đồng thời làm nổi bật sự trái ngược tính chất đêm, ngày giữa mùa hạ và mùa đông.

Cách gieo vần, nhịp và sử dụng phép đối xứng trong bài tục ngữ có tác dụng dễ nói, dễ nhớ.

- Tính thực tiễn của câu tục ngữ chính là bài học về cách sử dụng thời gian trong sinh hoạt và lao động của con người sao cho phù hợp với mỗi mùa. Ví dụ: lịch làm việc, đi học của mùa hạ khác mùa đông.

ĐỀ SỐ 2

Câu 1. (4 điểm)

Nhịp điệu có vai trò như thế nào trong biểu đạt nội dung, ý nghĩa của tục ngữ. Hãy chọn cách ngắt nhịp đúng trong các câu tục ngữ sau:

- Ráng mỡ gà có nhà thì giữ.
- Nhất nước nhì phân tam cần tứ giống.
- Trăng quầng thì hạn trăng tán thì mưa.
- Mưa tháng ba hoa đất, mưa tháng tư hư đất.
- Tháng hai trồng cà tháng ba trồng đỗ.
- Nuôi lợn ăn cơm nằm nuôi tằm ăn cơm đứng.

Câu 2. 6 điểm): Có học sinh cho rằng, phân tích tục ngữ chỉ cần tìm hiểu nghĩa đen không cần tìm hiểu nghĩa bóng. Em có đồng ý với quan điểm trên không? Vì sao? Phân tích ý nghĩa của câu tục ngữ “Tắc đất, tắc vàng”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1:

- Nhịp điệu là đặc điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật của tục ngữ. Nó không chỉ tạo cho lời nói tính nhịp nhàng, gợi cảm mà còn có giá trị biểu đạt về nội dung, ý nghĩa của câu nói. Ngắt nhịp trong tục ngữ còn tạo nên một hình thức đặc thù khác là tính đối xứng. Tính đối xứng trong tục ngữ thường tạo ra những nét nghĩa khác nhau.

- Ngắt nhịp trong tục ngữ thường được tổ chức ở hai hình thức:
 - + Sau mỗi vế chứa nghĩa độc lập.
 - + Hoặc khi tục ngữ sử dụng hình thức liệt kê.
- Căn cứ vào đặc điểm trên, ta định vị cách ngắt nhịp trong các ví

dụ sau:

- *Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ*
- *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*
- *Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.*
- *Mưa tháng ba hoa đất, mưa tháng tư hư đất.*
- *Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ.*
- *Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.*

Câu 2:

- Ý kiến trên là không đúng với phương pháp phân tích tục ngữ (căn cứ vào đặc trưng cơ bản của thể loại) bởi vì tục ngữ là những câu

nói ngắn gọn, có tính hàm xúc cao, chứa đựng nội dung thông tin lớn. Nếu chỉ tìm hiểu nghĩa đen sẽ không hiểu ngầm ý sâu sa của dân gian vì tục ngữ là "túi khôn" là trí tuệ, triết lí dân gian.

Vì vậy, nói đến tục ngữ phải chú ý đến nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gắn với sự việc và hiện tượng ban đầu. Nghĩa bóng là nghĩa gián tiếp, nghĩa ẩn dụ, nghĩa biểu tượng.

- Phân tích nghĩa câu tục ngữ: "Tấc đất, tấc vàng"

+ Nghĩa đen:

Vế một: "Tấc" là đơn vị đo lường trong dân gian. Một tấc bằng 1/10 thước. "Đất" là đất đai trồng trọt, chăn nuôi nói chung. Nghĩa đủ "tấc đất" là mảnh đất nhỏ.

Vế hai: "Vàng" là kim loại quý thường được đo bằng cân tiểu li. Nghĩa vế hai "tấc vàng" chỉ về một lượng vàng lớn.

Nghĩa cả câu: Mảnh đất nhỏ bằng một lượng vàng lớn.

+ Nghĩa bóng: Câu tục ngữ nêu bật giá trị của đất trong đời sống lao động sản xuất của con người. Đất là của cải, vì vậy cần sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả không được lãng phí.

ĐỀ SỐ 3

1. TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

Câu 1: *Câu tục ngữ nào sau đây nói về vẻ đẹp phẩm giá của con người.*

- A. Đói cho sạch, rách cho thơm.
- B. Không thấy đổ mày làm nên.
- C. Người sống, đồng vàng.
- D. Một lời nói ra, ngựa giỏi đuổi không kịp.

Câu 2: *Nối cột A (những câu tục ngữ đồng nghĩa) với cột B (những câu tục ngữ trái nghĩa) cho phù hợp.*

Cột A

Cột B

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Uống nước nhớ nguồn | a. Lừa thầy, phản bạn |
| 2. Người chết nét còn | b. Ăn cháo đá bát |
| 3. Không thấy đổ mày làm nên | c. Cửa trọng hơn người |
| 4. Uống nước nhớ kẻ đào giếng | d. Được chim bẻ ná, được cá quên nơm |

Câu 3: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm nghệ thuật của những câu tục ngữ nói về con người và xã hội?

- A. Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh.
- B. Giàu hình ảnh ẩn dụ.
- C. Sử dụng cách nói hàm xúc nhưng đa nghĩa.
- D. Sử dụng ngôn ngữ bác học.

Câu 4: Tục ngữ là “trí khôn” của nhân dân nhưng chỉ có tính chất tương đối chính xác vì không ít kinh nghiệm được tổng kết chủ yếu là dựa vào quan sát. Theo em, ý kiến này đúng hay sai?

- A. Sai.
- B. Đúng.

2. TỰ LUẬN. (8 điểm)

Câu 1: Phân tích nghệ thuật độc đáo của câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm”.

Câu 2: Em rút ra bài học gì từ câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên”?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. TRẮC NGHIỆM (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	1.b; 2.c; 3.a; 4.d	D	B

2. TỰ LUẬN

Câu 1: Nét độc đáo của câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” là hình thức tiểu đối, đói - sạch - rách - thơm, tạo nên hai vế đối xứng: Đói sạch, rách thơm. Câu tục ngữ có hai vế đối theo quan hệ cùng nghĩa, hợp nghĩa để nhấn mạnh ý là dù nghèo khổ đến đâu, bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ được phẩm giá của mình. Không đổ lỗi cho hoàn cảnh mà làm điều xấu xa có hại đến nhân phẩm của mình. Dân gian có câu “Chết trong còn hơn sống đục” cùng nghĩa với câu tục ngữ “Đói cho sạch rách cho thơm”.

- Dẫn chứng bài ca dao:

*Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con”.*

Câu 2:

- Câu tục ngữ khẳng định vai trò, công ơn của người thầy giáo - người có vai trò dạy bảo, cung cấp những tri thức khoa học, đạo đức, lễ sống cho mỗi con người. Mỗi thành công của chúng ta đều có công ơn và vai trò của người thầy. Không có thầy dạy bảo sẽ không làm được việc gì thành công.

- Muốn nên người và thành đạt chúng ta phải biết trọng thầy, quý thầy để được học hỏi từ thầy:

*"Muốn sang thì bắt cầu kiều
Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy"*

Câu tục ngữ nhắc nhở mỗi người không được quên công lao dạy dỗ, chỉ bảo của thầy.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. (5 điểm)

Đọc câu tục ngữ *"Bán anh em xa mua láng giềng gần"* có người cho rằng, nội dung của câu tục ngữ là phản đạo lí: Em có đồng ý với ý kiến trên không?

Câu 2. (5 điểm): Có ý kiến cho rằng: Sống trong thời buổi văn minh hiện đại, mọi người sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật thì không cần những câu tục ngữ có tác dụng kêu gọi, giáo huấn con người sống theo đạo lí nữa. Em suy nghĩ gì về quan điểm nêu trên.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- Câu tục ngữ không phủ nhận tình cảm anh em, đề cao tình nghĩa láng giềng. Ý nghĩa của câu tục ngữ là nêu lên cách ứng xử và khẳng định mối quan hệ giữa anh em (gia đình) với láng giềng (xã hội).

- Câu tục ngữ nói lên sự gần gũi, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong hoàn cảnh khó khăn. Những lúc ta gặp khó khăn, "anh em xa" sẽ không bằng "láng giềng gần". Vì vậy, có thể khẳng định nội dung câu tục ngữ khẳng định đạo lí làm người, tình nghĩa ở đời phù hợp với đạo lí.

Câu 2: Đây là một câu hỏi khó (có thể dành cho học sinh giỏi) các em có thể trình bày quan điểm, suy nghĩ của riêng mình. Song phải xét mối quan hệ giữa đạo lí và hiến pháp và pháp luật.

- Trước đây, cha ông ta xây dựng luân thường đạo lí dựa trên nguyên tắc các mối quan hệ gia đình và xã hội. Ví dụ như thứ bậc

Câu 2:

- Câu tục ngữ khẳng định vai trò, công ơn của người thầy giáo - người có vai trò dạy bảo, cung cấp những tri thức khoa học, đạo đức, lễ sống cho mỗi con người. Mỗi thành công của chúng ta đều có công ơn và vai trò của người thầy. Không có thầy dạy bảo sẽ không làm được việc gì thành công.

- Muốn nên người và thành đạt chúng ta phải biết trọng thầy, quý thầy để được học hỏi từ thầy:

"Muốn sang thì bắt cầu kiều

Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy"

Câu tục ngữ nhắc nhở mỗi người không được quên công lao dạy dỗ, chỉ bảo của thầy.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. (5 điểm)

Đọc câu tục ngữ "Bán anh em xa mua láng giềng gần" có người cho rằng, nội dung của câu tục ngữ là phản đạo lí: Em có đồng ý với ý kiến trên không?

Câu 2. (5 điểm): Có ý kiến cho rằng: Sống trong thời buổi văn minh hiện đại, mọi người sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật thì không cần những câu tục ngữ có tác dụng kêu gọi, giáo huấn con người sống theo đạo lí nữa. Em suy nghĩ gì về quan điểm nêu trên.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- Câu tục ngữ không phủ nhận tình cảm anh em, đề cao tình nghĩa láng giềng. Ý nghĩa của câu tục ngữ là nêu lên cách ứng xử và khẳng định mối quan hệ giữa anh em (gia đình) với láng giềng (xã hội).

- Câu tục ngữ nói lên sự gần gũi, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong hoàn cảnh khó khăn. Những lúc ta gặp khó khăn, "anh em xa" sẽ không bằng "láng giềng gần". Vì vậy, có thể khẳng định nội dung câu tục ngữ khẳng định đạo lí làm người, tình nghĩa ở đời phù hợp với đạo lí.

Câu 2: Đây là một câu hỏi khó (có thể dành cho học sinh giỏi) các em có thể trình bày quan điểm, suy nghĩ của riêng mình. Song phải xét mối quan hệ giữa đạo lí và hiến pháp và pháp luật.

- Trước đây, cha ông ta xây dựng luân thường đạo lí dựa trên nguyên tắc các mối quan hệ gia đình và xã hội. Ví dụ như thứ bậc

trong gia đình quy định cách ứng xử giữa các thành viên với nhau. Cha mẹ có trách nhiệm, nghĩa vụ nuôi dạy con cái nên người. Đạo làm con phải hiếu thảo, ngoan hiền với ông bà cha mẹ. Mối quan hệ xã hội được quy định bởi “Tam cương ngũ thường”.

- Tục ngữ được đúc rút từ thực tiễn đời sống, cụ thể là trong mối quan hệ giữa con người và con người. Những nguyên tắc ứng xử được xã hội quy ước, được mọi người tôn trọng, chấp nhận. Dần dà, nó trở thành chuẩn mực đạo đức xã hội. Dân gian dùng cách nói ngắn gọn, đúc kết lại thành những câu nói có vần, nhịp dễ nghe, dễ thuộc để lưu truyền.

- Tuy nhiên, tục ngữ vẫn có mặt hạn chế. Nó chỉ kêu gọi con người tự giác thực hiện, không có sự ràng buộc bởi hệ thống luật pháp (mang tính bắt buộc). Mà tính tự giác thì không phải ai trong xã hội cũng đều giống nhau. Vì vậy nhất thiết cần phải có hiến pháp và pháp luật để có một Nhà nước pháp quyền để mỗi con người sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Có như vậy mới đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, xã hội mới văn minh, tiến bộ.

Xã hội dù văn minh, tiến bộ đến đâu thì những câu tục ngữ về đạo lí làm người vẫn luôn còn nguyên giá trị.

ĐỀ SỐ 5

Trình bày nghệ thuật nghị luận mẫu mực của tác giả Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Đặc điểm nổi bật về nghệ thuật nghị luận của văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là:

- Xây dựng bố cục chặt chẽ, cân xứng giữa ba phần:

+ *Mở bài*: Nêu vấn đề nghị luận, tinh thần yêu nước là truyền thống quý báu của nhân dân ta, đã trở thành sức mạnh to lớn trong các cuộc chiến đấu chống quân xâm lược.

+ *Thân bài*: Tác giả chứng minh tinh thần yêu nước của dân tộc ta ở quá khứ và hiện tại.

+ *Kết bài*: Nêu nhiệm vụ của Đảng ta là phải phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân trong kháng chiến và xây dựng đất nước.

- Dùng dẫn chứng chọn lọc, tiêu biểu. Trình tự nêu dẫn chứng hợp lí. Cách nêu dẫn chứng theo kiểu tăng tiến với mô hình liên kết “từ... đến...”. Hình ảnh so sánh đặc sắc, sáng tạo, dễ hiểu.

Ví dụ: Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Những đặc điểm vừa phân tích trên cho thấy văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là một văn bản nghị luận mẫu mực của thể văn nghị luận.

ĐỀ SỐ 6

Hãy đọc kĩ văn bản “Cần tạo ra thói quen tốt” trong đời sống xã hội, em hãy xác định bố cục của văn bản ấy?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- *Mở bài:* Tác giả nêu luận điểm khái quát “có thói quen tốt và thói quen xấu”... nhưng đã thành thói quen thì khó sửa.

- *Thân bài:* Tác giả nêu luận cứ qua lí lẽ và dẫn chứng “Thói quen xấu thường gặp hàng ngày như ăn chuối vứt toẹt ngay vỏ ra cửa. Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường”.

- *Kết bài:* Tác giả khẳng định “cho nên mỗi người, mỗi gia đình tự xem lại mình để tạo nên nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội”.

Tóm lại, cách xây dựng bố cục như vậy là chặt chẽ, giàu tính thuyết phục. Luận điểm, luận cứ, luận chứng nêu rõ ràng, thể hiện rõ chủ đề.

ĐỀ SỐ 7

Thế nào là lập luận trong văn bản nghị luận? Thử xây dựng cách lập luận với đề bài “Chớ nên tự phụ”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Lập luận là cách lựa chọn, sắp xếp, trình bày luận cứ sao cho luận cứ trở thành những căn cứ chắc chắn để làm rõ luận điểm, hướng người đọc, người nghe đến kết luận hay quan điểm mà người viết, người nói muốn đạt tới.

Trong văn nghị luận, lập luận càng chặt chẽ, hợp lí thì sức thuyết phục văn bản càng cao.

- Có thể xây dựng cách lập luận cho đề bài “Chớ nên tự phụ” như sau:

+ Tự phụ là căn bệnh dễ mắc phải và rất khó sửa chữa, căn bệnh này thường xuất hiện ở lứa tuổi thanh thiếu niên, ở đối tượng có năng khiếu, học giỏi.

+ Người mắc bệnh tự phụ thường có thái độ coi thường, xem thường người khác; tự đề cao và cho mình là người hiểu biết. Nhưng ta không nên nhầm lẫn giữa lòng tự trọng và tự phụ. Tự trọng là thái độ giữ gìn nhân cách đúng đắn của mình, không để người khác chê bai, nhục báng mình một cách thái quá. Tự phụ là thái độ tự cho mình hơn hẳn người khác, tự tạo ra khoảng cách giữa mình và bạn bè. Nếu sống tự phụ đến một lúc nào đó, người mắc bệnh tự phụ dễ bị cô lập, mất dần bạn bè.

+ Bài học rút ra từ căn bệnh tự phụ là phải “biết mình biết ta”, sống khiêm tốn, hoà đồng, phải biết tương trợ và giúp đỡ người khác. Đó cũng là liều thuốc để chữa bệnh tự phụ.

ĐỀ SỐ 8

Luận điểm và vai trò của luận điểm trong bài văn nghị luận. Hãy xây dựng luận điểm cho đề bài “Lợi ích từ việc đọc sách”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Luận điểm và vai trò của luận điểm

- Luận điểm là phần nội dung, tư tưởng hoặc quan điểm của người viết trong bài văn nghị luận.

- Luận điểm thường được nêu khái quát bằng một câu văn ở dạng khẳng định hoặc phủ định, có cấu trúc chặt chẽ. Nội dung thường khái quát, ngắn gọn, dễ hiểu. Luận điểm là linh hồn của bài văn đóng vai trò liên kết các đoạn văn thành văn bản hoàn chỉnh.

Trong viết văn nghị luận, muốn có sức thuyết phục, người viết phải biết cách nêu luận điểm đúng đắn, chân thực, đáp ứng nhu cầu thực tế.

Xây dựng luận điểm cho đề bài “Lợi ích của việc đọc sách”.

+ *Luận điểm 1*: Sách có vai trò to lớn trong đời sống xã hội. Sách đáp ứng nhu cầu hưởng thụ cái hay, cái đẹp và nhu cầu phát triển trí tuệ, tâm hồn của con người.

+ *Luận điểm 2*: Sách là người bạn lớn của mỗi con người. Sách mở ra thế giới tri thức, khám phá những điều bí ẩn, kì thú.

+ *Luận điểm 3*: Sách giúp con người tình yêu cuộc sống, lạc quan.

→ Không có sách, con người không có tri thức.

ĐỀ SỐ 9

Em hiểu thế nào là luận cứ trong bài văn nghị luận. Hãy xác định luận cứ cho luận điểm “sách là người bạn lớn của con người”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Luận cứ là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Xét về cấp độ, luận cứ nhỏ hơn luận điểm, xét về vai trò luận cứ là những căn cứ được nêu ra để làm rõ nội dung của luận điểm. Lí lẽ và dẫn chứng phải đầy đủ, chặt chẽ, phong phú, tiêu biểu, chính xác mới có cơ sở thuyết phục.

2. Có thể xây dựng luận cứ cho luận điểm “sách là người bạn lớn của con người” như sau:

a. Sách giúp mở mang trí tuệ, giúp con người khám phá, những bí ẩn thế giới xung quanh. Sách là nguồn tri thức bất tận của nhân loại.

b. Sách cho ta những giây phút thư giãn thoải mái, thưởng thức vẻ đẹp muôn màu của thế giới quanh ta. Đọc sách giúp tâm hồn con người trong sáng, đẹp đẽ và tinh tế hơn.

c. Cần tạo ra thói quen đọc sách như công việc đánh răng, ăn cơm mỗi ngày.

d. Đọc một tác phẩm văn chương sẽ giúp ta cảm thụ được vẻ đẹp của ngôn ngữ, hình tượng tác phẩm, cảm thụ cái hay cái đẹp của văn chương. Sách đưa ta vào thế giới tâm hồn của con người để thông cảm, chia sẻ với số phận, cuộc đời bất hạnh và giúp ta hình thành nhân cách.

Mỗi chúng ta cần biết lựa chọn sách và khi đọc cần biết lựa chọn cách tiếp nhận.

ĐỀ SỐ 10

Em hãy viết một đoạn văn với yêu cầu sau:

1. Chủ đề về tình yêu quê hương đất nước.
2. Sử dụng hình thức liệt kê theo mô hình liên kết "từ...đến..."

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Các em phải viết đoạn văn tuân thủ hai yêu cầu về nội dung và hình thức đã nêu ở đề.

- **Đoạn văn tham khảo:**

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Nam, Bắc một nhà. Lịch sử Việt Nam bước sang trang mới - trang lịch sử xây dựng và phát triển đất nước. Từ đồng bào miền xuôi đến đồng bào miền ngược; từ các cụ già đến các cháu thiếu nhi đều chung tay góp sức xây dựng cuộc sống mới. Đất nước hôm nay đã thay đổi da đổi thịt. Từ cảnh gió núi trắng ngàn ở miền ngược đến cảnh ruộng đồng bát ngát ở miền xuôi, đâu cũng tràn đầy nhựa sống. Ta có thể bắt gặp bất kì nơi nào trên quê hương Việt Nam tươi đẹp sức trẻ mình vươn lên của đất nước.

II ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT

TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Câu 1: Khi nói và viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu nhằm làm cho câu gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước. Nhận định này đúng hay sai.

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 2: Những trường hợp giao tiếp nào sau đây được phép rút gọn câu?

- A. Giao tiếp với bạn bè. B. Con cái với cha mẹ.
C. Học sinh với thầy cô giáo. D. Giao tiếp với người lớn tuổi.

Câu 3: Muốn rút gọn câu phải căn cứ vào điều kiện nào sau đây?

- A. Hoàn cảnh giao tiếp.
- B. Mục đích giao tiếp.
- C. Thời gian, không gian giao tiếp.
- D. Các nhân tố giao tiếp như hoàn cảnh giao tiếp, mục đích, nội dung và quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp.

Câu 4: Vì sao trong thơ ca người ta thường sử dụng câu rút gọn?

- A. Bởi đặc trưng của thơ ca là tính hàm súc, cô đọng.
- B. Bởi vì nhà thơ thường có sở thích dùng câu rút gọn.
- C. Bởi vì yếu tố thể loại quy định số câu, chữ nên không thể viết đầy đủ như văn xuôi.
- D. Cả ý A và C đúng.

2. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1: (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới.

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét

 Gió

 Mưa

 Nồm nùng

 Đường vắng ngắt, chưa đến tám giờ mà đường đã vắng ngắt.

(Nguyễn Công Hoan)

- Đoạn văn trên sử dụng câu rút gọn thành phần gì?
- Hãy khôi phục lại thành phần đã được rút gọn.

Câu 2: Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong đoạn thơ sau.

Em tưởng nước giếng sâu

Em nói sợi gàu dài

Ai ngờ nước giếng cạn

Em tiếc hoài sợi dây.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM: (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	A	D	D

2. TỰ LUẬN: (8 điểm)

Câu 1:

- Căn cứ vào nội dung và hoàn cảnh giao tiếp, ta xác định các câu rút gọn thành phần.

Câu: Từ chiều, lại bắt đầu trở rét → rút gọn thành phần chủ ngữ.

Câu: Gió; Mưa; Nồm nùng → rút gọn cả hai thành phần chủ ngữ và vị ngữ.

Câu: Chưa đến tám giờ mà đường đã vắng ngắt → rút gọn thành phần chủ ngữ.

- Khôi phục lại các thành phần đã được rút gọn.

+ Từ chiều, trời đã bắt đầu trở rét

+ Trời đã bắt đầu trở gió

+ Trời đã bắt đầu mưa

+ Không gian chiều thật nồm nùng

+ Đường vắng ngắt. Trời chưa đến tám giờ mà đường vắng ngắt.

→ Nếu viết đầy đủ thành phần câu, nội dung trùng lặp gây sự nhàm chán, đơn điệu. Vì vậy, trong những trường hợp trên có thể sử dụng câu rút gọn. Sử dụng câu rút gọn không gây hiểu nhầm vì người viết đã đặt vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Câu 2: Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong đoạn thơ.

- Em / tưởng nước giếng trong

CN VN

- Em / nói sợi dây dài

CN VN

- Ai (Em) / ngờ nước giếng cạn

CN VN

- Em / tiếc hoài sợi dây

CN

ĐỀ SỐ 2

Câu 1: (5 điểm)

Đánh dấu (S) vào câu sai và dấu (Đ) vào câu đúng trong các trường hợp sau đây.

- Rút gọn câu và lược bỏ một số thành phần của câu để tạo thành câu rút gọn.
- Sử dụng câu rút gọn là để thông tin được nhanh hơn và tránh lặp lại những từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước.
- Khi rút gọn thành phần chủ ngữ hoặc vị ngữ thì không cần phải căn cứ vào đối tượng hoặc nội dung đứng trước hoặc sau nó.
- Bất kì trường hợp nào sử dụng câu rút gọn đều biến câu thành câu cộc lốc, khiếm nhã.

5. Sử dụng câu rút gọn đúng mục đích, nội dung và hoàn cảnh giao tiếp vẫn làm cho người khác hiểu sai hoặc hiểu nhầm phát ngôn của người nói người viết.
6. Trong giao tiếp có thể sử dụng câu rút gọn một cách thoải mái.
7. Trong viết văn, chúng ta có quyền sử dụng đa dạng các kiểu câu rút gọn.
8. Thơ ca thường sử dụng kiểu câu rút gọn nhưng nội dung ý nghĩa vẫn đảm bảo.
9. Thể loại tục ngữ sử dụng kiểu câu rút gọn vì thể loại này có đặc điểm ngắn gọn, hàm súc (ý ở ngoài lời).
10. Khi nói và viết không nên sử dụng câu rút gọn một cách tùy tiện.

Câu 2: (5 điểm)

Viết đoạn văn đối thoại sử dụng câu rút gọn (chủ đề tự chọn).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: (5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	Đ	Đ	S	S	S	S	S	Đ	Đ	Đ

Câu 2: (5 điểm)

Ví dụ: Chọn chủ đề học tập. Các em có thể đóng vai hỏi đáp, có sử dụng câu rút gọn.

Thanh: Đợt thi học kì vừa rồi bạn làm bài có tốt không?

Hoà: Tốt, còn bạn?

Thanh: Nhờ chuẩn bị bài kĩ mình làm tốt tất cả các môn.

Hoà: Thế bạn đã chuẩn bị gì cho chương trình ôn tập hè chưa Thanh?

Thanh: Đã chuẩn bị rồi. Hè này, mình sẽ đầu tư vào các môn chủ lực như Toán, Lí, Hoá, Văn, Anh văn.

Hoà: Mình cũng thế!

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: (5 điểm)

Sưu tầm năm câu tục ngữ sử dụng cách nói rút gọn.

Câu 2: (2 điểm) *Nêu nguyên tắc sử dụng câu rút gọn.*

Câu 3: (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau, nhận diện câu rút gọn. Việc sử dụng câu rút gọn như vậy có ảnh hưởng gì đến nội dung, ý nghĩa của văn bản không?

- Đê vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xông xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?

- Dạ bẩm...

- Đuổi cô nó ra!

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy đê:

- Thầy bốc quân gì thế?

- Dạ, bẩm. Con chưa bốc.

- Thì bốc đi chứ!

Thầy đê tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc, rút ra một con bài, lật ngửa, xuống răng.

- Chi chi!

Quan lớn vỗ tay xuống sập, kêu to:

- Đây rồi!... Thế chứ lại!

Rồi ngồi vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói:

- Ủ! Thông tôm, chi chi nẩy!... Điếu, mày!

(Phạm Duy Tốn)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Sưu tầm năm câu tục ngữ sử dụng cách nói rút gọn.

1. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
2. Làm khi lành để dành khi đau.
3. Chết trong còn hơn sống đục.
4. Thương người như thể thương thân.
5. Đói cho sạch, rách cho thơm.

Câu 2: Khi sử dụng câu rút gọn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Không làm cho người đọc hoặc người nghe hiểu sai, hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói so với câu khi chưa rút gọn.
- Không biến câu văn thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.
- Có thể rút gọn bất kì thành phần nào của câu, nhưng khi dựa vào hoàn cảnh cụ thể, người đọc, người nghe vẫn khôi phục lại thành phần bị rút gọn một cách đầy đủ và chính xác.

Câu 3

Các câu văn sử dụng hình thức rút gọn

- Có biết không?

- Không còn phép tắc gì nữa à?
- Đuổi cổ nó ra!
- Thì bốt đi chứ !
- Chi chi.
- Đây rồi!... Thế chứ lại !
- Điều, mày!

* Việc sử dụng nhiều câu rút gọn trong đối thoại như vậy vẫn không làm thay đổi nội dung, ý nghĩa của toàn đoạn vì nó đảm bảo đầy đủ các nguyên tắc của câu rút gọn.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1: (5 điểm)

Phân biệt sự khác nhau giữa câu đặc biệt và câu rút gọn. Cho ví dụ minh họa.

Câu 2: (5 điểm)

Viết đoạn văn ngắn tả cảnh quê hương trong đó có sử dụng câu đặc biệt.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: Căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu, nguyên tắc sử dụng câu đơn đặc biệt và câu rút gọn, các em có thể phân biệt sự khác nhau giữa hai loại câu này như sau:

Câu rút gọn	Câu đặc biệt
<ul style="list-style-type: none"> - Loại câu có thể lược bỏ một số thành phần của câu. - Làm cho câu gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh Lặp những từ ngữ xuất hiện ở câu đứng trước. - Ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ chủ ngữ). - Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Loại câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ. - Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc nói đến trong đoạn. - Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, hiện tượng. - Sử dụng trong bộc lộ cảm xúc, gọi đáp.

Ví dụ:

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.

(Trần Hoài Dương)

* Câu đặc biệt: Lá ơi!

- * Câu rút gọn: [...] Hãy kể lại chuyện đời của bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.

Câu 2:

- Yêu cầu hình thức:

- + Biết viết đoạn văn theo cấu trúc hợp lí (diễn dịch, quy nạp...).
- + Sử dụng các phép liên kết câu để đoạn văn mạch lạc.
- + Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi dùng từ, viết câu.
- + Sử dụng hình thức câu đặc biệt.
- + Sử dụng phương thức biểu đạt miêu tả kết hợp với tự sự.

- Yêu cầu nội dung:

- + Viết về chủ đề: cảnh đẹp quê hương, đất nước.
- + Xây dựng luận điểm, luận cứ chặt chẽ, hướng về chủ đề.

*** Đoạn văn tham khảo.**

- *Đoạn văn 1:*

Quê hương em ở miền chiêm trũng. Hàng năm cứ đến mùa hè là lụt lội. Thật là ngao ngán. Nhìn ra cánh đồng chỉ thấy một màu nước trắng xoá. Sang mùa thu thì lại nắng như đổ lửa. Nắng râm lá bưởi. Đồng ruộng hai bên khô cạn thiếu nước cày cấy. Mùa đông thì rét mướt. “Rét căm căm”. (Vũ Tiến Quỳnh)

- *Đoạn văn 2:*

Làng tôi nằm bên một dòng sông. Quanh năm sông vẫn giữ nguyên một màu xanh trong lành. Những dây tre già có, trẻ có nối đuôi nhau chạy tấp dọc ven sông. Tre xoã tóc cho bóng râm để nắng cũng như mưa, hạ như đông, nước sông luôn mát lạnh. Tôi yêu dòng sông quê tôi những buổi trưa hè, được đắm mình ngâm dưới dòng nước hàng giờ thì không gì bằng. Thật thú vị. Mai khôn lớn tôi có thể xa dòng sông quê tôi nhưng kỉ niệm, tình cảm của tôi dành cho sông vẫn luôn không thay đổi. Tôi cứ tưởng tượng rằng sông sẽ hỏi: có còn nhớ sông không?

ĐỀ SỐ 5

(Đề dành cho học sinh khá, giỏi)

Trong văn bản “Sự giàu đẹp của tiếng Việt”, tác giả Đặng Thai Mai có nhận định: Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ “tiếng hay”. Em hãy giải thích và chứng minh.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp bởi vì:

- Về đẹp của tiếng Việt trước hết là ở hệ thống ngữ âm có nguyên âm, phụ âm phong phú, giàu thanh điệu (6 thanh điệu). Tiếng Việt có vốn từ vựng dồi dào, có giá trị thơ, nhạc, họa có phẩm chất đẹp của một ngôn ngữ là khả năng gợi cảm xúc, chủ yếu được tạo nên bởi hệ thống ngữ âm, sự hài hoà về thanh điệu, nhịp điệu.

- Cú pháp tiếng Việt uyển chuyển, cân đối, nhịp nhàng.

2. Tiếng Việt là một thứ tiếng hay bởi vì:

- Tiếng Việt có khả năng dồi dào về cấu tạo từ ngữ và hình thức diễn đạt.

- Tiếng Việt có đầy đủ khả năng diễn đạt tình cảm, tư tưởng của con người, thoả mãn các yêu cầu phát triển của đời sống văn hoá, xã hội.

3. Tiếng Việt hay và đẹp là bởi trong lịch sử hình thành và phát triển, tiếng Việt đã tiếp thu có lựa chọn những ngôn ngữ của các quốc gia khác như tiếng Hán, tiếng Pháp, Nhật, Anh.... làm phong phú thêm vốn ngôn ngữ của mình.

4. Nói về sự giàu đẹp của tiếng Việt, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” có viết:

“Hai nguồn của cái giàu và cái đẹp của tiếng Việt là ở chỗ nó là tiếng nói của quần chúng nhân dân, đầy tình cảm, hình ảnh, màu sắc và âm điệu, hồn nhiên, ngộ nghĩnh và đầy ý nghĩa, đồng thời nó là ngôn ngữ của văn học, văn nghệ mà những nhà văn nhà thơ lớn của dân tộc ta như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... những nhà văn nhà thơ hiện nay ở miền Bắc và ở miền Nam, đã nâng lên đến trình độ cao về nghệ thuật, khiến cho nó trở nên trong sáng đẹp đẽ lạ thường. Chính cái giàu đẹp đó đã làm nên cái chất, giá trị, bản sắc, tinh hoa của tiếng Việt, kết quả của cả một quá trình và biết bao công sức dồi mài...”

ĐỀ SỐ 6

(Đề dành cho học sinh khá, giỏi)

Theo em, để góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, khi sử dụng tiếng Việt (nói và viết) phải tuân thủ những yêu cầu như thế nào? Cho ví dụ?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Khi nói và viết (tiếng Việt) phải đảm bảo yêu cầu về tính chính xác. Chính xác, đó là tính chất quan trọng hàng đầu của văn bản.

Tính chính xác của văn bản được thể hiện ở chỗ văn bản phải được tổ chức theo đúng các quy tắc của một ngôn ngữ để có thể diễn đạt đúng.

- Tính chính xác trong việc sử dụng tiếng Việt bao gồm những yêu cầu cụ thể sau:

1. Yêu cầu về ngữ âm (nói) và chữ viết (khi viết).

Tiếng Việt cho phép cách phát âm địa phương, nhưng khi viết, phải phát âm chuẩn theo đúng quy định ngữ âm tiếng Việt.

Vi dụ:

+ Một số vùng ở Hà Nội thường phát âm lẫn lộn âm n và l. “là” phát âm “nà”.

+ Một số vùng miền Trung: phát âm lẫn lộn ô và a. Số “tám” phát âm là số “tóm”.

+ Một số vùng Nam Bộ, có cách phát âm lẫn lộn là: tr và ch. Con “trâu” phát âm là con “châu”.

- Khi viết là phải viết đúng chính tả tiếng Việt. Đây là yếu tố nghiêm ngặt đối với mọi người. Việc viết sai lỗi chính tả thường dẫn đến hậu quả như hiểu lầm, văn bản mất tính chính xác.

Vi dụ:

1/ - Nghỉ một lát rồi mới nói.

- Nghĩ một lát rồi mới nói.

2/ - Trâu châu.

- Chân châu.

3/ - Bàn bạc.

- Bàn bạc.

4/ - Đường tắt.

- Đường tắt.

2. Yêu cầu về sử dụng từ ngữ.

Lưu ý: khi dùng phải đúng với nghĩa mà nó biểu thị, tức là đúng với mục đích, nội dung, ý nghĩa của từ.

Ví dụ:

- Có thể nói: Tuyến phòng thủ ấy rất kiên cố

- Nhưng không thể nói: Con người ấy rất kiên cố (con người ấy kiên cường)

3. Yêu cầu về mặt ngữ pháp.

Viết câu phải tuân thủ ngữ pháp như: câu đơn, câu phép, câu phức. Nói và viết không đúng với quy tắc ngữ pháp tiếng Việt chẳng những làm cho văn bản thiếu tính chính xác mà trong nhiều trường hợp còn làm văn mất đi màu sắc dân tộc.

Ví dụ:

a/ - Sau khi tôi thi đỗ, cha tôi cho tôi một chiếc đồng hồ

b/ - Sau khi thi đỗ, tôi được cha tôi cho một chiếc đồng hồ.

c/ - Sau khi thi đỗ, cha tôi cho tôi một chiếc đồng hồ.

Nhận xét: Căn cứ vào cấu trúc và nội dung các câu ta thấy.

Câu (a) và câu (b) đúng với ngữ pháp tiếng Việt, diễn đạt rõ ý “ai thi đỗ”

Câu (c) còn mơ hồ, thiếu chính xác, vì không diễn đạt rõ “ai thi đỗ” hoặc có thể hiểu là “cha tôi thi đỗ”.

* Khi nói và viết, nếu mỗi người chúng ta đều có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, yêu cầu của việc sử dụng tiếng Việt là đã góp phần giữ gìn sự trong sáng và làm giàu cho tiếng Việt.

ĐỀ SỐ 7

(Dành cho học sinh khá, giỏi)

Phân tích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt trong bài ca dao sau:

Ví dụ câu ván đóng đình

Câu tre lắc lẻo gập ghình khó đi

Ví dụ mẹ chẳng có chi

Chỉ con với mẹ chẳng khi nào rời.

(Ca dao Nam Bộ)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trả lời câu hỏi này, các em tích hợp với phần kiến thức tiếng Việt (từ - láy) để giải mã vẻ đẹp ngôn ngữ của bài ca dao.

- Âm hưởng lời ru mượt mà, truyền cảm là nhờ sự phối kết hợp giữa vần, thanh điệu.

+ Vần “inh” và thanh bằng trong cách láy “đóng đình”, “gập ghình” tạo âm bình.

+ Âm “i” trong “khó đi”, “có chi”, “chẳng khi” → âm ngắn, lắng sâu.

+ Hình thức điệp “ví dầu”, “chẳng có”, “chẳng khi” diễn tả cảm xúc yêu thương, nâng niu trong lời người ru.

- Sự kết hợp ngôn ngữ: Cầu ván, cầu tre, con, mẹ, biểu đạt tình yêu quê hương gắn liền với tình yêu con của mẹ.

Giai điệu lời ru thấm đẫm chất trữ tình.

ĐỀ SỐ 8

(Đề dành cho học sinh khá giỏi)

Phân tích vẻ đẹp ngôn ngữ tiếng Việt trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà” (Nguyễn Khuyến)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

- Đây là câu hỏi yêu cầu tích hợp kiến thức văn và tiếng Việt.

- Bài thơ được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú nhưng được tác giả sử dụng ngôn ngữ nôm na, bình dị (thuần Việt). Cả bài thơ không sử dụng từ Hán Việt, nhất là trong thời kì chữ Hán đang thịnh vượng, thống lĩnh. Điều này cho thấy ý thức tự tôn, tự chủ dân tộc rất lớn trong tác giả.

- Vẻ đẹp ngôn ngữ của bài thơ được thể hiện ở các phương diện:

+ Ở cách sử dụng ngôn ngữ xưng hô: bác, ta, ý chỉ thân thiện, gần gũi - cũng là tấm lòng chân tình tri kỉ.

+ Cách liệt kê hình ảnh chợ, ao, vườn, rào, chài, cá, gà, cải, bầu, mướp, cà.... gợi tình cảm chân quê, đậm thắm. Qua cách dùng hình

ảnh ấy, bức tranh điền viên quê hương Việt Nam được tái hiện chân thực. Ta hiểu được tâm hồn bình dị, trong sáng, chân thành của hai người bạn, hai con người Việt Nam.

- Nhịp điệu 4/3 chậm rãi của thể thơ thất ngôn góp phần tạo cho âm điệu bài thơ sâu lắng, dễ đi vào lòng người.

- Sức lôi cuốn, hấp dẫn của bài thơ chính là ở cách diễn đạt chân thành lời thơ như lời nói, lời tỏ bày, kể lể thật thà của một tấm lòng "có sao nói vậy".

ĐỀ SỐ 9

Câu 1: (2 điểm)

Trạng ngữ và vai trò của trạng ngữ trong câu? Em hãy cho biết những dấu hiệu để nhận biết trạng ngữ.

Câu 2: (3 điểm)

Nối cột A với cột B để có đáp án đúng

A

1. Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn.
2. - Với chiếc xe đạp cũ, ngày nào Hoàng cũng đạp hơn 15 km đến trường.
3. Vì sương nên núi bạc đầu.
Biển bay bởi gió, hoa sầu vì mưa.
(Ca dao)
4. Mùa xuân năm nay, tôi tròn 10 tuổi.
5. Ở miền Nam nước ta, một năm có hai mùa: mùa khô và mùa mưa.

B

1. Trạng ngữ chỉ nơi chốn
(Tố Hữu)
2. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân
3. Trạng ngữ chỉ thời gian
4. Trạng ngữ chỉ phương tiện.
5. Trạng ngữ chỉ tình thái

Câu 3. (5 điểm)

Xác định và phân loại trạng ngữ trong đoạn văn sau:

a/ Con gió mùa hè lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thứ quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua cánh đồng xanh, mà

hạt thóc nếp đầu tiên làm trấu thân lúa còn tươi, người thấy các mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái cỏ xanh khi có một giọt sữa trắng thơm phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của trời.

(Thạch Lam)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1: - Các em lần lượt trả lời hai vế của câu hỏi

1. Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho thành phần chính về nơi chốn, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện, điều kiện...

2. Các dấu hiệu nhận diện trạng ngữ.

- Ví trí: trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu.

- Dấu hiệu khác: giữa trạng ngữ và thành phần chính của câu thường được tách biệt bằng dấu phẩy khi viết, bằng quãng ngắt hơi khi nói.

Câu 2. Các em nối cột A và B với nhau:

A₍₁₎ nối với B₍₅₎

A₍₂₎ nối với B₍₄₎

A₍₃₎ nối với B₍₂₎

A₍₄₎ nối với B₍₃₎

A₍₅₎ nối với B₍₁₎

Câu 3. Nhận diện và phân loại trạng ngữ trong đoạn văn đã cho

1. Trạng ngữ chỉ thời gian

Như báo trước mùa về của một thứ quà thanh nhã và tinh khiết.

2. Trạng ngữ chỉ nơi chốn:

- Khi đi qua những cánh đồng xanh

- Trong cái vỏ xanh kia

- Dưới ánh nắng

3. Trạng ngữ chỉ cách thức, phương tiện

Với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây.

ĐỀ SỐ 10

Câu 1. (5 điểm)

Theo em, trong những trường hợp nào, ta có thể tách trạng ngữ thành câu riêng? Cho ví dụ.

Câu 2. (5 điểm)

Hãy viết đoạn văn miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên hay di tích lịch sử ở quê em. Đoạn văn có sử dụng trạng ngữ.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Trong những trường hợp sau đây, chúng ta có thể tách trạng ngữ thành câu riêng:

- Để nhấn mạnh ý, chuyển ý.
- Thể hiện những tình huống cảm xúc nhất định.
- Thường tách trạng ngữ thành câu riêng khi nó đứng ở cuối câu.

Ví dụ: Miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Năm 1975.

Câu 2. Viết đoạn văn theo đúng yêu cầu:

- Nội dung: nói về thắng cảnh đẹp hoặc di tích lịch sử mà các em có dịp đến thăm hoặc nghe kể lại.

- Hình thức:

+ Sử dụng phương thức miêu tả kết hợp với tự sự, biểu cảm để viết đoạn văn.

+ Sử dụng trạng ngữ hợp lí, phát huy hiệu quả.

Đoạn văn tham khảo.

“Quê tôi là một làng chài ven biển. Từ nhỏ, tôi đã có cái may mắn hơn những đứa trẻ ở thành phố. Đó là, ngày nào tôi cũng được ngắm bình minh buổi sớm. Đẹp lắm. Đôi khi tôi cứ đứng lặng hàng giờ trước sự chuyển động vô tư của vũ trụ. Đêm đen tan mau thay chỗ cho màu trắng hồng của phương đông. Và một màu đỏ rực như hòn lửa đã xuất hiện, thời gian khởi đầu của ngày mới. Nhưng ở làng ven biển quê tôi, khi ông mặt trời ngủ dậy cũng là lúc những thuyền đầy ắp cá về bấp. Bình minh buổi sớm là một phần cuộc sống gia đình tôi.

PHẦN VĂN

ĐỀ SỐ 1

Câu 1. (5 điểm) Đánh dấu Đ vào ô đúng và đánh dấu S vào ô sai.

1. Tục ngữ là những câu nói có vần, nhất là vần lưng.
2. Tục ngữ là túi khôn của nhân dân nhưng chỉ có tính chất tương đối chính xác vì một số kinh nghiệm được tổng kết chủ yếu dựa vào quan sát.
3. Câu tục ngữ “Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa” có nội dung nói về đối nhân xử thế.
4. Tục ngữ nói về con người và xã hội thường có nội dung tôn vinh giá trị con người cần phải có.
5. Tục ngữ thường sử dụng kiểu câu rút gọn.
6. Câu tục ngữ “Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông” có nội dung phản ánh kinh nghiệm đánh bắt của ngư dân.
7. Câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” được sử dụng vào lĩnh vực thủ công mỹ nghệ.
8. Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” viết theo kiểu văn bản tự sự.
9. Văn bản nghị luận, quan trọng nhất vẫn là cách thức lập luận mà không cần luận điểm, luận cứ.
10. Những tư tưởng quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống thì mới có ý nghĩa.

Câu 2. (5 điểm)

Đọc câu tục ngữ: “*Một cây làm chẳng nên non*

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Em hãy viết bài văn nghị luận nói về sức mạnh của tinh thần đoàn kết.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Các em đọc kĩ nội dung và chọn đáp án đúng bằng cách đánh dấu Đ vào câu đúng và đánh dấu S vào câu sai.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	S	S	Đ

Câu 2. Căn cứ vào nội dung câu tục ngữ, các em viết bài văn nghị luận nói về tinh thần, sức mạnh của đoàn kết

Gợi ý.

- *Mở bài:*

+ Giới thiệu khái quát về vai trò sức mạnh của tinh thần đoàn kết.

+ *Vi dụ:* Sinh thời Bác Hồ đã có lời dạy thiêng liêng đối với dân tộc ta về tinh thần đoàn kết:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Bác Hồ kế thừa truyền thống của cha ông ta để khẳng định tinh thần đoàn kết là sức mạnh vô địch.

- *Thân bài:* Các em xây dựng luận điểm, luận cứ, luận chứng.

+ Nói đoàn kết là sức mạnh. Vậy muốn có sức mạnh phải biết đoàn kết.

• Anh em đoàn kết, gia đình hòa thuận, khó khăn gian khổ sẽ vượt qua.

• Bạn bè biết đoàn kết, việc gì khó cũng làm được.

• Một dân tộc đoàn kết sẽ đánh đuổi được những kẻ xâm lược, bảo vệ và xây dựng đất nước.

- Đoàn kết sẽ tạo nên thành công, chia rẽ sẽ thất bại.

• Một cây chưa thành rừng nhưng nhiều cây sẽ thành rừng rậm, núi cao.

• Câu chuyện *Bó đũa* là bài học về tinh thần đoàn kết.

- Hiểu được vai trò của đoàn kết để xây dựng tinh thần tập thể trong lối sống và làm việc.

- Tránh lối sống cá nhân.

- *Kết bài:* Dù bạn là ai, sống trong một tổ chức nào thì phải luôn có tinh thần tập thể, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi một cá nhân đoàn kết thì tập thể ấy sẽ vững mạnh.

ĐỀ SỐ 2

(Dành cho học sinh khá, giỏi)

Câu 1. (5 điểm)

Hãy phát biểu suy nghĩ của em về sức sống bền bỉ của những câu tục ngữ nói về con người và xã hội.

Câu 2. *Phân tích đặc sắc về nghệ thuật nghị luận trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” (Chủ tịch Hồ Chí Minh).*

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Đây là câu hỏi mang tính khái quát, nêu ý nghĩa. Các em phải đọc lại các câu tục ngữ nói về con người và xã hội. Sau đó tìm ra những ý nghĩa đúng với đạo lí, lối sống của dân tộc ta.

Sau đây là những gợi ý.

- Những câu tục ngữ về con người và xã hội ra đời cách đây hàng ngàn năm nhưng giờ đây vẫn còn nguyên giá trị.

Bởi vì:

- Đó là sự đúc kết kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của nhân dân.

- Tục ngữ là những lời giáo huấn về cách sống, cách làm người

- Mong muốn con người hoàn thiện mình.

- Đề cao, tôn vinh giá trị của con người.

- Ngày nay, tục ngữ vẫn mãi là bài học bổ ích để con người tự hoàn thiện mình về nhân cách và trí tuệ.

Câu 2. Các em lần lượt phân tích những đặc sắc về nghệ thuật nghị luận trong văn bản nêu trên.

a. Tác giả nêu luận điểm khái quát, chính xác "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta". Qua cách nêu luận điểm, tác giả bày tỏ trực tiếp lòng yêu nước và tự hào dân tộc.

b. Nghệ thuật nêu dẫn chứng

- Dẫn chứng được liệt kê theo trình tự thời gian lịch sử giúp người đọc dễ theo dõi. Tác giả dùng chúng để chứng minh một cách thuyết phục cho lòng yêu nước trong lịch sử dân tộc.

- Sử dụng cách liệt kê dẫn chứng, đặc biệt dùng mô hình liên kết: từ... đến vừa tạo nên tính chặt chẽ vừa có tính thuyết phục.

Bằng cách sử dụng dẫn chứng như vậy, tác giả thể hiện lòng cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của nhân dân ta.

- Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng, dẫn chứng phong phú, lí lẽ diễn đạt dưới dạng hình ảnh so sánh nên sinh động và dễ hiểu.

- Bố cục văn bản chặt chẽ, lập luận mạch lạc, sáng sủa.

* Đoạn văn tham khảo.

Nhận xét về văn phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh viết: "Cách nói, cách viết của Hồ Chủ tịch có những nét độc đáo: nội dung khẳng khái, thấm thía, đi sâu vào tình cảm con

người, chinh phục trái tim và khối óc của người ta; hình ảnh sinh động, giản dị, dễ hiểu, giàu tính dân tộc và tính nhân dân. Người rất ghét lí luận suông, rất ghét dẫn sách vở của nhà kinh điển Mác – Lênin một cách khô khan hoặc có ý khoe khoang với người nghe, người đọc. Người rất ghét văn chương sáo rỗng, nhạt nhẽo, rất ghét nói và viết dài dòng, khó hiểu,... và kiên quyết phản đối dùng tiếng nước ngoài không cần thiết⁽¹⁾. Nếu theo cách nói “Văn tức là người”, thì ở Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự ứng hợp như thế”.

(Nguyễn Như Ý, *Thử nghiên cứu phong cách ngôn ngữ Chủ tịch Hồ Chí Minh trên quan điểm lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ trong sách Hồ Chí Minh - tác giả, tác phẩm, nghệ thuật ngôn từ*, Sdd)

ĐỀ SỐ 3

Câu 1. (5 điểm)

Sau khi học xong văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” (Chủ tịch Hồ Chí Minh), em sẽ làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân ta?

Câu 2. (5 điểm)

Hãy lập dàn ý cho đề văn: Sách là người bạn lớn của con người.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Đối với câu hỏi này, đòi hỏi các em hiểu nội dung, ý nghĩa của văn bản, từ đó liên hệ với bản thân để có suy nghĩ và hành động đúng. Mỗi chúng ta, dù ở địa vị, tuổi tác nào cũng phải làm những việc thiết thực nhất để góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.

- Bác Hồ có dạy thiếu niên và nhi đồng là tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình.

- Các em sẽ tham gia những buổi ngoại khóa nói về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta.

- Tham gia tích cực vào việc lao động, thăm viếng các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống vì độc lập dân tộc; thăm các bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Tìm hiểu để thông tường lịch sử của dân ta. “Dân ta phải biết sử ta”

- Tham gia các bài viết tìm hiểu về anh bộ đội Cụ Hồ nhân ngày 22 tháng 12 hàng năm.

- Ra sức học hành, tu dưỡng, rèn đức, luyện tài để trở thành công dân có ích cho xã hội, xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước, nối tiếp truyền thống yêu nước của dân tộc.

Thiết nghĩ là những việc làm thiết thực, cụ thể sẽ góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 2. Mỗi em có thể xây dựng cho mình một dàn ý căn cứ vào yêu cầu của đề.

Dàn ý tham khảo

1. **Mở bài:** Giới thiệu sách là kho báu về tri thức của nhân loại. Sách không chỉ giúp con người hiểu biết, khám phá thế giới xung quanh mà còn rèn luyện tâm hồn, lối sống đẹp.

2. **Thân bài:** Xây dựng luận điểm, luận chứng

- Sách khám phá hiện thực cuộc sống

+ Vẻ đẹp thiên nhiên bí ẩn, kì thú.

+ Hiểu biết lịch sử xã hội, hình thành nhân cách con người.

- Sách cung cấp tri thức khoa học tự nhiên, xã hội, các lĩnh vực kinh tế, chính trị, đất nước, con người.

- Mỗi người phải biết quý trọng, giữ gìn sách.

3. **Kết bài:** Ích lợi của việc đọc sách.

ĐỀ SỐ 4

Câu 1. (2 điểm) Trình bày những phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận?

Câu 2. (2 điểm)

Sau khi học xong văn bản “Sự giàu đẹp của tiếng Việt”, em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

Câu 3.

Em hãy phân tích những đức tính giản dị của Bác Hồ trong văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” (Phạm Văn Đồng).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1

Bài văn nghị luận thường sử dụng các phương pháp lập luận sau đây:

- Lập luận theo quan hệ nhân quả.

- Lập luận theo quan hệ tổng - phân - hợp.

- Lập luận tương đồng.

Suy luận tương đồng theo dòng thời gian.

Như vậy, để xác lập luận điểm trong từng phần và mối quan hệ giữa các phần, chúng ta có thể sử dụng các phương pháp lập luận khác nhau để tạo nên sự đa dạng, hấp dẫn, thuyết phục.

Câu 2

Để góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người phải luôn có ý thức rèn luyện tiếng Việt trong học tập và giao tiếp.

Ví dụ: Phải coi trọng việc dùng từ đặt câu, diễn đạt.

+ Dùng từ chính xác phù hợp với hoàn cảnh đối tượng giao tiếp.

+ Viết đúng chính tả để không gây hiểu nhầm, hiểu sai.

+ Đặt câu đúng cấu trúc ngữ pháp, tránh viết câu què, câu cụt.

+ Coi trọng các quy tắc ngữ âm, từ vựng tiếng Việt.

- Trong giao tiếp ngoài xã hội

+ Phát âm chuẩn.

+ Khi nói phải “lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

+ Dùng từ trong sáng dễ hiểu.

+ Không lạm dụng tiếng nước ngoài trong tiếng Việt.

+ Thường xuyên đọc sách báo để trau dồi vốn ngôn ngữ và kỹ năng diễn đạt.

⇒ Trên đây là những yêu cầu cần làm để góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Câu 3

- Đức tính giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch có tính nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị và đời sống bình thường của Bác.

- Giản dị trong lối sống, trong tác phong sinh hoạt, sự giản dị của Bác thể hiện qua bữa cơm, nơi ở chỉ là cái nhà sàn đơn sơ. “Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn không để rơi vãi một hạt cơm, cái bát bao giờ cũng sạch, thức ăn còn lại bao giờ cũng được sắp xếp tươm tất”.

“Cái nhà sàn chỉ vền vện vài ba phòng, luôn lộng gió và ánh sáng, phẳng phất hương thơm hoa vườn”

- Giản dị trong quan hệ với mọi người thể hiện qua các chi tiết.

+ Viết thư cho một đồng chí.

+ Nói chuyện với các cháu miền Nam.

+ Đi thăm nhà tập thể của công nhân từ nơi làm việc đến phòng ngủ nhà ăn.

+ Việc gì tự làm được thì không cần người khác giúp.

+ Đặt tên cho người phục vụ: Trường, Kì, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

Những chi tiết ấy cho thấy trong quan hệ với mọi người, Bác luôn có thái độ tôn trọng và yêu quý tất cả.

- Bác giản dị trong cách nói và cách viết.

+ Không có gì quý hơn độc lập, tự do.

+ Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi.

⇒ Đó là những câu nói nổi tiếng về nội dung, ý nghĩa và ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc. Sở dĩ văn phong Bác giản dị là vì Bác xác định đối tượng của mình là quần chúng nhân dân nên Bác nói rất dễ hiểu để dân dễ nhớ được, làm được.

⇒ Đức tính giản dị và sâu sắc trong lối sống, lối nói và viết là một vẻ đẹp cao quý trong con người Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác sống giản dị vì cuộc đời Bác luôn gắn liền với cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân. Bác sống giản dị vì Người được tôi luyện trong đấu tranh gian khổ của nhân dân. Những lời bình luận của tác giả thể hiện thái độ tôn kính, ngưỡng vọng đối với lãnh tụ.

ĐỀ SỐ 5

Câu 1. (2 điểm)

Thế nào là phép lập luận chứng minh trong văn nghị luận.

Câu 2. (8 điểm) *Phân tích phương pháp lập luận chứng minh trong đoạn văn sau:*

“Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại, làm gì cũng sợ sai lầm, là một người sợ hãi thực tế, trốn tránh thực tế, và suốt đời không bao giờ có thể tự lập được. Bạn sợ nước thì bạn không biết bơi; bạn sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ! Một người không chịu mất gì thì sẽ không được gì. Sai lầm cũng có hai mặt. Tuy nó đem lại tổn thất, nhưng nó cũng đem đến bài học cho đời”.

(Hồng Diễm)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Câu hỏi này yêu cầu các em tái hiện lại kiến thức.

- Chứng minh là một phép lập luận dùng những lí lẽ, bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần chứng minh) là đáng tin cậy.

- Các lí lẽ, bằng chứng dùng trong phép lập luận chứng minh phải được lựa chọn thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

- Xây dựng luận điểm trong văn chứng minh phải đúng đắn, người đọc người nghe mới tin vào tính xác thực.

- Luận cứ chứng minh phải chân thực, chính xác.

Câu 2. Phân tích phương pháp lập luận chứng minh trong văn bản đã cho.

a. Phương pháp xây dựng luận điểm:

Đoạn văn nêu lên luận điểm: không sợ sai lầm. Câu chứa luận điểm là câu 1.

“Một người mà lúc nào cũng sợ thất bại, làm gì cũng sợ sai lầm, là một người sợ hải thực tế, trốn tránh thực tế, và suốt đời không bao giờ có thể tự lập được”

b. Để chứng minh cho luận điểm của mình, người viết đưa ra các luận cứ.

- Sợ sặc nước thì bạn không biết bơi.

- Sợ nói sai thì bạn không nói được ngoại ngữ

- Không chịu mất gì thì sẽ không được gì.

=> Cách lập luận chứng minh như vậy là cụ thể, chân thực và sinh động vì thế thuyết phục người đọc, người nghe.

ĐỀ SỐ 6

Câu 1. (5 điểm)

Để chứng minh cho luận điểm “Tiếng Việt trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp”, tác giả Đặng Thai Mai đã xây dựng luận cứ như thế nào? Em hãy phân tích nghệ thuật xây dựng luận cứ của tác giả?

Câu 2. (5 điểm)

Tục ngữ có câu:

“Có công mài sắt có ngày nên kim”

Em hãy viết bài văn chứng minh cho lời khuyên trên.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Câu hỏi này, các em phải dựa vào văn bản “Sự giàu đẹp của tiếng Việt” để phân tích hiệu quả nghệ thuật trong xây dựng luận cứ của tác giả.

- Để chứng minh cho luận điểm “Tiếng Việt trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp”, tác giả xây dựng luận cứ sau:

+ *Luận cứ 1:* Tiếng Việt đẹp về ngữ âm.

• Tiếng Việt có hệ thống nguyên âm, phụ âm khá phong phú. Có sự hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu và nhịp điệu.

• Tiếng Việt giàu thanh điệu (6 thanh điệu: thanh huyền, thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng và thanh ngang).

• Tiếng Việt là thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm.

+ *Luận cứ 2:* Tiếng Việt hay trong việc trao đổi tình cảm, ý nghĩa giữa người với người.

• Tiếng Việt có vốn từ vựng phong phú đa dạng; bản thân tiếng Việt có khả năng sáng tạo từ ngữ mới phù hợp với sự phát triển của xã hội. *Vi dụ:* những từ ngữ hiện đại như tin học, vi tính, in-tơ-net...

• Tiếng Việt có khả năng trau dồi về hình thức diễn đạt. Cú pháp tiếng Việt có yêu cầu tự nhiên về sự hài hòa, cân xứng.

• Tiếng Việt có khả năng Việt hóa những từ ngữ và cách nói của dân tộc anh em để thỏa mãn nhu cầu thể hiện tình cảm, tâm hồn người Việt.

⇒ Tác giả đã đưa ra những chứng cứ đầy đủ, toàn diện; sắp xếp chứng cứ theo trình tự khoa học, hợp lí:

Câu 2. Đây là đề quen thuộc, tích hợp đọc văn, làm văn.

*** Hướng dẫn làm bài:**

- **Mở bài:**

+ Muốn biến ước mơ thành hiện thực, mỗi con người phải biết kiên trì, nhẫn nại, có ý chí, nghị lực vượt lên nhưng khó khăn gian khổ.

+ Vậy, kiên trì, nhẫn nại là đức tính quan trọng dẫn đến thành công.

⇒ Câu tục ngữ “Có công mài sắt có ngày nên kim” là lời khuyên hữu ích đúng với mỗi con người và mọi thời đại.

- Thân bài:

+ Giải thích nghĩa đen: chú ý các từ, cụm từ.

“Công” là công sức lao động; mồ hôi, nước mắt.

“Sắt” là vật rắn, cứng. “Kim” là vật dụng dùng trong sinh hoạt.

- Nghĩa bóng: Làm bất cứ việc gì dù là nhỏ nhất cũng phải kiên trì và nhẫn nại, vượt qua thử thách mới có ngày thành công.

⇒ Câu tục ngữ đề cao vai trò của đức tính kiên trì, nhẫn nại trong lao động.

* Chứng minh trong cuộc sống học tập, sinh hoạt có thể là đã qua hoặc đang diễn ra.

• Truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông ta từ xưa đến nay

• Những tấm gương vượt khó học giỏi.

• Những con người chiến đấu với hoàn cảnh, số phận bất hạnh.

- Kết bài:

• Khẳng định lại đức tính kiên trì và nhẫn nại là mẹ của thành công.

• Rút ra bài học cho bản thân, vận dụng trong học tập, lao động.

ĐỀ SỐ 7

Câu 1. (8 điểm)

Sưu tầm các câu tục ngữ có ý nghĩa tương đồng về các chủ đề sau:
(mỗi chủ đề tối thiểu là hai câu)

- Đạo lí.

- Nội dung và hình thức

Câu 2. (8 điểm)

Em hiểu như thế nào về câu nói của Hoài Thanh

“Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có,
luyện những tình cảm ta sẵn có” (Ý nghĩa văn chương).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- Chủ đề đạo lí

+ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

+ Uống nước nhớ nguồn.

- Chủ đề nói về nội dung - hình thức

+ Người đẹp vì lụa lúa tốt vì phân.

+ Cái nét đánh chết cái đẹp.

+ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Câu 2. Đây là câu hỏi khó, các em căn cứ vào văn bản “Ý nghĩa của văn chương” (Hoài Thanh) và qua hoạt động thực tiễn trong phân tích và cảm thụ văn chương, nêu lên suy nghĩ của mình về lời nhận định.

- *Vế 1.* Văn chương gây cho ta tình cảm ta không có.

Đã là con người, dù sống trong hoàn cảnh điều kiện nào, già hay trẻ; địa vị cao hay thấp thì bao giờ cũng có tổ ấm, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp. Ai cũng muốn mình có cuộc sống may mắn, hạnh phúc. Và đôi khi, chúng ta không hình dung ra được những mảng sống khác biệt với nếp sống thường nhật của mình. Và chính văn chương giúp ta hình dung cuộc sống muôn hình vạn trạng. Mỗi con người là một thế giới bí ẩn. Xã hội là những mối quan hệ đa dạng, phong phú. Văn chương có nhiệm vụ phản ánh cuộc sống đó.

Văn chương giúp con người sống biết yêu thương, vị tha, cao thượng

→ Văn chương hướng con người đến chân lí của chân - thiện - mỹ.

- *Vế 2:* Văn chương luyện những tình cảm sẵn có.

Đọc văn, học văn giúp con người thêm yêu cuộc sống; lạc quan yêu đời, có tâm hồn trong sáng, đồng điệu; nhạy cảm với những gì xung quanh, biết yêu - ghét, biết phân biệt phải trái, tốt - xấu.

Văn chương giúp con người có khả năng “đề kháng” tốt với môi trường sống.

- Tùy theo khả năng cảm thụ và yêu thích, các em có thể lấy những tác phẩm được học hoặc đã đọc để chứng minh cho những ý trên.

* Bài tham khảo

“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên”

(Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Đúng vậy, khi bước vào đời không phải chúng ta đã sẵn có tất cả những kiến thức, những tình cảm của người đời, nhất là vốn liếng dùng cho cuộc sống. Nhưng nhờ giáo dục, học tập, qua các truyện cổ, ca dao, câu tục ngữ... mà ta hình dung được cuộc đời vất vả gian truân, đầy sóng gió nhưng cũng ngọt ngào thi vị biết bao. Từ đó chúng ta

được tiếp nhận tư tưởng tình cảm mới “*thương yêu những người lao động có những thân phận đầy đắng cay*” .

“ *Tôi buộc hồn tôi với mọi người*

Để tình trang trải với trăm nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời”

Vì vậy có thể nói xóa bỏ văn chương đi thì loài người sẽ nghèo nàn về tâm linh đến mức nào.

Nhờ học văn chương mà ta bồi dưỡng thêm tinh thần và tình yêu quê hương làng xóm “*Thương người như thể thương thân*”. Qua các tác phẩm truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ, nhất là những tác phẩm văn chương sáng ngời về chủ nghĩa yêu nước của Bác Hồ, chúng ta được bồi dưỡng thêm về tinh thần yêu nước, thương dân, từ đó mới có được những nghĩa cử cao đẹp trong cuộc sống.

“*Dùng cán bút làm đòn xoay chế độ*

Mỗi vần thơ bom đạn phá cường quyền”

“Sóng Hồng”

ĐỀ SỐ 8

(Dành cho học sinh khá, giỏi)

Hãy giải thích và câu nói của Hoài Thanh.

“ *Văn chương bắt đầu từ cuộc sống lao động của con người”*

(Trích văn bản: Ý nghĩa của văn chương).

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Tại sao nói cuộc sống lao động của con người là khởi nguồn của văn chương?

- Chính lao động mới tạo nên hai tiếng *con người* và bằng lao động con người mới tạo nên những giá trị vật chất và tinh thần cho xã hội. Cuộc sống lao động của con người là nguồn cảm hứng bất tận cho thơ ca, nhạc, họa...

- Văn chương chính là đời sống tâm hồn, tình cảm của con người. Văn chương đi ra từ cuộc sống lao động và trở về phục vụ cuộc sống lao động.

2. Chứng minh

a. Trong cuộc sống sinh hoạt, lao động, con người có nhu cầu giải bày tâm tư tình cảm. Những câu hò, điệu hát ra đời, ví dụ như ca dao, dân ca, truyện kể...

b. Hai cuộc kháng chiến vệ quốc trở thành đề tài, cảm hứng cho văn học.

- Văn học kháng chiến chống Pháp: Tố Hữu, Chủ tịch Hồ Chí Minh...

- Văn học kháng chiến chống Mĩ: Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm...

c. Cuộc sống hòa bình, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã thành những chủ đề cho văn học nghệ thuật.

ĐỀ SỐ 9

Giải thích và chứng minh câu tục ngữ:

“Đi một ngày đàng học một sàng khôn”

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. Giải thích

- Nghĩa đen:

+ Đi một ngày đàng! Sự dịch chuyển thay đổi không gian.

+ Học một sàng khôn! Thu nhận được nhiều thứ.

- Nghĩa cả câu: con người phải luôn có ý thức học hỏi, quan sát, tìm tòi, khám phá lúc ấy mới thu nhận được nhiều tri thức (điều hay lẽ phải ở đời).

2. Chứng minh: Đặt câu hỏi, con người học sàng khôn ở đâu?

- Ở nhà, học những lời dạy dỗ của ông bà, cha mẹ, anh chị.

- Ra đường học ở bạn bè, những người lớn những điều tốt đẹp.

- Tại trường học ở thầy cô, sách vở.

- Thấy điều xấu nên tránh, điều tốt nên thu.

⇒ Muốn thu nhận được điều khôn ta phải có ý thức tìm tòi, chọn lọc lấy cái hay, cái đẹp. Nếu không có ý thức ấy thì dù có chọn lọc nhiều “sàng khôn” cũng vô nghĩa, học phải biết vận dụng hữu ích vào cuộc sống của mình.

III. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

ĐỀ SỐ 1

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: *Phương thức biểu đạt chính của văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” là gì?*

- A. Tự sự.
- B. Thuyết minh.
- C. Biểu cảm.
- D. Nghị luận.

Câu 2: *Câu tục ngữ “Học ăn, học nói, học gói, học mở” nêu lên bài học gì?*

- A. Cách ăn nói lễ độ văn minh lịch sự.
- B. Cách ứng xử lịch thiệp, đúng đắn.
- C. Cách sống chu đáo, khôn ngoan, đúng đắn.
- D. Cách học làm người có nhân cách, có văn hoá.
- E. Gồm A, B, C, D.

Câu 3: *Theo em, bốn chữ “Sống chết mặc bay” trong nhan đề của truyện ngắn này được Phạm Duy Tốn dùng với nghĩa gì?*

- A. Dùng để chỉ thái độ của tên quan phủ trước cuộc sống của những người dân quê.
- B. Dùng để chỉ thái độ của giai cấp thống trị từ trước tới nay trước cuộc sống của những người dân quê.
- C. Dùng để chỉ thái độ của tên quan phủ trước cuộc sống của bọn chánh tổng và nha lại.
- D. Là một vế của câu tục ngữ “Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”.

Câu 4: *Trong đoạn văn “Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng...”, tác giả đã sử dụng thao tác nghị luận nào để nói về sức mạnh của lòng yêu nước qua nước các trang sử vẻ vang do ông cha ta làm nên?*

- A. Giải thích.
- B. Bình luận.
- C. Chứng minh.
- D. Giải thích và chứng minh.

Câu 5: Bác viết truyện ngắn “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu” nhằm mục đích chủ yếu nào?

- A. Chỉ để ca ngợi phẩm chất, khí phách của Phan Bội Châu.
- B. Chỉ để xây dựng hai nhân vật có tính cách đại diện cho hai lực lượng xã hội hoàn toàn đối lập nhau.
- C. Vạch rõ chủ trương bịp bợm của thực dân Pháp và phơi bày những trò lừa đảo, lố bịch của Va-ren.
- D. Chỉ để cho người Việt Nam thấy được thực chất của quá trình “khai hoá văn minh” của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Câu 6: Nếu viết “Bước xuống một con thuyền rồng, có lẽ thuyền này xưa kia chỉ dành cho vua chúa” thì câu văn sẽ thiếu thành phần nào?

- A. Chủ ngữ.
- B. Vị ngữ.
- C. Trạng ngữ.
- D. Bổ ngữ.

2. TỰ LUẬN

Giải thích câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu trả lời đạt 0.5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	E	A	C	B	A

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Yêu cầu

Viết đúng thể loại văn nghị luận.

Dàn bài

1. Mở bài. (0,5 điểm)

- Giáo dục đạo lí làm người cho con cháu là việc làm thường xuyên, rất được coi trọng của ông cha ta từ trước đến nay. Những bài học sâu sắc ấy được chứa đựng trong ca dao tục ngữ.

- Câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn* là bài học về lòng biết ơn, thái độ trân trọng đối với người đã tạo ra thành quả cho xã hội mà bản thân mỗi chúng ta được hưởng thụ.

2. Thân bài (5 điểm)

a. Giải thích ý nghĩa câu: Uống nước nhớ nguồn (1 điểm)

- Nghĩa đen (nghĩa hiển ngôn): Uống nước nhớ đến nguồn (nơi khởi đầu của dòng nước).

- Nghĩa bóng (nghĩa hàm ngôn)

+ Người được hưởng thụ thành quả lao động phải nhớ ơn người đã tạo ra thành quả đó.

+ Mở rộng; thế hệ sau phải ghi nhớ công ơn của thế hệ trước.

b. Tại sao uống nước phải nhớ nguồn? (2 điểm)

Vi: Tất cả mọi thành quả lao động (vật chất và tinh thần) mà chúng ta hưởng ngày nay là do công sức của bao thế hệ tạo nên, nhiều thành quả phải đổi bằng xương máu (thành quả cách mạng).

c. Thái độ của người uống nước đối với nguồn (2 điểm).

- Là thái độ trân trọng, biết ơn.

- Là ý thức vun đắp, bảo vệ và góp phần phát triển những thành quả đạt được, góp công sức của mình làm cho gia đình ấm no, đất nước giàu mạnh.

- Là thái độ phê phán những biểu hiện sai trái với đạo lí dân tộc: thái độ bạc bẽo, vô ơn, phủ nhận, quên lãng quá khứ.

3. Kết bài (0,5 điểm)

- Lòng biết ơn là một tình cảm mang tính truyền thống của dân tộc ta. Mỗi học sinh phải có ý thức thường xuyên trau dồi thái độ quý trọng cha mẹ, thầy cô và những người làm ra của cải, vật chất, tinh thần cho xã hội.

bài viết sạch sẽ, văn phong sáng sủa, chữ viết rõ ràng (1 điểm).

ĐỀ SỐ 2

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Mục đích sử dụng phép tương phản của Phạm Duy Tốn trong truyện ngắn “Sống chết mặc bay” là:

A.. Làm nổi bật sự đối lập gay gắt giữa sinh mạng của người dân và cuộc sống của bọn quan lại.

B. Làm nổi bật cuộc sống xa hoa của tên quan phủ.

C. Làm nổi bật số phận của người dân khi bị thiên tai.

D. Làm nổi bật sự đối lập giữa sức người và sức nước.

Câu 2: Giá trị hiện thực của tác phẩm “Sống chết mặc bay” của Phạm Duy Tốn là:

A. Thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước nỗi khổ của người dân.

B. Tố cáo bọn quan lại xấu xa, mất nhân tính.

- C. Phê phán sự vô trách nhiệm của bọn cầm quyền.
 D. Phản ánh sự đối lập hoàn toàn giữa cuộc sống của bọn quan lại với tính mạng đang bị đe dọa của người dân.

Câu 3: “Va-ren và Phan Bội Châu là hai nhân vật có tính cách đại diện cho hai lực lượng xã hội hoàn toàn đối lập nhau”.

Đúng hay sai?

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 4: Dòng nào nói đúng nhất những nội dung mà văn bản “Ca Huế trên sông Hương” muốn đề cập đến.

- A. Vẻ đẹp của cảnh ca Huế trong trăng thơ mộng.
 B. Nguồn gốc của một số làn điệu ca Huế.
 C. Sự phong phú và đa dạng của các làn điệu ca Huế.
 D. Cả A, B, C.

Câu 5: Câu văn “Thế điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương, ai oán” dùng phép liệt kê gì?

- A. Liệt kê tăng tiến. B. Liệt kê không tăng tiến.
 C. Liệt kê theo từng cặp. D. Liệt kê không theo từng cặp.

Câu 6: Khi nào phải làm văn bản báo cáo?

- A. Khi cần trình bày về sự việc và kết quả làm được của cá nhân hay tập thể.
 B. Khi muốn truyền đạt những nội dung và yêu cầu từ cấp trên xuống.
 C. Khi xuất hiện một nhu cầu quyền lợi chính đáng.
 D. Khi muốn xin giải quyết một việc.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1: Đặt một câu chủ động rồi biến đổi thành câu bị động (1 điểm).

Câu 2: Đặt một câu có cụm từ chủ - vị làm thành phần vị ngữ (1 điểm).

Câu 3: Tập làm văn (5 điểm)

Tục ngữ có câu “Thương người như thể thương thân”.

Em hiểu câu tục ngữ trên như thế nào? Hãy giải thích.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	A	D	C	A

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 và 2 đúng như yêu cầu mỗi câu 1 điểm.

Câu 3. Tập làm văn

* *Về hình thức*: Bài viết đầy đủ các phần, không sai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ.

* *Về nội dung*

a. Mở bài (1 điểm)

- Giới thiệu vấn đề cần giải thích.
- Định hướng cho sự giải thích.

b. Thân bài (3 điểm)

- Giải thích nội dung, ý nghĩa: Đây là lời khuyên chí tình nhắc nhở con cháu phải biết yêu thương, giúp đỡ người khác như yêu thương chính bản thân mình.

- Tại sao yêu thương người như yêu thương chính bản thân mình?
- Điều này được biểu hiện như thế nào?

c. Kết bài (1 điểm)

- Câu tục ngữ là bài học về đạo lí làm người.
- Chúng ta phải phát huy truyền thống tốt đẹp này.

ĐỀ SỐ 3

1. TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” (Phạm Văn Đồng) đã đề cập đến sự giản dị của Bác ở những phương diện nào?

- A. Bữa ăn, công việc.
- B. Đồ dùng, căn nhà.
- C. Quan hệ với mọi người và trong lời nói, bài viết.
- D. Cả ba phương diện trên.

Câu 2: Văn bản “Sự giàu đẹp của tiếng Việt” là của tác giả:

- A. Hoài Thanh.
- B. Phạm Văn Đồng.
- C. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. Đặng Thai Mai.

Câu 3: Văn bản “Ý nghĩa văn chương” (Hoài Thanh) thuộc kiểu nghị luận chính trị - xã hội.

- A. Đúng.
- B. Sai.

Câu 4: Chọn từ điền vào chỗ trống của câu tục ngữ:

“Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại...”

- A. gió B. bão C. lụt D. mưa

Câu 5: Câu nào sau đây là câu rút gọn.

- A. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
B. Chúng ta ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây.
C. Ai ăn quả cũng phải nhớ kẻ trồng cây.
D. Tất cả đều sai.

Câu 6: Câu đặt biệt

- A. Là câu có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.
B. Là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ.
C. Là câu chỉ có chủ ngữ.
D. Là câu chỉ có vị ngữ.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Giải thích câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	B	C	A	B

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

1. Mở đầu. (1,5 điểm)

Giới thiệu về vấn đề cần giải thích “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”

2. Thân bài. (4 điểm)

- Giải thích câu tục ngữ.
- Tại sao “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.
- Làm thế nào để thể hiện thái độ biết ơn?
- Phê phán sự vô ơn.

3. Kết bài. (1,5 điểm):

Khẳng định ý nghĩa của câu tục ngữ trên./.

ĐỀ SỐ 4

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn, sau đó trả lời bằng cách lựa chọn đáp án em cho là đúng [...] “*Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lơ chính thức của ông Va-ren. Hãy theo ông ta đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.*”

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt”...

(Ngữ văn 7, tập II)

Câu 1: Đoạn trích trên nằm ở văn bản nào?

- A. Ý nghĩa văn chương.
- B. Sống chết mặc bay.
- C. Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.
- D. Ca Huế trên sông Hương.

Câu 2: Tác giả của văn bản trên là của ai?

- A. Hoài Thanh.
- B. Nguyễn Ái Quốc.
- C. Hà Ánh Minh.
- D. Phạm Duy Tồn.

Câu 3: Câu văn “Hãy theo theo ông ta đến tận Hà Nội, tận công nhà lao chính, tận xà lim,...” là loại nào xét về cấu tạo?

- A. Câu đơn bình thường.
- B. Câu ghép đẳng lập.
- C. Câu đặc biệt.
- D. Câu ghép.

Câu 4: Đoạn trích được sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- B. Liệt kê.
- C. Nhân hoá.
- D. Ẩn dụ.

Câu 5: Trong câu “Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn” dấu phẩy dùng để làm gì?

- A. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận cùng chức năng.
- B. Ngăn cách phần nòng cốt câu với phần giải thích thêm.
- C. Ngăn cách giữa các vế của một câu ghép.
- D. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một phép liệt kê.

Câu 6: Dòng nào thể hiện chính xác nhất đại ý của đoạn văn?

- A. Kể về cuộc gặp gỡ giữa Va-ren và Phan Bội Châu.
- B. Tác giả nói với mọi người về nhân vật Va-ren.
- C. Kể về người anh hùng Phan Bội Châu.
- D. Tác giả ghi lại cảm xúc khi tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa Va-ren và Phan Bội Châu.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Hãy giải thích ý nghĩa của câu ca dao:

“Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng”

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	B	C	D

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Yêu cầu: Viết được bài văn lập luận, giải thích.

* Lời văn giải thích cần sáng sủa dễ hiểu, giữa các phần, các đoạn cần có sự liên kết.

* Bài văn có đủ ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

- *Mở bài (0,5 điểm):*

+ Giới thiệu câu ca dao, điều người xưa muốn nhắn nhủ.

- *Thân bài (5 điểm):*

+ Giải thích ý nghĩa của câu ca dao: Hình ảnh “nhiều điều phủ lấy giá gương” có ý nghĩa gì?

+ Nêu thêm một số câu tục ngữ, ca dao cùng chủ đề.

+ Giải thích ý nghĩa của vấn đề: Tinh thần đoàn kết, thương yêu đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau là giá trị và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

+ Làm rõ sự vận dụng của câu ca dao vào đời sống: Cần có hành động thiết thực cụ thể như “nuông cơm sẻ áo”, quan tâm giúp đỡ những người gặp khó khăn hoạn nạn...

- *Kết bài (0,5 điểm):*

+ Rút ra ý nghĩa của vấn đề đã giải thích.

+ Liên hệ bản thân, rút ra bài học.

* **Hình thức (1 điểm).**

Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, viết đúng chính tả, ngữ pháp.

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Cho đoạn văn sau:

...Bấy giờ ai nấy đều ở trong đình, đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra lời:

- Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi!

Quan lớn đỏ mặt tía tai, quay ra quát rằng:

- Đê vỡ rồi!... Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không... Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xông xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?

- Dạ, bẩm...

(Trích Ngữ Văn 7, tập 2, trang 78)

Chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào bài làm:

Câu 1: Đoạn văn trên của tác giả nào? Trích trong tác phẩm nào?

- A. Phạm Duy Tốn, Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu
- B. Nguyễn Ái Quốc, Sống chết mặc bay.
- C. Phạm Duy Tốn, Sống chết mặc bay.

Câu 2: Đoạn văn trên đã góp phần đặc lực cho việc

- A. Tố cáo quan phụ mẫu tàn bạo, bất nhân.
- B. Tố cáo tên quan phụ mẫu hống hách, vô trách nhiệm.
- C. Sự sợ hãi hoảng hốt của mọi người trong đình và anh lính hầu vì đê đã vỡ.
- D. Thái độ và tình cảm của mọi người trong đình khi nghe tin báo vỡ đê.

Câu 3: Đoạn văn trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Nghị luận chứng minh.
- B. Nghị luận giải thích.
- C. Miêu tả.
- D. Tự sự.

Câu 4: Câu nào là câu rút gọn?

- A. Đê vỡ rồi !
- B. Dạ, bẩm...
- C. Có biết không?
- D. Lính đâu?

Câu 5: Dấu chấm lửng trong câu “Bầm... quan lớn... đê vỡ rồi!” dùng để:

- A. Thể hiện chỗ lời nói ngập ngừng, ngắt quãng.
- B. Tổ ý còn nhiều sự việc hiện tượng chưa liệt kê hết.
- C. Làm giãn nhịp điệu văn bản, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ bất ngờ hay hài hước châm biếm.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 6: Các dấu gạch ngang trong đoạn văn trên dùng để:

- A. Nói với các lời nói của nhân vật.
- B. Giải thích rõ hơn lời nói của nhân vật hay của người viết.
- C. Đặt đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.
- D. Nói các từ nằm trong một liên danh.

2. TỰ LUẬN (7điểm)

Hãy giải thích câu tục ngữ: “Lá lành đùm lá rách”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	B	A	C

2. TỰ LUẬN (7điểm)

1. Mở đầu (1 điểm)

- Tình yêu thương giữa con người với con người là truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta cần được phát huy. Tục ngữ có câu “Lá lành đùm lá rách”, đó là một chân lí.

2. Thân bài (4 điểm): Mỗi ý đúng 1 điểm.

- Câu tục ngữ mang một hình ảnh đẹp, gợi cảm. “Đùm” là sự bao bọc, che chở. Khi gói bánh, chiếc lá lành lặn xinh xắn bao giờ cũng được bao bên ngoài chiếc lá xấu, lá rách để đảm bảo vẻ đẹp về hình thức và giữ được thực phẩm bên trong không rơi vãi.

- Câu tục ngữ gợi những hình ảnh liên tưởng: lá lành chỉ người giàu có, sung sướng luôn gặp may mắn trong cuộc đời, lá rách chỉ kẻ nghèo khổ bất hạnh luôn gặp rủi ro. Câu tục ngữ mang ý nghĩa sâu sắc, người giàu có phải biết thông cảm, sẵn lòng yêu thương đùm bọc những người lao khổ.

- Tại sao phải như thế? Không ai có thể sống lẻ loi, đơn độc trên cuộc đời mà không cần sự trợ giúp của những người chung quanh. Sự thăng trầm của cuộc sống ở mỗi con người trong cuộc đời không ai có thể lường trước được. Thế nên chúng ta cần phải “tương thân, tương ái”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no” để cùng nhau vượt qua những khó khăn, hoạn nạn.

+ Ta còn có những câu tương tự:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

- Chúng ta thực hiện lời khuyên như thế nào?

+ Hằng năm tham gia những đợt quyên góp vì người nghèo, ủng hộ những nạn nhân bị thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn,...

+ Một xã hội văn minh, hạnh phúc, tiến bộ là một xã hội mà ở đó con người luôn biết đoàn kết, yêu thương, quý trọng lẫn nhau: làm từ thiện.

+ Chúng ta chỉ sống yên lành khi những người xung quanh ta hạnh phúc.

3. Kết bài (1 điểm)

- Câu tục ngữ đúc rút kinh nghiệm về cuộc sống, cho ta một bài học sâu sắc về đạo lí làm người.

- Liên hệ bản thân.

* Hình thức trình bày: chữ viết đẹp, đúng chính tả, cách diễn đạt trong sáng (1 điểm).

ĐỀ SỐ 6

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Đọc kĩ câu hỏi và tìm phương án trả lời đúng nhất.

Câu 1: Câu nào sau đây không phải là câu tục ngữ:

- A. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.
- B. Một nắng hai sương.
- C. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân.
- D. Khoai đất lạ, mạ đất quen.

Câu 2: Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” được viết theo phương thức biểu đạt nào là chính?

- A. Miêu tả.
- B. Tự sự.
- C. Biểu cảm.
- D. Nghị luận.

Câu 3: Cuộc sống của Bác Hồ là cuộc sống thực sự văn minh, vì:

- A. Đó là cuộc sống giản đơn.
- B. Đó là cuộc sống đề cao vật chất.
- C. Đó là cuộc sống phong phú, cao đẹp về tinh thần, không màng vật chất.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 4: Nguyễn Ái Quốc đặt nhan đề cho tác phẩm của mình là “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu” vì:

- A. Tác giả tưởng tượng ra chuyến công du của Va-ren sang Việt Nam để đem tự do cho nhà cách mạng Phan Bội Châu.
- B. Tất cả chỉ là cái vỏ giả dối để lừa công luận.
- C. Tất cả các chặng đường hấn đi qua, hấn như một con rối, diễn những trò lố bịch.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 5: Xác định câu in nghiêng:

Mẹ vuốt tóc tôi và nhẹ nhàng dắt tay em Thuý:

- *Đi thôi con.*

- A. Là câu đặc biệt.
- B. Là câu bình thường.
- C. Là câu rút gọn.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 6: Những hình thức ngôn ngữ nào không được vận dụng trong truyện “Sóng chết mặc bay”.

- A. Ngôn ngữ tự sự
- B. Ngôn ngữ đối thoại
- C. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm
- D. Ngôn ngữ biểu cảm

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ:

“Thất bại là mẹ thành công”

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	B	C	C

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

1. Mở bài (1,5 điểm):

(Đi thẳng vào điều cần giải thích)

- Câu tục ngữ có giá trị động viên, cổ vũ tinh thần những ai đã từng gặp thất bại trong cuộc sống.

2. Thân bài (4 điểm)

- Câu tục ngữ nêu rõ hai đối tượng mang ý nghĩa tương phản nhau.

- Nếu hiểu theo nghĩa đen, thì “thất bại” có nghĩa là thực hiện một việc làm, thi hành một công tác không đạt hiệu quả, không đi đến thành công, trái lại với “thành công” có nghĩa là thực hiện đạt kết quả tốt.

- Nói lên câu tục ngữ, người đời xưa nhằm mục đích:

+ Thứ nhất an ủi, động viên người đời thực hiện công việc chưa đạt hiệu quả.

+ Thứ nhì là sự giáo dục óc sáng tạo: từ những thảm bại ê chề, con người sẽ phát sinh sáng kiến mới nhằm khắc phục những thiếu sót, yếu kém...

- Câu tục ngữ chẳng những tổng kết một kinh nghiệm mà còn là một lời khuyên, một lời khích lệ.

3. Kết bài (1,5 điểm)

- Ý nghĩa giáo dục của vấn đề.

- Suy nghĩ.

ĐỀ SỐ 7

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất.

“Đêm đã về khuya. Xa xa bờ bên kia Thiên Mục hiện ra mờ ảo, ngọn tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn vô hồi xa mãi cùng những tiếng đàn réo rắt du dương. Đó là lúc các ca nhi cất lên khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn như nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có bản nhạc mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương ai oán... Làn ca thông thả, trang trọng, trong sáng gọi lên tình người, tình đất nước, trai hiền, gái lịch.

Nghe tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương, cùng tiếng chuông chùa Thiên Mục gọi năm canh, mà trong khoang thuyền vẫn đầy áp lời ca tiếng nhạc”.

Câu 1: Tác giả của đoạn văn trên là ai?

- A. Võ Quảng. C. Hà Ánh Minh.
B. Minh Hương. D. Nguyễn Tuân.

Câu 2: Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào?

- A. Ý nghĩa văn chương. B. Sài Gòn tôi yêu.
C. Ca Huế trên sông Hương. D. Sống chết mặc bay.

Câu 3: Thời gian được miêu tả trong đoạn văn là khi nào?

- A. Sáng. C. Chiều. B. Trưa. D. Đêm khuya.

**Câu 4: Trong câu văn sau, tác giả sử dụng phép tu từ nào?
"Thế điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng
khuâng, có tiếc thương ai oán..."**

- A. Chơi chữ. C. Hoán dụ. B. Nhân hoá. D. Liệt kê.

**Câu 5: Trong đoạn văn trên, tác giả kể bao nhiêu làn điệu dân
ca Huế?**

- A. 7. C. 5. B. 6. D. 4.

Câu 6: Nếu viết "xa xa bờ bên kia Thiên Mục" câu văn mắc lỗi nào?

- A. Thiếu trạng ngữ. B. Thiếu chủ ngữ.
C. Thiếu chủ ngữ, vị ngữ. D. Thiếu vị ngữ.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Em hãy chứng minh ca dao dân ca là tiếng nói tình cảm của con người Việt Nam.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	D	D	A	C

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

1. Mở bài (1,5 điểm)

- Giới thiệu được vấn đề cần chứng minh.
- Giới hạn của đề.

2. Thân bài (3 điểm)

- Nêu được các luận điểm.

Luận điểm 1: Ca dao dân ca là tiếng nói của tình cảm, của gia đình (1 điểm).

Luận điểm 2: Ca dao dân ca là tiếng nói của tình cảm bạn bè, thầy cô (1 điểm).

Luận điểm 3: Ca dao dân ca là tiếng nói của tình cảm quê hương, đất nước (1 điểm).

3. Kết luận (1,5 điểm):

- Khẳng định vấn đề.
- Cảm nghĩ.

* 1 điểm về hình thức: Chữ viết đẹp, sạch sẽ, viết đúng thể loại, bố cục. Các luận điểm phải rõ ràng, không sai phạm lớn về từ, câu.

ĐỀ SỐ 8

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

"Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng".

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?

- A. Sự giàu đẹp của tiếng Việt.
- B. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- C. Đức tính giản dị của Bác Hồ.
- D. Ý nghĩa văn chương.

Câu 2: Đoạn văn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh.
- B. Ẩn dụ.
- C. Liệt kê.
- D. Hoán dụ.

Câu 3: Dấu chấm lửng trong đoạn văn trên được dùng để:

- A. Còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng ngắt quãng.
- C. Làm giảm nhịp điệu câu văn.
- D. Chuẩn bị sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Câu 4: Dòng nào sau đây thể hiện rõ luận điểm của đoạn văn trên?

- A. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.
- B. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...

C. Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân tộc ta.

D. Cả A và B đúng.

Câu 5: Câu “*Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang của thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung*” có vai trò là:

A. Luận điểm .

B. Luận chứng.

C. Luận cứ.

D. Cả 3 đều đúng.

Câu 6: Nội dung của đoạn văn trên đề cập đến tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

A. Trong quá khứ.

B. Trong cuộc kháng chiến chống các thế lực phong kiến phương Bắc.

C. Trong cuộc kháng chiến của nhân dân miền Bắc.

D. Trong cuộc kháng chiến của bộ đội trên khắp các chiến trường.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Em hãy giải thích nội dung lời khuyên của Lê-Nin “*Học, học nữa, học mãi*”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	C	C	A

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

1. Mở bài

- Dẫn vào phong trào học tập hiện nay.

- Giới thiệu câu nói của Lê-nin “*Học, học nữa, học mãi*”.

2. **Thân bài:** Giải thích ý nghĩa lời khuyên của Lê-nin.

- Học nữa: Học thêm, nâng cao để bổ sung vào những điều đã học.

- Học mãi: Học không ngừng, học suốt đời.

- Vì sao phải không ngừng học tập?

+ Kiến thức ở trường chỉ là cơ bản. Muốn hoàn thành tốt công việc phải học mở rộng, nâng cao để có kiến thức sâu rộng hơn.

+ Tri thức của nhân loại là vô hạn mà hiểu biết của con người là nhỏ bé. Để thỏa mãn sự ham hiểu biết, làm cho trí tuệ phong phú, con người phải không ngừng học tập.

+ Xã hội phát triển khoa học kĩ thuật... ngày một phát triển. Không học sẽ lạc hậu, sẽ ảnh hưởng đến đời sống bản thân sau này.

- *Làm thế nào để thực hiện lời khuyên của Lê-nin?*

+ Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải nắm vững kiến thức cơ bản để có cơ sở học nâng cao.

+ Áp dụng kiến thức đã học vào cuộc sống “Học phải đi đôi với hành”.

3. Kết luận

- Lời khuyên của Lê-nin mang một giá trị to lớn, khích lệ chúng ta rất nhiều trên con đường học tập.

- Mỗi chúng ta hãy coi học tập là niềm vui, hạnh phúc của đời mình.

* *Biểu điểm:*

- Mở bài: 0,5 điểm.

- Thân bài: 5 điểm

- Kết bài: 0,5 điểm

- 1 điểm dành cho bài viết sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, đẹp.

ĐỀ SỐ 9

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: *Trong những câu văn sau đây, câu văn nào có nội dung giải thích về đức tính giản dị của Bác Hồ:*

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam, Việt Nam hơn bất cứ người Việt Nam nào hết.
- B. Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc.
- C. Bữa cơm chỉ vài ba món giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột.
- D. Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân.

Câu 2: *Nội dung của văn bản nhật dụng?*

- A. Những vấn đề thời sự đang diễn ra trong cuộc sống hôm nay.
- B. Những vấn đề truyền thuyết xa xưa.
- C. Những câu chuyện thần thoại của một thời “Một đi không trở lại”.
- D. Những câu chuyện tiểu thuyết.

Câu 3: *Nội dung nhật dụng của văn bản “Ca Huế trên sông Hương”*

- A. Đây là chứng nhân lịch sử của kinh đô Huế.
- B. Thể hiện vẻ đẹp thâm trầm và mộng mơ của Huế.

C. Ca ngợi và tuyên truyền cho nét đẹp của văn hóa cổ đô Huế.

D. Không phải những nội dung này.

Câu 4: Nếu viết: “Bước xuống một con thuyền rồng, có lẽ con thuyền này xưa kia chỉ dành cho vua chúa” thì câu văn sẽ thiếu thành phần nào?

A. Chủ ngữ.

C. Trạng ngữ.

B. Vị ngữ.

D. Bổ ngữ.

Câu 5: Các câu sau đây, câu nào biến đổi được thành câu bị động:

A. Nó rời nhà lúc chiều tối.

B. Thầy giáo nhắc nhở nó không được bỏ học.

C. Nó hỏi thầy giáo khi nào thì được nghỉ hè.

D. Các bạn của em vừa ra khỏi lớp.

Câu 6: Hãy chỉ ra kiểu liệt kê trong câu thơ sau:

Bác ngời đó lớn mênh mông

Trời xanh, biển rộng, ruộng đồng, nước non

A. Liệt kê theo từng cặp.

B. Liệt kê không theo từng cặp.

C. Liệt kê tăng tiến.

D. Liệt kê không tăng tiến.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

“Nhiều điều phải lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Hãy tìm hiểu người xưa muốn nhắn nhủ điều gì qua câu ca dao ấy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	D	A	C	A	B	C

2. TỰ LUẬN

1. Mở bài: Giới thiệu câu ca dao (1 điểm).

2. Thân bài: (5 điểm)

- Giải thích từng câu.

- Ý nghĩa của câu ca dao trong cuộc sống.

3. Kết bài: (1 điểm)

Tình đồng bào và niềm tự hào đối với đất nước ngày càng được đề cao.

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước...”.

(Trích Ngũ Văn 7 - Tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào?

- A. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- B. Sự giàu đẹp của tiếng Việt.
- C. Ý nghĩa văn chương.
- D. Sống chết mặc bay.

Câu 2: Tác giả của đoạn văn trên là ai?

- A. Phạm Văn Đồng.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- C. Hoài Thanh.
- D. Lê Duẩn.

Câu 3: Đoạn văn trên được sáng tác theo phương thức biểu đạt nào?

- A. Miêu tả.
- B. Biểu cảm.
- C. Nghị luận.
- D. Tự sự.

Câu 4: Sự xuất hiện của ba cụm từ “kết thành, lướt qua, nhấn chìm” trong một câu văn nhằm thể hiện mục đích gì?

- A. Nhấn mạnh và thể hiện sức mạnh của nhân dân ta trong công cuộc chống giặc ngoại xâm.
- B. Nhấn mạnh và thể hiện sức mạnh của Hai Bà Trưng.
- C. Nhấn mạnh và thể hiện sức mạnh của Trần Hưng Đạo.
- D. Không phải 3 ý trên.

Câu 5: Câu văn “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước” là loại câu gì?

- A. Câu đặc biệt.
- B. Câu chủ động.
- C. Câu bị động.
- D. Câu rút gọn.

Câu 6: Ý kiến nào sau đây đúng với nội dung phần mở bài của bài văn chứng minh?

- A. Nêu luận điểm cần chứng minh.
- B. Nêu lí lẽ để chứng minh luận điểm.
- C. Nêu dẫn chứng để chứng minh luận điểm.
- D. Nếu ý nghĩa của luận điểm.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Em hãy làm sáng tỏ câu tục ngữ: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	A	B	C	A	B	A

2. TỰ LUẬN

A. Yêu cầu chung

+ Nắm được yêu cầu thể loại văn giải thích.

+ Bài viết diễn đạt mạch lạc, lời văn trong sáng, không sa đà suy diễn.

B. Yêu cầu cụ thể

- Mở bài

+ Giới thiệu câu tục ngữ.

+ Nêu ý nghĩa chung.

- Thân bài

+ Giải thích câu tục ngữ.

* Nghĩa đen.

* Nghĩa bóng: có lòng kiên trì nhẫn nại sẽ dẫn đến thành công.

- Kết bài

+ Ý nghĩa của câu tục ngữ.

+ Rút ra bài học cho bản thân.

Lưu ý

Tùy theo tình hình thực tế bài làm của học sinh, giáo viên tự nhận xét cho điểm và đánh giá.

ĐỀ SỐ 11

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Bài văn “Đức tính giản dị của Bác Hồ” được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự.

B. Miêu tả.

C. Biểu cảm.

D. Nghị luận.

Câu 2: Theo em nghệ thuật nghị luận ở bài “Sự giàu đẹp của tiếng Việt” có những đặc điểm nổi bật gì?

A. Bố cục chặt chẽ với 3 phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề.

- B. Dẫn chứng cụ thể, phong phú làm nổi bật các đặc điểm đẹp và hay của tiếng Việt.
- C. Lập luận sắc bén, giàu sự thuyết phục.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 3: Về ý nghĩa trạng ngữ trong câu: “Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình” được đặt thêm vào câu để làm gì?

- A. Để xác định thời gian.
- B. Để xác định nguyên nhân.
- C. Để xác định thêm mục đích.
- D. Để xác định nơi chốn.

Câu 4: Câu rút gọn “Và để tin tưởng hơn vào tương lai của nó” đã lược bỏ thành phần nào?

- A. Chủ ngữ.
- B. Chủ ngữ và vị ngữ.
- C. Vị ngữ.
- D. Trạng ngữ.

Câu 5: Trong câu văn “Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có cạn, núi có mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi” tác giả đã dùng biện pháp:

- A. So sánh.
- B. Liệt kê.
- C. Nhân hóa.
- D. Điệp ngữ.

Câu 6: Dấu chấm lửng trong câu “Nếu trong pho lịch sử của loài người xóa các thi nhân và đồng thời trong tâm linh loài người xóa hết những dấu vết họ còn lưu lại thì cái cảnh tượng nghèo nào sẽ đến !...” được dùng để làm gì?

- A. Tỏ ý còn nhiều sự việc hiện tượng chưa liệt kê hết.
- B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.
- C. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.
- D. Tất cả đều đúng.

2. TỰ LUẬN (7 điểm)

Một số bạn của em có phần lơ là trong học tập. Em hãy viết một bài văn để thuyết phục bạn ấy tin vào câu châm ngôn: Nếu còn nhỏ mà không chịu học hành thì lớn lên sẽ chẳng thể làm được việc gì có ích.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

1. TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	D	D	B	A	B	A

2. TỰ LUẬN

1. Mở bài (1 điểm)

Việc học hành có tầm quan trọng rất lớn đối với cuộc đời của mỗi con người.

- Người xưa từng nhắc nhở: Nếu còn trẻ mà không chịu học hành thì khi lớn lên chẳng làm được gì.

2. Thân bài (4 điểm)

a. Giải thích thế nào là học.

Học là tiếp thu những tri thức vốn có của nhân loại qua hoạt động học tập của nhà trường và ngoài xã hội.

Mục đích của việc học là để không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ công việc đạt hiệu quả cao hơn.

b. Giải thích tại sao nếu còn trẻ mà không chịu học thì khi lớn lên chẳng làm được việc gì có ích, không học hành đến nơi đến chốn thì sẽ không đủ kiến thức để bước vào đời.

Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém do đó không học thì không có khả năng làm tốt mọi công việc.

- Trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay nếu không học, chúng ta sẽ không đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Kết bài (1 điểm)

Học vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của mỗi người.

- Trình bày đẹp, viết đúng chính tả (1 điểm).

MỤC LỤC

Lời nói đầu

A. CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ I

I. Đề kiểm tra 15 phút

Đề số 1	5	Đề số 10.....	15
Đề số 2.....	6	Đề số 11	16
Đề số 3.....	7	Đề số 12	17
Đề số 4.....	8	Đề số 13.....	17
Đề số 5.....	9	Đề số 14.....	18
Đề số 6.....	10	Đề số 15.....	19
Đề số 7.....	11	Đề số 16.....	20
Đề số 8.....	12	Đề số 17.....	22
Đề số 9.....	14	Đề số 18.....	23

II. Đề kiểm tra 1 tiết

1. Phần Văn học

Đề số 1	25
Đề số 2	27
Đề số 3	28
Đề số 4	30
Đề số 5	31
Đề số 6	33
Đề số 7	34
Đề số 8	36
Đề số 9	38

2. Phần Tiếng Việt

Đề số 1	39	Đề số 6	46
Đề số 2	40	Đề số 7	47
Đề số 3	42	Đề số 8	49
Đề số 4	43	Đề số 9	51
Đề số 5	44	Đề số 10	52